

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG
Số: 10/2019/CBTT-TTCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 25 tháng 4 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thế Vinh

Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: Di động: 0967 909 966; Cơ quan: 1900 55 88 55

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2018 (Đính kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng!



Nguyễn Thế Vinh



TTC HOSPITALITY

KHẪNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU BẰNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ



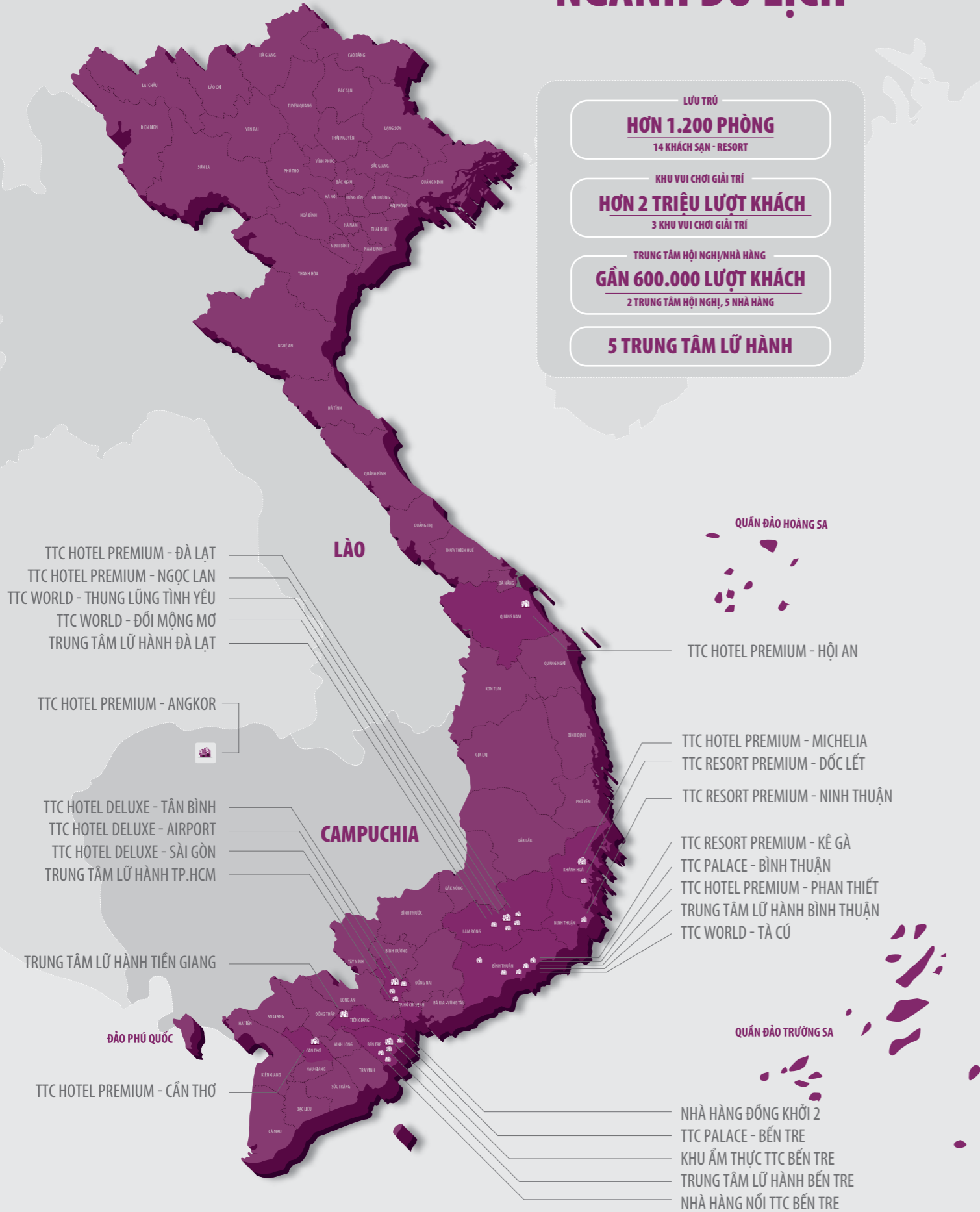
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

www.ttchospitality.vn



TTC HOSPITALITY

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NGÀNH DU LỊCH



LƯU TRỮ
HƠN 1.200 PHÒNG
14 KHÁCH SẠN - RESORT

KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ
HƠN 2 TRIỆU LƯỢT KHÁCH
3 KHU VUI CHƠI GIẢI TRÍ

TRUNG TÂM HỘI NGHỊ/NHÀ HÀNG
GẦN 600.000 LƯỢT KHÁCH
2 TRUNG TÂM HỘI NGHỊ, 5 NHÀ HÀNG

5 TRUNG TÂM LỮ HÀNH

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG	06
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	20
3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	40
4. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	70
5. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	84
6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	140

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT	06
QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN	06
THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	08
THÔNG TIN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY	10
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH	12



1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

Tên viết tắt:

TTC TOURIST

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Công ty Cổ phần mã số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 11/7/2006 (số cũ: 4903000270). Đăng ký thay đổi lần thứ 20 do Sở KH&ĐT Tp.HCM cấp ngày 17/12/2018.

Vốn điều lệ:
837.044.050.000 đồng

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02,
Quận Tân Bình, Tp.HCM

1900 55 88 55

www.ttchospitality.vn

Mã cổ phiếu:
VNG

2006

Hoàn thành việc cổ phần hóa, Vinagolf đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 130 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn với thương hiệu Golf Hotel.

2011

Vinagolf góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor quản lý khách sạn Golf Angkor, từng bước chinh phục thị trường Đông Dương.

2007

Thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh trên cơ sở mở rộng hoạt động kinh doanh đối với dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế.

2012

Đưa vào hoạt động 02 (hai) công ty con TNHH MTV do Vinagolf sở hữu 100% vốn trên cơ sở quản lý kinh doanh Khách sạn Golf 3 tại Đà Lạt và Khách sạn Golf Hội An.

2009

Chính thức niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu VNG và giá giao dịch ngày đầu tiên 17/12/2009 là 16.000 đồng/cổ phiếu

2014

Công ty Cổ phần Golf Việt Nam thực hiện chuyển đổi tên sang Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công, đánh dấu sự ra đời thương hiệu TTC trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn, nhà hàng và du lịch.



1.2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công được hình thành trên cơ sở chuyển đổi tên từ Công ty cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (Vinagolf).

1995 - 1997

tiền thân Vinagolf là những đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn tại hai chi nhánh Đà Lạt và Cần Thơ trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2005

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi Chi nhánh Đà Lạt và Cần Thơ của Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành Công ty Cổ phần Golf Việt Nam (VINAGOLF).

2015 -2016

Đầu tư mua các công ty con, xây dựng hệ thống dịch vụ khách sạn, nhà hàng và du lịch TTC trải dài từ Đà Nẵng đến khu vực các tỉnh Miền Tây.

2017

Tăng vốn điều lệ từ 130.000.000.000 đồng lên 752.050.000.000 đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

2018

Sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi – một công ty con – và phát hành Cổ phiếu dành cho người lao động, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 837.044.050.000 đồng.

THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Quý cổ đông, quý đối tác và khách hàng kính mến,

Năm 2018, du lịch Việt Nam đón 15,6 triệu lượt khách quốc tế, 80 triệu lượt khách nội địa, mang về tổng thu 620.000 tỷ đồng. Cùng năm, du lịch Việt Nam đạt nhiều giải thưởng uy tín, đặc biệt là giải thưởng Điểm đến du lịch hàng đầu châu Á tại Lễ trao giải Giải thưởng Du lịch Thế giới – World Travel Awards. Lợi thế về đẹp thắng cảnh thiên nhiên ban tặng cùng sự nỗ lực của các nhà hoạt động du lịch, ngành công nghiệp không khói đã có một năm thật sự ấn tượng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam.

Với Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Hospitality), năm 2018 là năm bản lề thực hiện phương châm **"Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ"**, cũng là năm đánh dấu nhiều thành tựu và mở ra những bước tiến mới làm dự phóng cho những kế hoạch lớn trong tương lai.

Năm 2018, TTC Hospitality phục vụ 2.5 triệu lượt khách ở các lĩnh vực Lưu trú, Trung tâm Hội nghị, Khu vui chơi và Lễ hành. Cùng năm, Công ty mở rộng thêm quy mô hoạt động với việc khai trương khách sạn TTC Premium – Hội An (tại thành phố Hội An, Quảng Nam) và khách sạn TTC Premium – Angkor (tại thành phố Siem Reap, Vương Quốc Campuchia), nâng tổng số điểm đến của TTC Hospitality lên 18 điểm, trải dài từ khắp các tỉnh thành miền Trung, Tây Nguyên, Đông và Tây Nam Bộ và Campuchia.

Tham gia vào "sân chơi lớn" cùng những "nhà tiên phong" trong phát triển kinh tế nước nhà, TTC Hospitality đặt tiêu chí chất lượng lên hàng đầu,

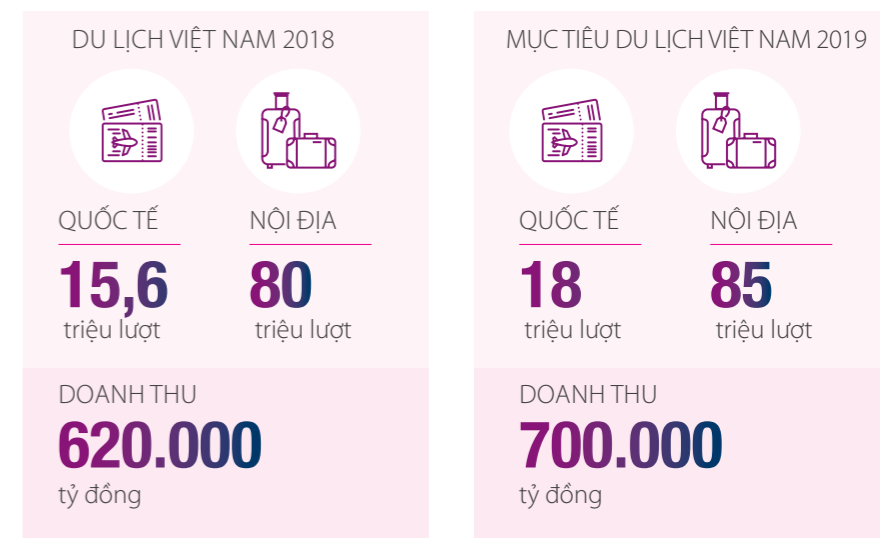
“ Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ ”

không ngừng cải thiện, nâng cấp và đưa vào các dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu tận hưởng cuộc sống ngày càng cao của khách hàng. Những dòng sản phẩm du lịch mới, tiềm năng được Công ty mạnh dạn đưa vào áp dụng như: du lịch All Inclusive, du lịch Người cao tuổi, du lịch Ẩm thực...; đẩy mạnh các dòng sản phẩm du lịch sẵn có như du lịch hội nghị, hội thảo, sự kiện...

Tiếp tục thực hiện phương châm "Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ", trong năm 2019, TTC Hospitality đề ra các mục tiêu tài chính, khách hàng, nguồn nhân lực... thông qua các giải pháp về tiếp thị, kinh doanh, quản lý chất lượng dịch vụ, công tác đầu tư cho từng mảng dịch vụ.

Cụ thể, Công ty tiếp tục duy trì các mô hình hoạt động hiệu quả, mở rộng thị trường khách quốc tế ở lĩnh vực khách sạn/ resort; nâng cao chất lượng dịch vụ, phục vụ và ngoại quan cho lĩnh vực Trung tâm hội nghị; đẩy mạnh công tác xây dựng cảnh quan tăng tính tương tác để thu hút khách hàng đến với Khu vui chơi; khai thác sản phẩm mang tính đặc trưng của Lễ hành như: huyền thoại sông Ba Lai, khám phá xứ dừa Mỹ Thạnh An, khám phá sông Tiền... cùng các chương trình tour kết hợp team building và phát triển các dòng sản phẩm du lịch nước ngoài, đáp ứng thị hiếu du khách từ phổ thông đến cao cấp. Bên cạnh đó, Công ty cũng đẩy mạnh công tác truyền thông, tham gia định kỳ các hội chợ trong và ngoài nước để tìm kiếm khách hàng tiềm năng mới và hoàn thiện các giải pháp đồng bộ khác.

Những mục tiêu và chiến lược đề ra được tin tưởng sẽ là "cú hích lớn" cho TTC Hospitality nâng cao chất lượng dịch vụ và khẳng định thương hiệu du



lịch Việt trong nước cũng như quốc tế, xứng đáng với danh hiệu "thiên đường du lịch" mà bạn bè thế giới đã ưu ái dành tặng cho Việt Nam.

Với những kết quả đạt được trong thời gian qua và những mục tiêu đặt ra trong thời gian tới, chúng tôi xin được gửi lòng tin, sự tri ân và cam kết đến quý Khách hàng, Nhà đầu tư cũng như đội ngũ Cán bộ nhân viên đã cùng chúng tôi kể vai sát cánh.

Với Khách hàng, Chúng tôi cam kết tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh và mang đến chất lượng dịch vụ, phục vụ bằng chính thương hiệu TTC Hospitality để tiếp tục nhận được sự đồng hành, hợp tác;

Với Nhà đầu tư – cùng với vai trò là những người cộng sự và là những người bạn đồng hành, Chúng tôi cam kết chia sẻ những thành công và hy vọng tiếp tục cùng chúng tôi tiến bước với những kế hoạch mới đầy táo bạo;

Với Cán bộ nhân viên, Chúng tôi cam kết tạo ra môi trường làm việc năng

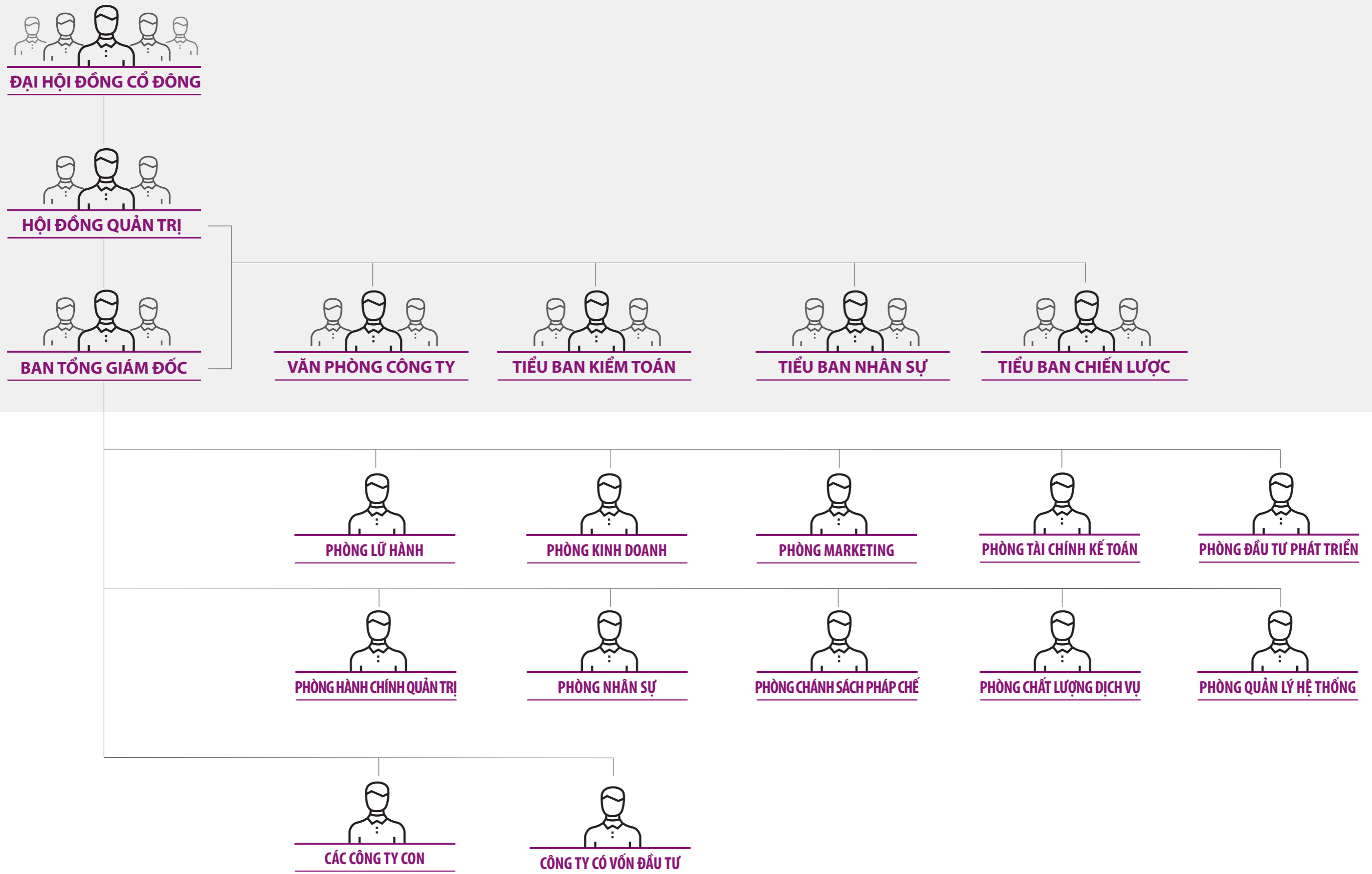
động, chuyên nghiệp để mỗi nhân viên đều có thu nhập cao và có môi trường phát huy tối đa tiềm năng bằng cả trái tim;

Với Cộng đồng, Chúng tôi cam kết tạo ra việc làm cho địa phương là nơi trú ẩn của TTC Hospitality và đóng góp lợi nhuận vào các hoạt động xã hội ý nghĩa.

Năm 2019, ngành Du lịch Việt Nam đề ra mục tiêu đón khoảng 18 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa, nâng tổng thu đạt trên 700.000 tỷ đồng. Đạt được con số này, bên cạnh chính sách đầu tư, khuyến khích du lịch từ Nhà nước là sự đóng góp của từng nhà hoạt động du lịch. Đóng góp thương hiệu TTC Hospitality vào thị trường du lịch tiềm năng của cả nước, Chúng tôi tin tưởng sẽ cùng đảm nhiệm tốt vai trò "tiên phong" trong phát triển kinh tế và đem thương hiệu du lịch Việt Nam tiến xa hơn cùng bạn bè năm Châu.

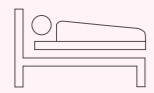
Trân trọng./.

1.3. THÔNG TIN MÔ HÌNH TỔ CHỨC CÔNG TY

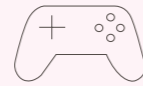


1.4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH



Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn;



Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài
(chỉ được phép hoạt động tại khách sạn TTC Hotel Premium - Cần Thơ).



Kinh doanh dịch vụ ăn uống;



Kinh doanh dịch vụ lữ hành

ĐỊA BÀN KINH DOANH VÀ HỆ THỐNG KHÁCH SẠN

CHI NHÁNH

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG TẠI CẦN THƠ - KHÁCH SẠN TTC



Khách sạn
TTC Premium Cần Thơ



Tiêu chuẩn: 4 sao



số 02 Hai Bà Trưng,
Quận Ninh Kiều, Cần Thơ



0292 3812210

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG TẠI LÂM ĐỒNG



Khách sạn
TTC Premium Đà Lạt



Tiêu chuẩn: 4 sao



04 Nguyễn Thị Minh Khai,
Tp.Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng



0263 3826042





CÔNG TY CON

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BẾN TRE

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



Nhà hàng - Khách sạn tại Nhà hàng Đồng Khởi 2, Khách sạn Bến Tre, Nhà hàng nổi Bến Tre, Nhà hàng Đồng Châu, TTC Palace Bến Tre



16 Hai Bà Trưng, Phường 2, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre



0275 822 392

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống, kinh doanh lữ hành Nội địa & Quốc tế.



Vốn điều lệ:
52.593.480.000 đồng



CÔNG TY CON

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH BÌNH

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



TTC Hotel Duluxe Air Port, TTC Hotel Duluxe Tân Bình, Tòa nhà Betrimex.

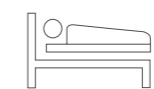


512 Lý Thường Kiệt, Phường 7, Tân Bình, Hồ Chí Minh



(028) 3971 6568
(028) 3971 6569

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống...



Vốn điều lệ:
99.000.000.000 đồng





CÔNG TY CON


Tên giao dịch:

CÔNG TY TNHH DU LỊCH TTC

Cơ sở kinh doanh dịch vụ:

 TTC Hotel Premium Michelia,
TTC Hotel Premium Phan Thiết,
TTC Palace Bình Thuận, TTTM Dịch vụ và
Giặt ủi Bình Thuận, TTC Resort Dốc Lết,
TTC Deluxe Sài Gòn.


 04 Pasteur, Phường Xương Huân,
Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

 0258 3821 905

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống,
kinh doanh lữ hành nội địa & quốc tế,
thương mại, giặt ủi...

 Vốn điều lệ:
(tính đến thời điểm thực hiện báo cáo này)
303.689.770.000 đồng





CÔNG TY CON


Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG LÂM ĐỒNG

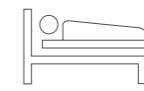
Cơ sở kinh doanh dịch vụ:

 TTC Hotel Premium Ngọc Lan,
Khu vui chơi Tình Yêu Mộng Mơ,
Trung Tâm Giặt ủi Lâm Đồng,
TTC Hotel Premium Hội An.


 42 Nguyễn Chí Thanh, Phường 1,
Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

 02633 528 888

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

 Khu vui chơi
Dịch vụ khách sạn,
nhà hàng, ăn uống...



 Vốn điều lệ:
355.800.610.000 đồng

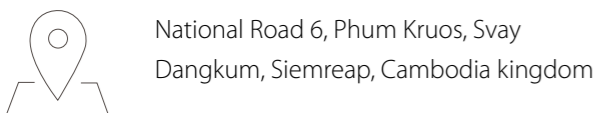
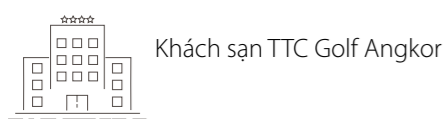


CÔNG TY LIÊN KẾT

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VINAGOLF ANGKOR

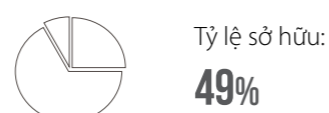
Cơ sở kinh doanh dịch vụ:



Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:



Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch, dịch vụ ăn uống, vận chuyển khách du lịch, kinh doanh lữ hành.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY:

Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của công ty trên cơ sở: ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh, tìm đối tác để hợp tác phát triển các dự án có nhu cầu vốn lớn.

Nâng cấp các khách sạn hiện có của Công ty để giữ vững và phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh.

Tìm kiếm cơ hội đầu tư để mở rộng địa bàn kinh doanh các dịch vụ du lịch lữ hành và dịch vụ khách sạn, nhà hàng... ở trong và ngoài nước.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Đẩy mạnh xây dựng phát triển thương hiệu và công nghệ quản lý; Phát triển nguồn nhân lực đạt tiêu chuẩn ngang tầm các đơn vị kinh doanh ngành Du lịch – Khách sạn trong nước và Quốc tế, nhằm tạo sự phát triển ổn định, bền vững trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường kinh doanh, cân nhắc nội lực của công ty trong giai đoạn mới, nghiên cứu triển khai thêm các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh mới có hiệu quả để tạo thêm doanh số cho Công ty và nguồn thu mới.

Việc hoàn thiện và mở rộng hệ thống khách sạn của Công ty đang từng bước nâng thương hiệu TTC Hospitality lên một đẳng cấp mới, xứng đáng là lựa chọn hàng đầu cho các du khách. Đảm bảo cho Công ty cơ sở hạ tầng tốt nhất để khai thác tối đa nguồn du khách trong và ngoài nước khi ngành Du lịch hồi phục và phát triển.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua một số chỉ tiêu như: tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này tác động vào mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, cụ thể là các nhân tố chính: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát và lãi suất.

Ngoài ra, là một doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, vì thế, hoạt động kinh doanh của Công ty đang và sẽ chịu ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng của ngành du lịch nói riêng và của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2006 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2009. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Tiểu Ban kiểm toán uy tín và chuyên nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trong đó có 2 thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành du lịch, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị Công ty.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm theo đúng quy định hiện nay.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

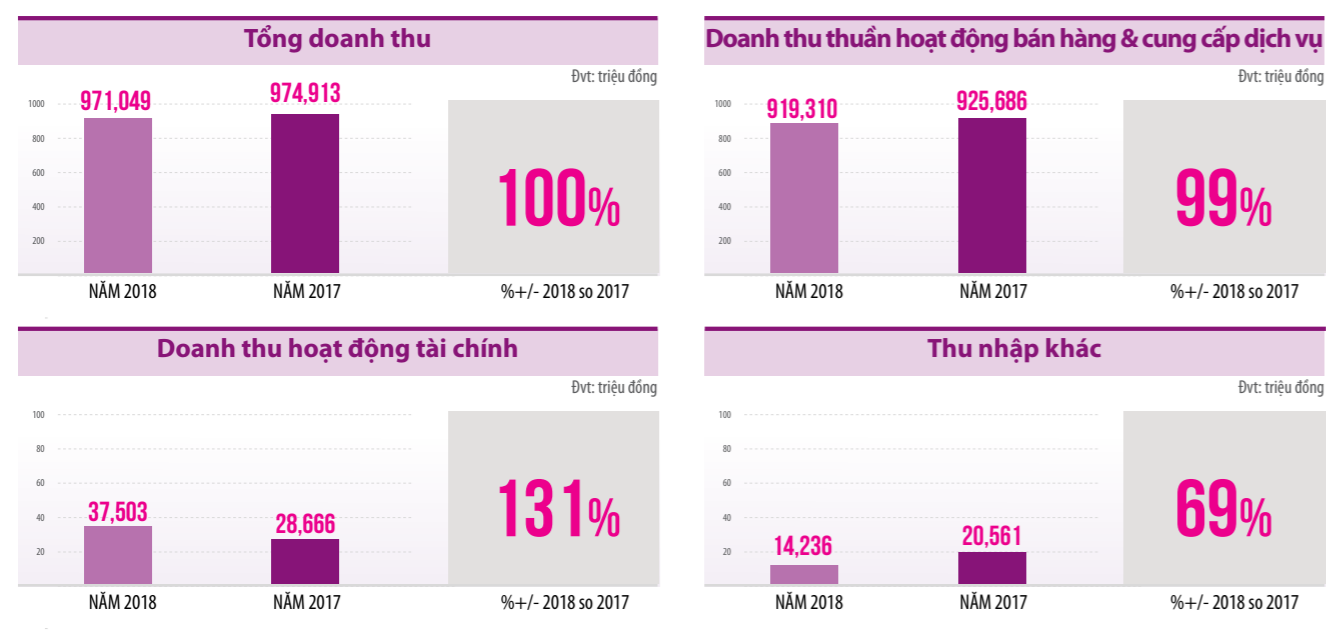
DOANH THU	24
LỢI NHUẬN	26
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	28
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	31
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG - VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	38

2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM:

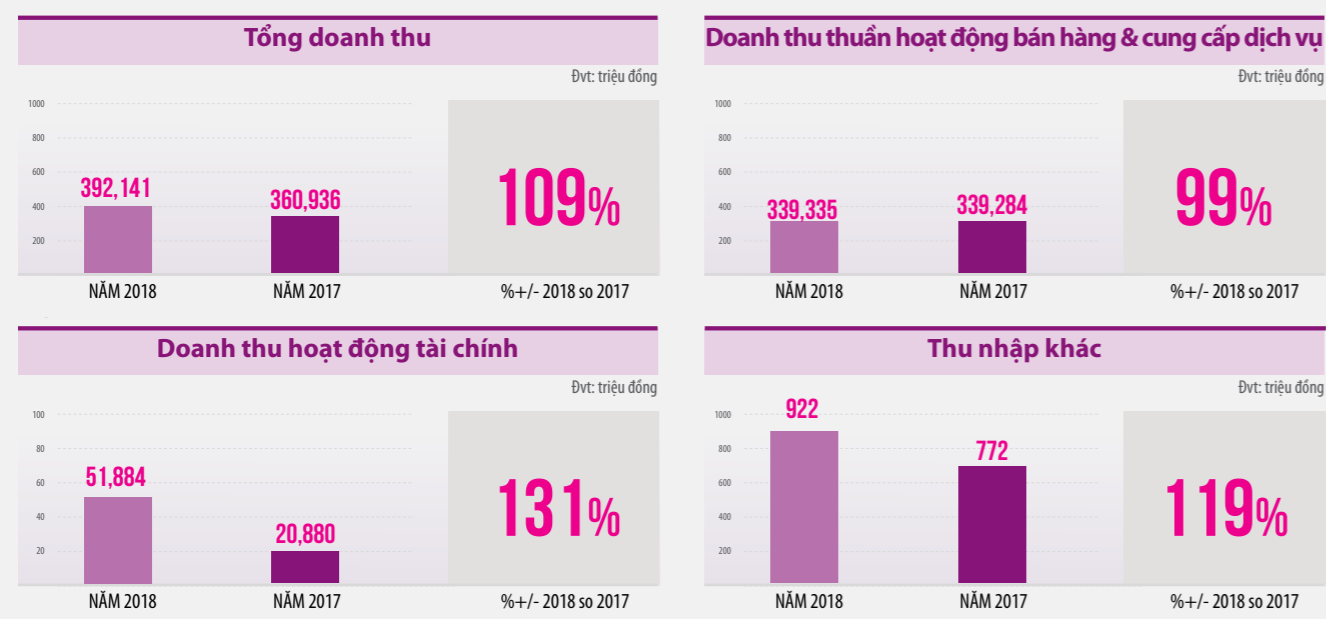
2.1. DOANH THU

Doanh thu và các khoản thu nhập khác trên Báo cáo tài chính Hợp nhất



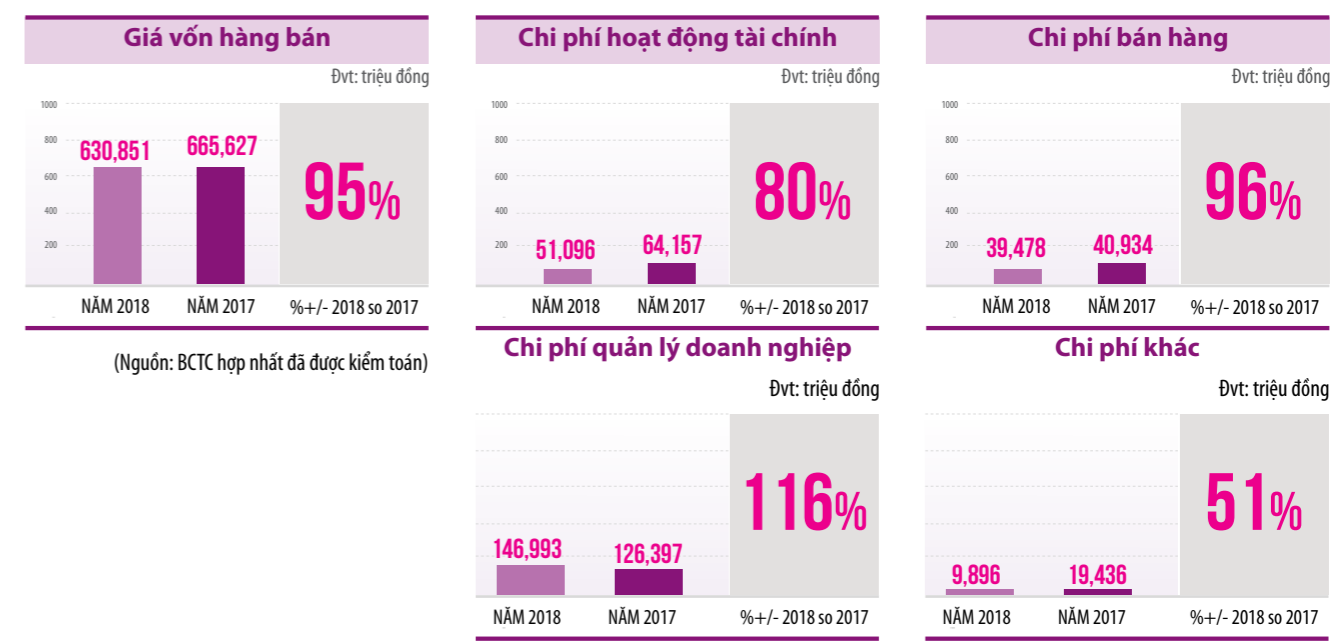
(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

Doanh thu và các khoản thu nhập khác trên Báo cáo tài chính riêng



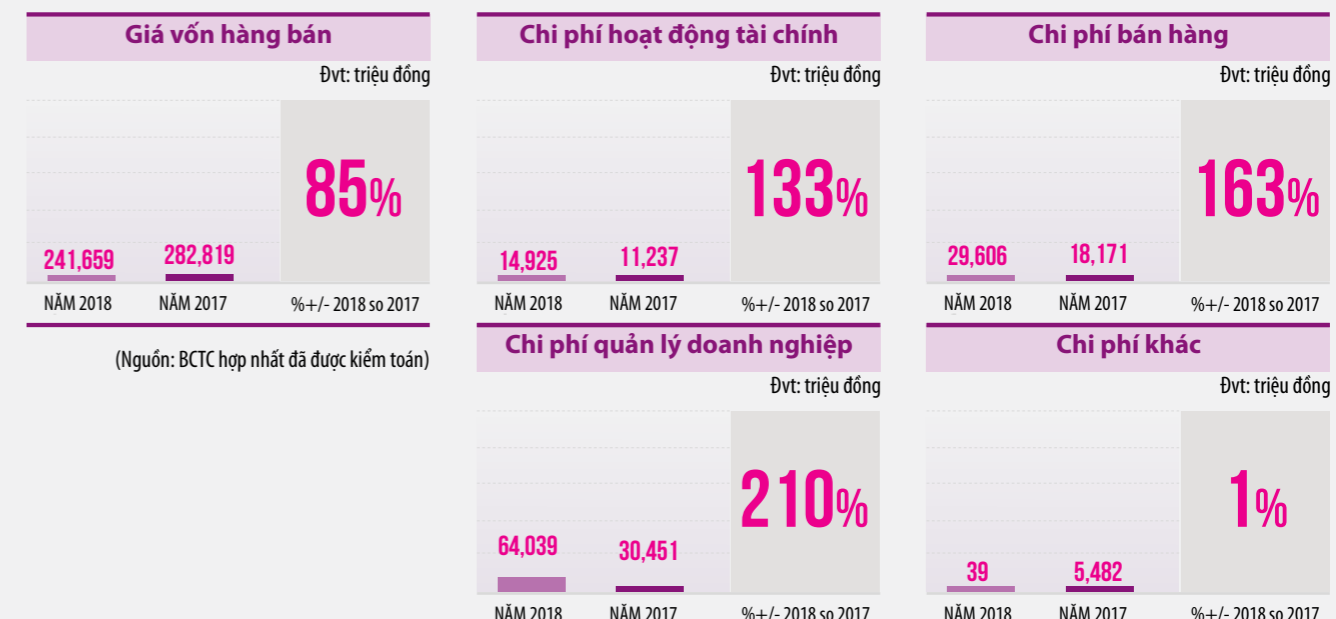
(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán)

Chi phí



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

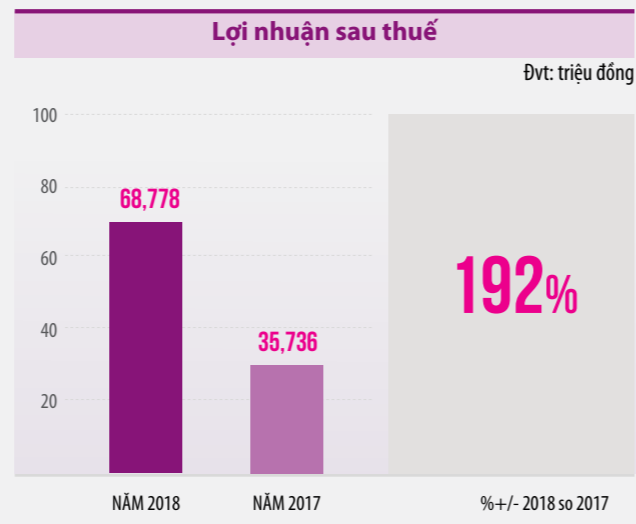
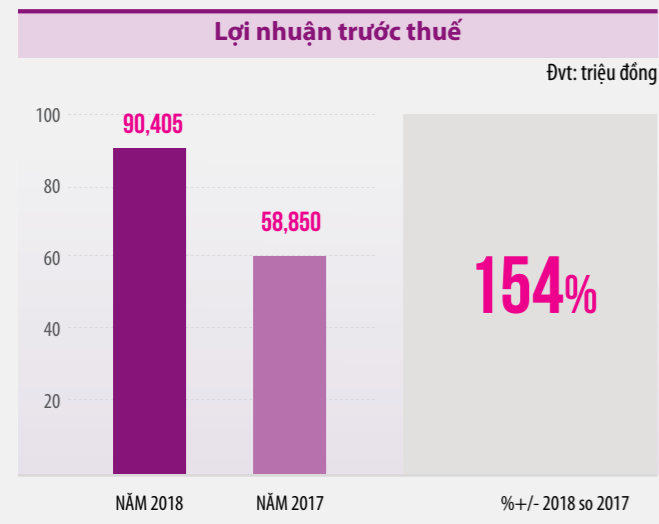
Chi phí trên Báo cáo tài chính riêng



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

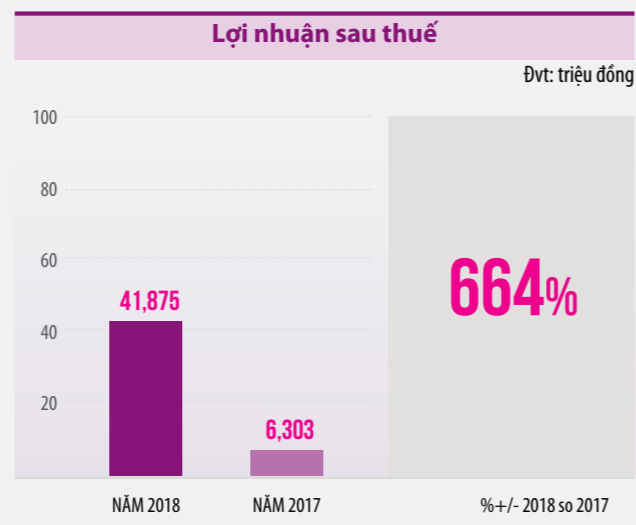
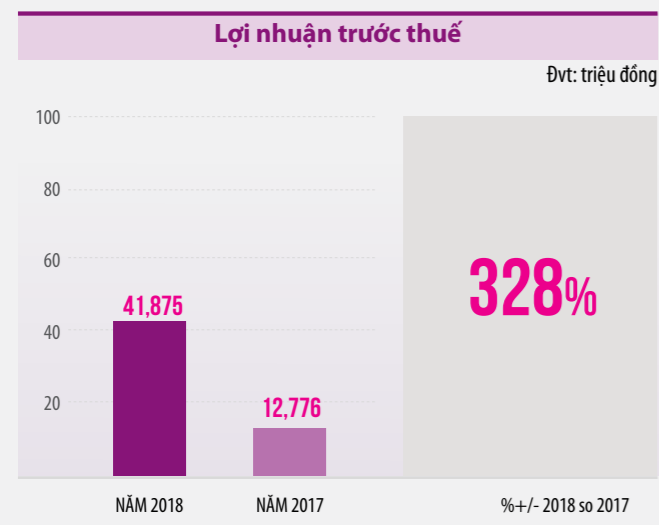
2.2. LỢI NHUẬN

Lợi nhuận Báo cáo tài chính hợp nhất



(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán)

Lợi nhuận Báo cáo tài chính riêng



(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán)



"Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ"



2.3. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị



Ông **NGUYỄN THẾ VINH**
Chủ tịch HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,67%



Bà **NGUYỄN THÁI HÀ**
Phó Chủ tịch HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,09%



Ông **ĐẶNG HUYỀN ANHTUẤN**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,16%



Ông **HOÀNG MẠNH TIẾN**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,09%



Ông **VŨ VIẾT BẢN**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,07%



Ông **ĐỖ HUY HIỆP**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%

Ban điều hành



Bà **PHAN THỊ HỒNG VÂN**
Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,06%



Ông **NGUYỄN VŨ HOÀNG AN**
Phó Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%



Ông **PHAN MINH TRÍ**
Phó Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%

Nhân sự chủ chốt khác



Bà **NGUYỄN THỊ HUỆ TRINH**
Giám đốc tài chính
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,05%

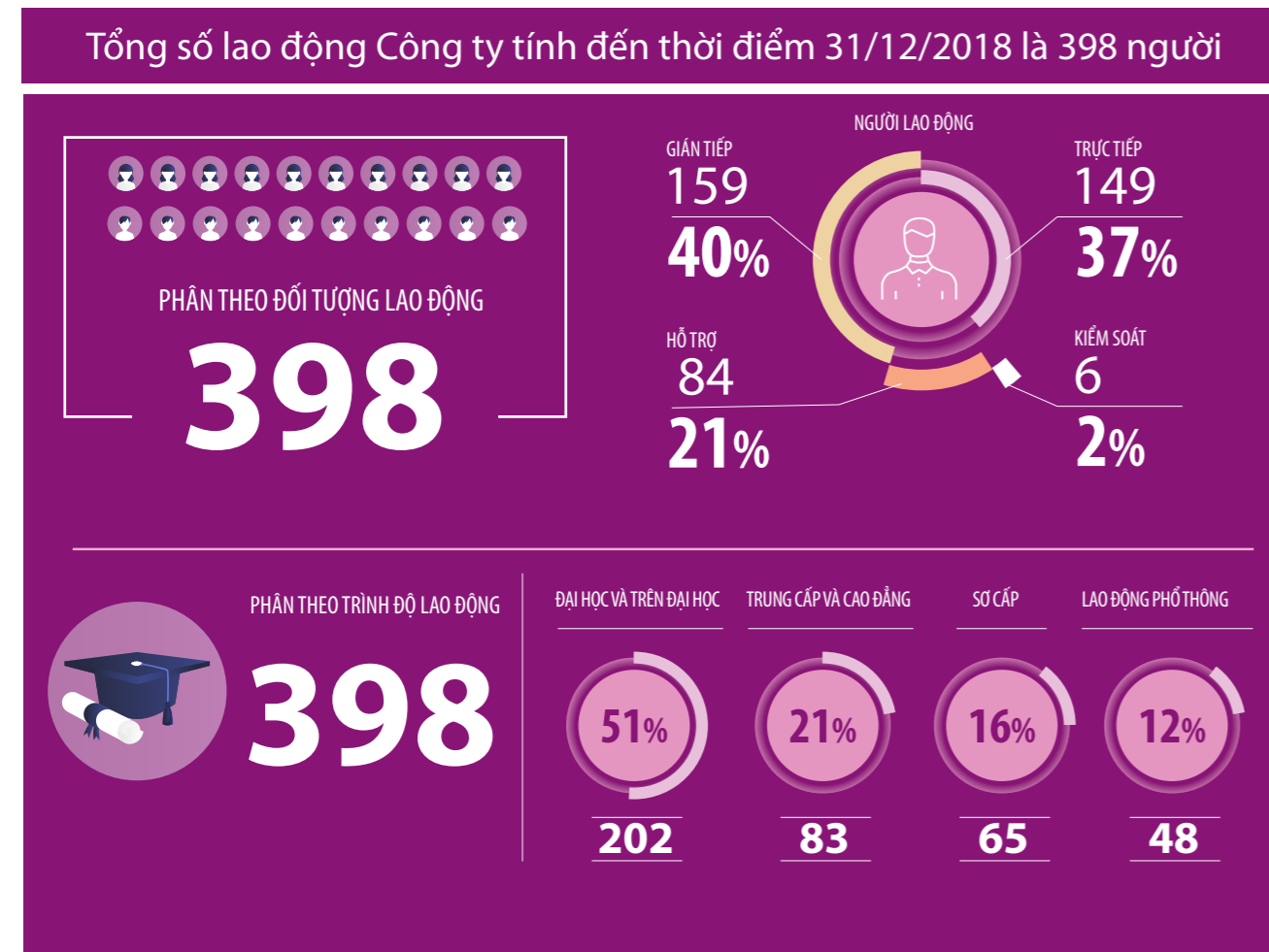


Ông **BÙI TẤN KHẢI**
Kế toán trưởng
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%

Những thay đổi trong Ban điều hành

- Ngày 27/4/2018, ĐHĐCĐ đã thông qua việc bầu ông Hoàng Mạnh Tiến, ông Vũ Viết Bản, ông Đỗ Huy Hiệp làm thành viên HĐQT.
- Ngày 18/6/2018, HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Vũ Hoàng An làm Phó Tổng giám đốc Công ty.

Số lượng cán bộ, nhân viên



- Hiểu được giá trị to lớn của từng con người đối với tổ chức, bên cạnh việc duy trì những điểm tích cực về nhân sự trong những năm qua như thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho CBNV, đảm bảo các chế độ lao động đúng quy định Nhà nước, chăm lo đời sống tinh thần cho CBNV qua việc tổ chức du lịch hàng năm, xây dựng môi trường làm việc hiện đại, sạch sẽ...; Công ty chú trọng công tác phát triển nhân lực trong năm 2018 thông qua Chương trình TTC Talent Ngành Du lịch (BP Bếp, Nhà hàng, Buồng phòng), tạo cơ hội cho CBNV được phát huy sáng tạo và cống hiến tài năng cho tổ chức cũng như tổ chức ghi nhận và xây dựng cải tiến các chính sách lao động ngày một tốt hơn.

2.4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

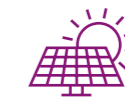
LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Trong phạm vi lĩnh vực kinh doanh cung cấp dịch vụ lưu trú, nhà hàng, lễ hành... của Công ty hầu như không ảnh hưởng đến môi trường. Do đó, mục tiêu của Công ty là hướng tới nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đối với từng cán bộ nhân viên. Cụ thể:



Nước sinh hoạt, nước thải

- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước.
- Lắp đặt các hệ thống xử lý nước thải, lập đề án bảo vệ môi trường tại cơ sở kinh doanh dịch vụ (hệ thống khách sạn - nhà hàng của Công ty) và được cấp Giấy phép đúng quy định
- Đối với nước uống:
 - Dành cho cán bộ, nhân viên: công ty lắp đặt hệ thống xử lý nước để lọc và sử dụng trực tiếp từ nguồn nước máy.
 - Dành cho khách: sử dụng các chai nước có dung tích nhỏ được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, nước uống tinh khiết được xử lý qua hệ thống thẩm thấu ngược khi chung cất đường. Nguồn nước được lọc qua hệ thống RO, diệt khuẩn bằng Ozone, đèn UV phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT.



Năng lượng

- Năng lượng sử dụng cho quá trình kinh doanh tại Công ty và các địa điểm kinh doanh chủ yếu là điện năng cho việc thắp sáng, sử dụng các thiết bị văn phòng, điều hòa nhiệt độ. Xăng dầu phục vụ cho xe đưa đón cán bộ nhân viên, chạy máy phát điện khi mất điện và Gas dùng để nấu nướng tại Bếp, Nhà hàng. Các biện pháp tiết kiệm năng lượng được Công ty sử dụng:
 - Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, chỉ chiếu sáng theo công việc tức là cung cấp chiếu sáng tập trung vào diện tích thực nơi công việc được thực hiện để việc chiếu sáng chung cho văn phòng chỉ giữ ở mức thấp. Ngoài ra, Công ty và các địa điểm kinh doanh cũng chọn đèn, bố trí đèn và sử dụng bộ đèn hiệu suất cao, giảm điện áp dây dẫn chiếu sáng, giảm điện năng tiêu thụ. Đặc biệt, Công ty luôn bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng định kỳ.
 - Ban hành các văn bản hướng dẫn về định mức tiêu thụ nhiên liệu của xe; hướng dẫn vận hành và bảo trì máy phát điện; hướng dẫn an toàn sử dụng gas trong bếp...
 - Ngoài ra, công ty đã mạnh dạn đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các địa điểm kinh doanh nhằm tận dụng hệ thống năng lượng mặt trời, hạn chế sử dụng năng lượng điện.



Giấy, mực in và văn phòng phẩm

- Nhiều biện pháp được Công ty sử dụng nhằm tiết kiệm công cụ lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường như:
 - Xây dựng định mức sử dụng: Mỗi loại văn phòng phẩm đều có định mức sử dụng và được bộ phận hành chính lập định mức sử dụng cho từng phòng ban và cấp phát theo số lượng đó.
 - Sử dụng dữ liệu mềm thay cho dữ liệu cứng. Số hóa các tài liệu để bảo lưu thay vì lưu bản cứng. Ngoài ra, hệ thống trình duyệt EO (Eoffice) đã giảm đáng kể thời gian trình ký và giấy, tức quy trình duyệt sẽ được thực hiện bằng điện tử.
 - Các văn bản, quy định, quy trình, hợp đồng sử dụng nội bộ đều được in trên giấy hai mặt, kiểm tra cẩn thận văn bản trên máy tính trước khi in.



Vệ sinh, rác thải sinh hoạt

- Công ty quy định tất cả các địa điểm kinh doanh phải sử dụng dịch vụ thu gom rác sinh hoạt, phân loại rác tại nguồn, không để chất thải y tế, chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp vào rác sinh hoạt.
- Kể từ tháng 8 năm 2018, vào ngày thứ 2 của tuần đầu tiên của mỗi tháng, Công ty phát động phong trào dọn dẹp vệ sinh tại đơn vị. Phong trào này tạo cho CBNV ý thức giữ gìn vệ sinh chung tại khu vực và vị trí mình làm việc, đồng thời nêu cao tinh thần tương tác tập thể và đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của CBNV toàn Công ty và hệ thống.

LIÊN QUAN ĐẾN XÃ HỘI:



Nâng cao chất lượng dịch vụ

Đào tạo kỹ năng: Công ty thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ, giáo dục về ý thức kỷ luật cho người lao động nhằm:

- Đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ khách hàng.

Tổ chức các buổi thi tay nghề: vào tháng 11/2018, Công ty đã tổ chức buổi thi tay nghề nhằm:

- Tạo sân chơi, giao lưu cho Cán bộ nhân viên trong hệ thống.
- Lựa chọn các cá nhân ưu tú trong từng lĩnh vực, nghiệp vụ.
- Rà soát kết quả đào tạo.

Tổng kết, rà soát ý kiến đóng góp của khách hàng: từ các trang mạng, mạng xã hội. Tiến hành khắc phục hoặc phản hồi cho khách hàng để đảm bảo phục vụ khách hàng một cách tốt nhất.



Tham gia các hoạt động xã hội

- Hiển máu nhân đạo
- Tham hỏi người già, trẻ em cơ nhỡ
- Trồng cây xanh
- Giải Marathon tại Tỉnh Bến Tre
- Giải Marathon tại Tp. Phan Thiết
- Giải Marathon tại Tà Cú
- Giải Marathon tại Tp. Phan Rang Tháp Chàm





Đổi mới công nghệ

Cải thiện hệ thống wifi



Sử dụng hệ thống năng lượng mặt trời



Cập nhật, chuẩn bị BCTC để thực hiện theo chuẩn IFRS vào năm 2019



Tổ chức gặp nhà đầu tư, hội nghị khách hàng

Nhận thấy được sự cần thiết và tầm quan trọng của hoạt động quan hệ nhà đầu tư, bộ phận IR (quan hệ nhà đầu tư) đã được thành lập, tuy mới hoạt động nhưng đã có những hoạt động tích cực...

LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Với việc mở rộng địa bàn, lĩnh vực hoạt động thì yếu tố về nhân sự cũng được Ban lãnh đạo công ty quan tâm một cách thấu đáo. Ban lãnh đạo chú trọng về các vấn đề hoàn thiện công tác tuyển dụng, đào tạo, đãi ngộ, nâng cao sự gắn kết của người lao động với công ty thông qua quyền lợi và trách nhiệm để đạt được hiệu quả lao động cao nhất.



Tuyển dụng

- Các chương trình tuyển dụng tại Công ty được thực hiện một cách minh bạch và khách quan thông qua quy trình đăng tin tuyển dụng, sàng lọc hồ sơ ứng tuyển, kiểm tra hồ sơ ứng tuyển và phỏng vấn đánh giá hồ sơ ứng tuyển đảm bảo bình đẳng cho tất cả các ứng viên tham gia. Toàn bộ nhân sự khi được tuyển dụng đều được thực hiện đầy đủ các bước theo Quy trình tuyển dụng đã được Công ty ban hành.



Đào tạo

- Một trong những chính sách được Ban lãnh đạo Công ty coi trọng và ưu tiên hàng đầu là đào tạo và phát triển cho nhân viên.
- Đối với một cán bộ nhân viên mới sẽ được Công ty đào tạo hội nhập, hướng dẫn báo cáo, tương tác với các phòng ban nghiệp vụ. Sau khi ký hợp đồng lao động chính thức với công ty sẽ được đào tạo thêm về chuyên môn, nghiệp vụ. Công ty còn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo bên ngoài, bao gồm cả đào tạo kiến thức chuyên môn và đào tạo các kỹ năng mềm khác. Công ty luôn động viên và khuyến khích phong trào tự học, phát huy sáng kiến của nhân viên.
- Các chương trình đào tạo của Công ty trong năm 2018:

Nâng cao năng lực quản trị của Ban lãnh đạo	Đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ
	Khóa Giám đốc Khách sạn (20 học viên)
Quản lý cấp trung	Khóa đào tạo QLCT của Giảng viên Phan Chánh Dưỡng (40 học viên)

- Bình quân số giờ đào tạo tại Công ty trong năm 2018 như sau:

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018
Số khóa đào tạo	14 khóa	26 khóa
Tổng số giờ đào tạo	184 giờ	848 giờ
- Cấp độ nhân viên	184 giờ	456 giờ
- Cấp độ quản lý	-	392 giờ



Ổn định - duy trì nguồn nhân lực

Tất cả các cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty đều được ký hợp đồng lao động và hưởng đầy đủ các quyền lợi theo quy định pháp luật. Công ty cam kết tuyệt đối không sử dụng lao động dưới tuổi vị thành niên và lao động cưỡng bức

(i) Chế độ làm việc:

- Công ty cung cấp đầy đủ trang thiết bị, công cụ dụng cụ cho cán bộ nhân viên tùy từng vị trí công việc.
- Cán bộ nhân viên Công ty đều có chung khung thời gian làm việc là 8 giờ/ngày, được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng lương theo đúng quy định của Luật lao động.

(ii) Chế độ phụ cấp:

Ngoài chế độ lương thưởng theo quy định tại Công ty, cán bộ nhân viên còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp ưu đãi khác tùy thuộc vào đặc thù công việc, vị trí công tác và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty như: Phụ cấp xăng xe/đi lại; Phụ cấp phương tiện đưa đón cán bộ nhân viên, Phụ cấp nuôi con nhỏ, Phụ cấp tiền điện thoại. Công ty còn có các chế độ khác nhằm động viên, khích lệ cán bộ nhân viên cùng gia đình như: Cưới xin, ma chay, hoàn cảnh khó khăn, quà tặng con em cán bộ nhân viên ngày tết thiếu nhi, rằm trung thu...



Nghỉ mát thường niên

Hàng năm, công ty tổ chức cho cán bộ nhân viên công ty tham gia chương trình Team Buiding kết hợp với nghỉ mát thường niên, mục đích:

- Giao tiếp giữa mọi người dễ dàng hơn, nhất là với nhân viên không chung bộ phận do đã xóa đi được khoảng cách giữa các cá nhân trong tập thể;
- Thực tập trở thành Teamleader thông qua việc xây dựng kế hoạch, tổ chức, phân công công việc, bố trí, sắp xếp các thành viên và tài nguyên hợp lý để đạt được mục tiêu chung;
- Đánh giá điểm mạnh, yếu của từng cá nhân để bổ sung, phối hợp cùng nhau làm việc tốt hơn;
- Tạo bầu không khí thư giãn thoải mái để giảm stress trong công việc hằng ngày.
- Chương trình nhận được sự hưởng ứng tích cực của CBNV khi đăng ký và tham gia đầy đủ.

(iii) Các chế độ phúc lợi, tiêu chuẩn dành cho cán bộ nhân viên Công ty bao gồm:

- Bảo hiểm xã hội;
- Bảo hiểm y tế;
- Bảo hiểm tai nạn 24/24;
- Bảo hiểm thất nghiệp;
- Khám sức khỏe định kỳ;
- Chế độ nghỉ thai sản;
- Các phúc lợi khác: Hiếu, hỉ, thăm hỏi ốm đau, hỗ trợ CBNV có hoàn cảnh khó khăn, quà các dịp lễ tết, sinh nhật, tăng lương...

(iv) Khác:

- Từ chủ trương phát triển hệ thống, chuỗi dịch vụ nhà hàng, khách sạn TTC, Công ty tiến hành đồng bộ hóa đồng phục cho cán bộ nhân viên tại Công ty cũng như tại các đơn vị kinh doanh. Hàng năm, công ty tiến hành cấp phát đồng phục cho cán bộ nhân viên, đảm bảo sự tươi tắn và đồng bộ.
- Tạo điều kiện cho Cán bộ nhân viên làm việc tại Công ty tham dự lớp Yoga công sở được tổ chức tại Tòa nhà TTC. Lớp diễn ra vào lúc 17 giờ 30 các ngày 3-5 trong tuần.



Phát hành cổ phần cho người lao động (ESOP)

- Năm 2018, là năm đánh dấu đối với các quyết định quản trị mạnh mẽ của Hội đồng quản trị Công ty khi trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc phát hành cổ phần ưu đãi dành cho người lao động. Theo đó, Công ty sẽ phát hành hơn 3,9 triệu cổ phần ưu đãi dành cho người lao động tại Công ty, Công ty con và các công ty có vốn của Công ty con.
- Công ty cũng đã hoàn tất các hồ sơ có liên quan đến việc phát hành cổ phần ưu đãi cho người lao động trong tháng 12 năm 2018 và các cổ đông mới này cũng đã được hưởng phần cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trên cơ sở công khai, minh bạch và trung thực, Công ty đã tiến hành thu thập, khảo sát, thực hiện, đánh giá đối với các bên có mối quan hệ liên quan với Công ty để đưa ra những hành động phù hợp nhằm hoạt động một cách hiệu quả:



Khách hàng

- Khảo sát, lắng nghe nhằm lấy ý kiến đóng góp của khách hàng;
- Cập nhật thông tin trên các website, mạng xã hội, phương tiện thông tin đại chúng.
- **Hành động:** Tiến hành khắc phục các khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Quan tâm hơn đối với hoạt động chăm sóc khách hàng sau khi sử dụng dịch vụ.



Người lao động

- Lắng nghe ý kiến của người lao động về môi trường làm việc, công cụ làm việc, phúc lợi cũng như chế độ và lĩnh vực đào tạo.
- **Hành động:** tạo môi trường làm việc một cách chuyên nghiệp, thưởng phạt phân minh, mở rộng đối tượng và chương trình đào tạo.



Đối tác/nhà cung cấp

- Đánh giá khách quan các đối tác/nhà cung cấp, đảm bảo công bằng giữa các bên
- Hành động: duy trì mối quan hệ với đối tác/nhà cung cấp tốt; tìm kiếm, thay thế đối với các đối tác/nhà cung cấp không như kỳ vọng.



Cổ đông và nhà đầu tư

- Lắng nghe ý kiến của cổ đông tại các kỳ họp đại hội đồng cổ đông bất thường, thường niên
- Tìm hiểu nhu cầu của nhà đầu tư, chia sẻ thông tin và cơ hội đầu tư.
- **Hành động:**
 - Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ để cổ đông và nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận thông tin Công ty.
 - Đảm bảo bình đẳng giữa các cổ đông, nhóm cổ đông.
 - Hoàn thiện mô hình quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro.



Chính quyền, cơ quan nhà nước

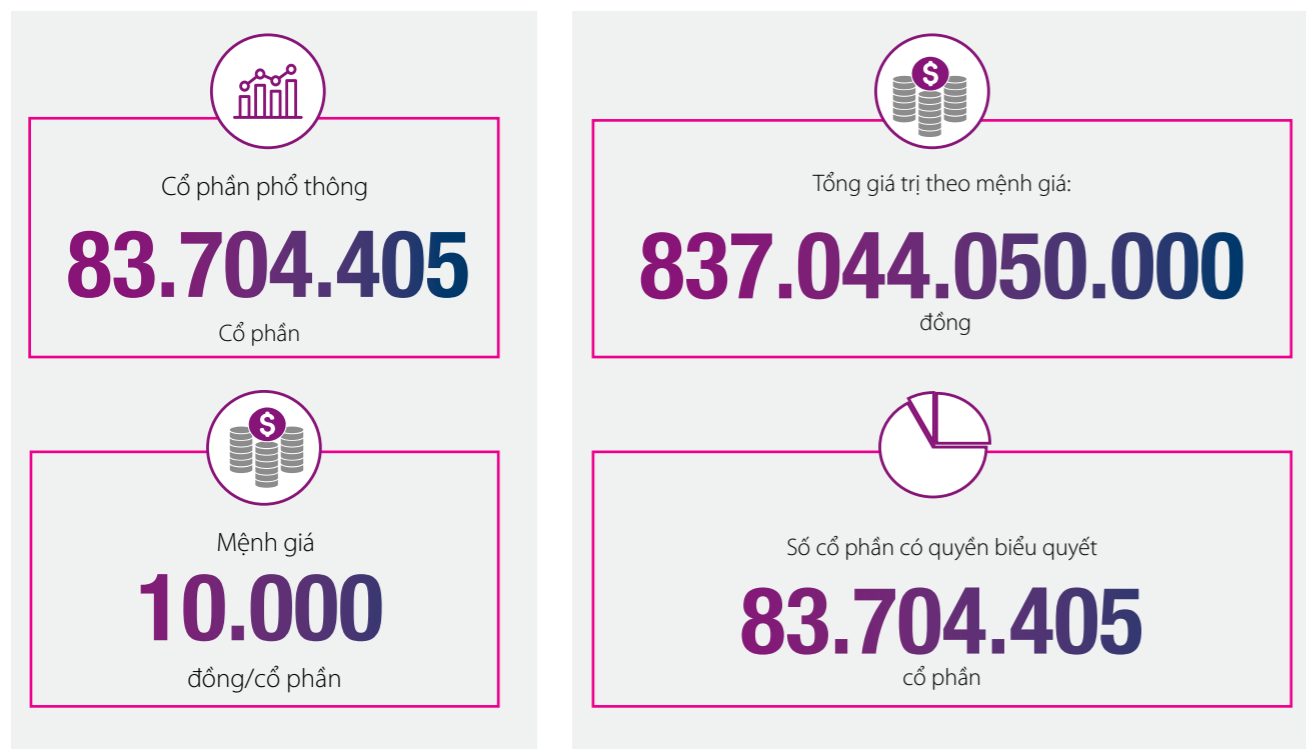
- Tuân thủ đúng quy định pháp luật, nghĩa vụ công bố thông tin; thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và phí theo quy định.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành do Chính phủ, Bộ ngành tổ chức.
- **Hành động:**
 - Tuân thủ quy định pháp luật, các quy định/hướng dẫn của cơ quan quản lý.
 - Hoàn thành nghĩa vụ thuế, phí.



Báo chí, cơ quan truyền thông

- Thực hiện thông cáo báo chí khi có sự kiện
- Cập nhật thông tin trên website công ty, mạng xã hội.
- **Hành động:** Hỗ trợ cung cấp thông tin, chủ động tương tác thường xuyên với các cơ quan báo chí, truyền thông.

2.5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG - VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/3/2019

STT	ĐỐI TƯỢNG	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (SL cổ đông)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn CP trở lên)	34.739.145	41,5%	02	01	01
	Trong nước	34.739.145	41,5%	02	01	01
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Công đoàn Công ty	110.529	0,13%	1	1	0
	Trong nước	110.529	0,13%	1	1	0
4	Nước ngoài	0	0	0	0	0
	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
5	Cổ đông khác	48.854.731	58,36%	799	18	781
	Trong nước	48.669.038	58,14355	761	08	753
	Nước ngoài	185.693	0,221826	38	10	28
TỔNG CỘNG		83.704.405	100%	802	20	782
Trong nước		83.518.712	99,78%	764	10	754
Nước ngoài		185.693	0,22%	38	10	28

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2018, Công ty thực hiện 02 đợt tăng vốn đầu tư của Chủ sở hữu:



Sáp nhập công ty CP du lịch Thăng Lợi bằng hoán đổi cổ phiếu

- Công ty phát hành 4,5 triệu cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty CP Du lịch Thăng Lợi và chuyển Thăng Lợi thành Công ty con thuộc sở hữu 100% của Công ty.
- Việc sáp nhập này sẽ tạo giá trị gia tăng cho Công ty, từ đó cải thiện giá trị cho các Cổ đông nhờ các yếu tố cộng hưởng mang lại so với lúc hai Công ty hoạt động riêng lẻ, hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp lớn mạnh trong ngành về vốn hóa, mở rộng thị trường, cơ cấu sản phẩm đa dạng và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.



Phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV

- Sau khi Công ty hoàn tất sáp nhập Du lịch Thăng Lợi, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP), số lượng phát hành thêm 3.985.925 cổ phiếu, tương đương 39.859.250.000 đồng.
- Đây là Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, mệnh giá cổ phiếu phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu tương ứng với số tiền thu được 39.859.250.000 đồng.
- Mục đích phát hành: Tài cấu trúc lại tài chính của Công ty và đầu tư các dự án tại Nha Trang.
- Sau khi phát hành vốn điều lệ của Công ty tăng lên 837.044.050.000 đồng, tương ứng tổng số cổ phần hiện tại: 83.704.405 cổ phần.
- Chương trình phát hành cổ phiếu ESOP hoàn tất trong tháng 12/2018.





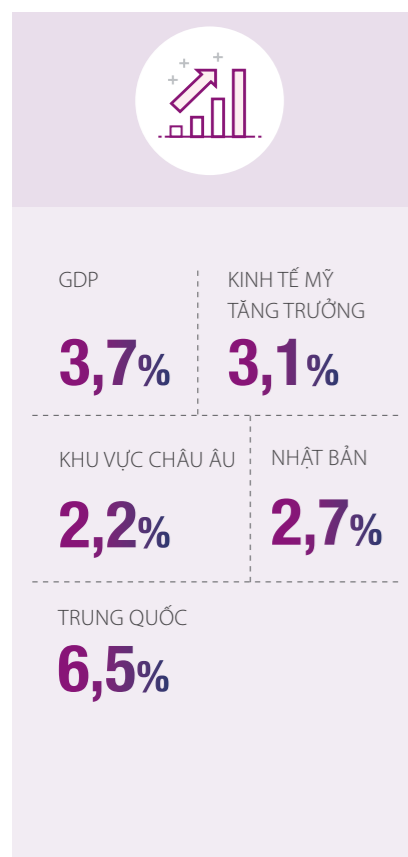
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	42
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	45
KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM	48
BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG VÀ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2019	56
MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2019	58
CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CÔNG TY NĂM 2019	60
ĐIỂM NHẤN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018	66
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN	68

3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ NGÀNH DU LỊCH



Kinh tế thế giới

- Nền Kinh tế và thương mại toàn cầu duy trì đà tăng trưởng tốt so với năm trước, tiếp tục giữ mức tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) ước đạt 3,7% (IMF – Quỹ tiền tệ quốc tế). Nhưng trong năm 2018 đã xuất hiện những diễn biến mới khiến tình hình trở nên phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung có dấu hiệu leo thang, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Nhìn chung, mức độ tăng trưởng vẫn còn mạnh mẽ ở các nền kinh tế phát triển, nhưng đã chậm lại ở nhiều nước.
- Kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng vững chắc và dự báo đạt mức tăng trưởng cao khoảng 3,1% nhờ chính sách cắt giảm thuế phát huy hiệu quả, kích thích đầu tư và phục hồi tăng trưởng kinh tế. Thâm hụt thương mại của Mỹ giảm nhẹ (khoảng 3,5%) xuống còn 58,1 tỷ USD do nhập khẩu đầu từ nước ngoài giảm.
- Kinh tế khu vực châu Âu (Eurozone) tiếp tục cho thấy triển vọng khả quan, tăng trưởng dự kiến đạt khoảng 2,2% năm 2018 mặc dù bất ổn chính trị và sự kiện Brexit tác động.
- Kinh tế Nhật Bản với GDP lần đầu tiên sau nhiều năm đã tăng trưởng dương, cả năm ước đạt 2,7%. Mặc dù trong quý III tăng trưởng GDP giảm 1,2% so với những tháng của quý I và quý II do động đất lớn tại Hokkaido và bão lũ tại khu vực Kansai.
- Trung Quốc tăng trưởng thấp hơn dự đoán và chỉ tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2017, mức thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

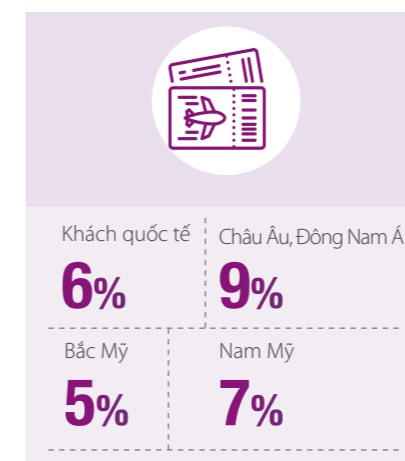
Kinh tế Việt Nam

- Theo Tổng cục thống kê (GSO) tăng trưởng GDP năm 2018 ước đạt 7,1%, mức tăng trưởng này vượt mục tiêu 6,7%, đạt được kết quả này là nhờ cả 3 khu vực tăng trưởng khá đồng đều, trong đó ngành sản xuất chế tạo tiếp tục mở rộng, sản xuất nông nghiệp tăng cao, ngành dịch vụ ổn định. Trong mức tăng trưởng của toàn nền kinh tế năm 2018, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,8%, đóng góp 8,7% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 48,6%; khu vực dịch vụ tăng 7%, đóng góp 42,7%. Riêng ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,8%, đóng góp 4% vào GDP cả nước.

Giá tiêu dùng bình quân (CPI)

- ước cả năm tăng trong khoảng 3,5% và lạm phát cơ bản tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2017. Mặt bằng lãi suất giảm, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, không biến động nhiều.
- Giá tiêu dùng bình quân (CPI) ước cả năm tăng trong khoảng 3,5% và lạm phát cơ bản tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2017. Mặt bằng lãi suất giảm, thị trường ngoại hối, tỷ giá ổn định, không biến động nhiều.

TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH TRONG NĂM 2018



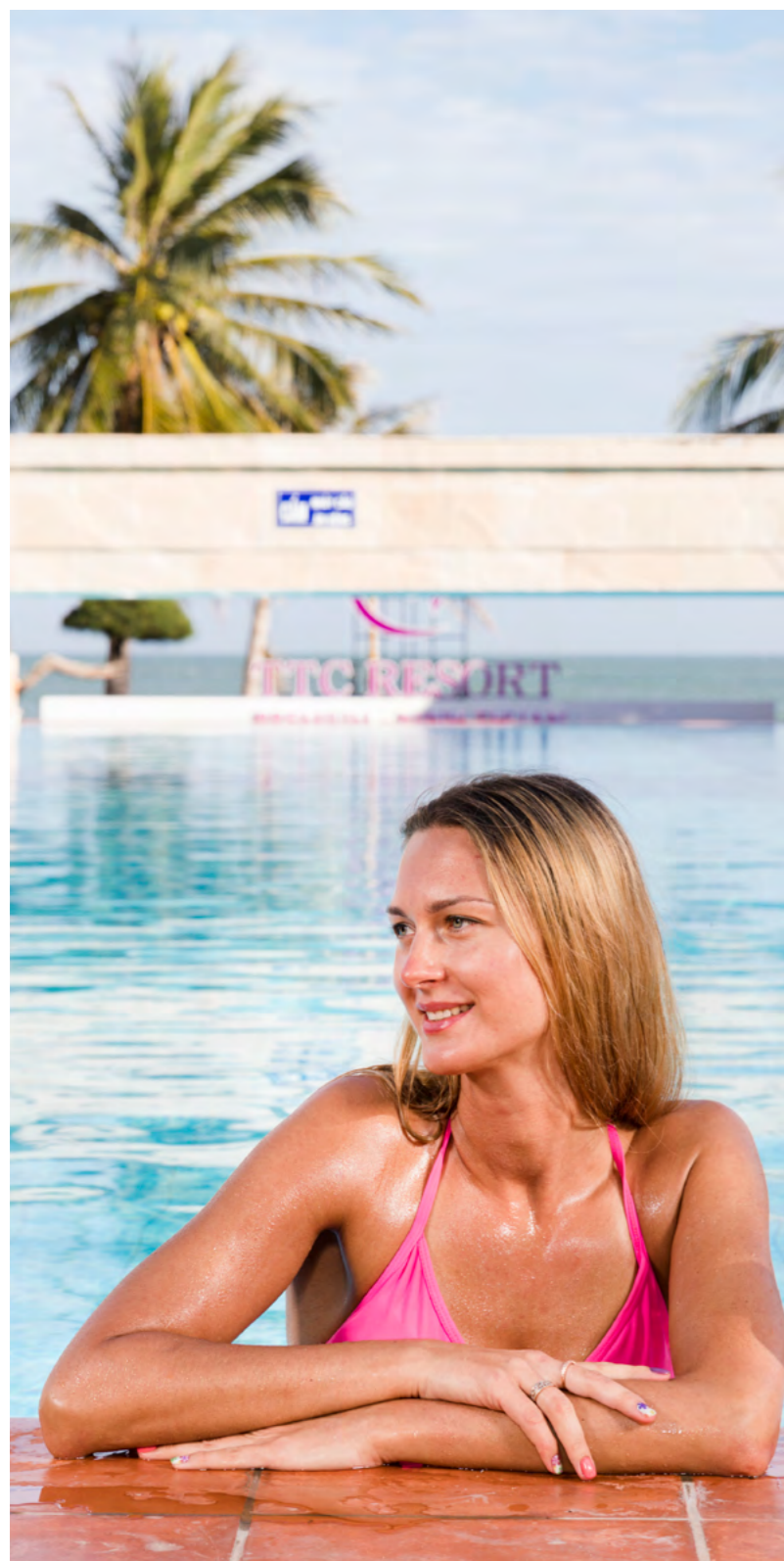
Du lịch Thế giới

- Theo số liệu thống kê mới nhất của Tổ chức Du lịch Thế Giới (UNWTO), lượng du khách quốc tế tăng trưởng 6%, trong đó châu Âu và Đông Nam Á là những khu vực ghi nhận có mức tăng trưởng ấn tượng nhất, lên đến 9%. Trong khi đó, khu vực Bắc Mỹ là 5% và khu vực Nam Mỹ có mức tăng 7%. Ước tính năm 2018, lượng du khách quốc tế đã tăng khoảng 641 triệu lượt, nhiều hơn 37 triệu lượt so với cùng kỳ năm 2017.

Du lịch Việt Nam

- Doanh thu ngành du lịch (gồm doanh thu lưu trú, ăn uống và dịch vụ lữ hành) đạt 581 nghìn tỷ đồng, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2018 ước tính đạt 540 nghìn tỷ đồng, tăng 9,1%, doanh thu du lịch lữ hành năm nay ước tính đạt 41 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% so với năm trước. Nhu cầu du lịch trong và ngoài nước cùng với lượng khách quốc tế đến nước ta tăng mạnh góp phần tăng doanh thu cho hoạt động du lịch lữ hành.
- Trong năm 2018, khách du lịch trong nước ước cả năm đạt 80 triệu lượt, tăng 6,7% so với năm trước. Khách quốc tế đến nước ta đạt mức kỷ lục 15,5 triệu lượt người, tăng 19,9% so với năm trước (tăng hơn 2,6 triệu lượt khách); trong đó khách đến bằng đường hàng không đạt 12,5 triệu lượt người, tăng 14,4%; đến bằng đường bộ đạt 2,8 triệu lượt người, tăng 59,6%; đến bằng đường biển đạt 215,3 nghìn lượt người, giảm 16,8%.
- Về thị trường khách đến, khách đến từ châu Á đạt 12,1 triệu lượt người, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước (Khách đến từ Trung Quốc đạt gần 5 triệu lượt người, tăng 23,9%; Hàn Quốc 3,5 triệu lượt người, tăng 44,3%; Nhật Bản 826,7 nghìn lượt người, tăng 3,6%; Đài Loan 714,1 nghìn lượt người, tăng 15,9%; Malaysia 540,1 nghìn lượt người, tăng 12,4%; Thái Lan 349,3 nghìn lượt người, tăng 15,8%; Singapore 286,2 nghìn lượt người, tăng 3,1%); Khách đến từ châu Âu ước tính đạt hơn 2 triệu lượt người, tăng 8,1% (Khách đến từ Nga 606,6 nghìn lượt người, tăng 5,7%; Anh 298,1 nghìn lượt người, tăng 5,1%; Pháp 279,7 nghìn lượt người, tăng 9,5%; Đức 214 nghìn lượt người, tăng 7,1%; Hà Lan 77,3 nghìn lượt người, tăng 6,9%; Tây Ban Nha 77,1 nghìn lượt người, tăng 10,8%; Italy 65,6 nghìn lượt người, tăng 13%); Khách đến từ châu Mỹ đạt 903,8 nghìn lượt người, tăng 10,6%; Khách đến từ châu Úc đạt 437,8 nghìn lượt người, tăng 4%; Khách đến từ châu Phi đạt 42,8 nghìn lượt người, tăng 19,2% so với năm 2017. Một số thị trường khách giảm như Lào giảm 16,7% và Campuchia giảm 8,1% so với cùng kỳ năm 2017.





CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGÀNH DU LỊCH VIỆT NAM NĂM 2018

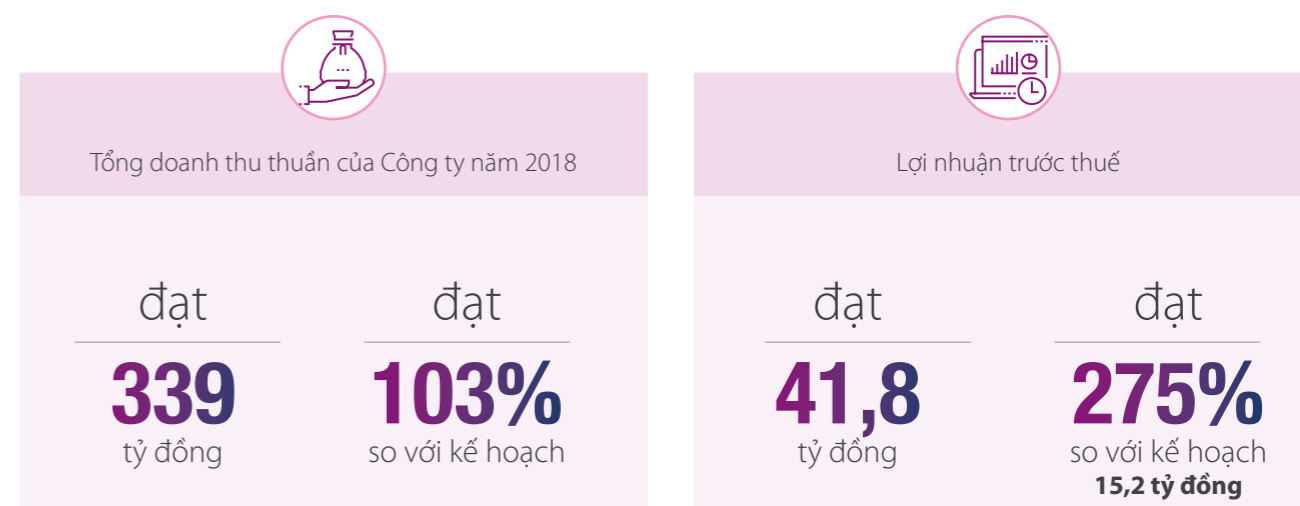
Năm 2018, ngành du lịch đã có nhiều nỗ lực, tổ chức triển khai nhiều hoạt động và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Với mức tăng trưởng ấn tượng được thúc đẩy bởi sự phát triển nhanh chóng của cơ sở hạ tầng, sự phổ biến của những hãng hàng không giá rẻ (như VietJet, AirAsia), hay chương trình đăng ký thị thực điện tử cho 40 quốc gia và tiếp tục miễn thị thực cho công dân 5 nước Tây Âu (Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha và Ý), tiêu dùng nội địa và những động thái của chính phủ nhằm khuyến khích và thúc đẩy nền du lịch quốc gia.

Ngành Du Lịch cũng đã thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng, được ghi nhận là đã mang lại hiệu ứng tích cực cho tăng trưởng khách du lịch của toàn Ngành. Đặc biệt là các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch được tổ chức dày đặc, triển khai sôi nổi tới các thị trường truyền thống như Úc, Nhật Bản, các nước châu Âu, ASEAN (Thái Lan, Malaysia, Indonesia) và nhiều thị trường mới, lần đầu tiên ngành du lịch Việt Nam triển khai quảng bá như thành phố Adelaide của Úc, New Zealand, Hungary, Đài Loan và tổ chức đón các đoàn đến khảo sát du lịch Việt Nam.

Đối với các địa phương, đánh giá từ Tổng cục Du lịch, các tỉnh, thành phố đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh du lịch triển khai thực hiện Luật Du lịch 2017 đồng thời tăng cường quản lý điểm đến, nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa hoạt động quảng bá, xúc tiến; ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý. Hiệu quả liên kết giữa các địa phương và các vùng được phát huy, đem lại những kết quả tích cực, góp phần hình thành rõ nét các vùng động lực phát triển của du lịch Việt Nam.

3.2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ



CHI TIÊU	KH 2018	THỰC HIỆN 2018	THỰC HIỆN 2017	SO SÁNH	
				SO KH	SO CK
KẾT QUẢ HĐKD	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(2)
Tổng doanh thu	330,000	339,335	339,284	103%	100%
Lợi nhuận trước thuế	15,200	41,875	12,776	275%	328%

DOANH THU THUẦN

919 tỷ đồng **vượt 3%** Kế hoạch năm

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

90 tỷ đồng **vượt 17%** Kế hoạch năm

Khách sạn 4* **tăng 76%** Kế hoạch năm

Khách sạn 3* **tăng 82%** Kế hoạch năm

So với thị trường tương ứng **72 - 75%**

KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2018

Cùng với sự tăng trưởng thuận lợi của ngành, thì kết quả kinh doanh của TTC Hospitality năm 2018 đã đạt được kết quả ấn tượng. Doanh thu thuần đạt 919 tỷ đồng, giảm 1% so cùng kỳ, vượt 3% so kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2018 đạt 90 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ, vượt gần 17% kế hoạch năm. Ngoài yếu tố thị trường, thì sự linh hoạt trong điều hành đã tạo nên kết quả khả quan trên.

Cụ thể, Công ty đã chuyển dịch cơ cấu bán hàng từ các kênh truyền thống sang các kênh đang phát triển mạnh như OTA (online booking), FIT (khách lẻ), Walkin (khách vắng lai). Kết quả chuyển dịch kênh bán hàng đã phát huy hiệu quả khi công suất khai thác nhóm khách sạn 4* đạt 76%, tăng 16% và nhóm khách sạn 3* cũng đạt 82%, tăng 11% so với cùng kỳ, so với công suất bình quân ngành của các nhóm khách sạn tương ứng là 72% và 75% thì hiệu suất khai thác các khách sạn của TTC Hospitality cho thấy cao hơn thị trường.

Đồng thời, sự phân bổ hợp lý cơ cấu doanh thu theo danh mục điểm đến cũng đóng góp vào kết quả khả quan trên. Tỷ trọng đóng góp DT cao nhất thuộc về nhóm Khách sạn là 50%, tiếp theo là Khu vui chơi với 20%, Nhóm TTTH/Nhà hàng chiếm 12%, Nhóm Lễ hành 9% và Doanh thu khác là 9%. DT này sẽ được cơ cấu lại theo mục tiêu chiến lược hoạt động của VNG từ năm 2019 trở đi khi Nhóm Khu vui chơi, TTTH/Nhà hàng sẽ được tăng tỷ trọng đáng kể. Bên cạnh đó, việc kiểm soát tốt hơn Giá vốn hàng bán, khi tỷ trọng Giá vốn trên DTT giảm 3% so với cùng kỳ nên lợi nhuận gộp đã đạt 288 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ. Biên lợi nhuận gộp đạt 31%, tăng 11% so với mức 28% năm 2017.

CHỈ TIÊU	KH 2018	THỰC HIỆN 2018	THỰC HIỆN 2017	SO SÁNH	
				SO CK	SO KH
KẾT QUẢ HĐKD	(1)	(2)	(3)	(5)=(2)/(3)	(4)=(2)/(1)
Tổng doanh thu	893,000	919,379	925,699	99%	103%
Lợi nhuận trước thuế	77,000	90,405	58,850	154%	117%

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chỉ số tài chính Báo cáo tài chính riêng

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2018 đạt 1,125 tỷ đồng tăng 114% so với đầu năm, tương đương 138 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tài sản chủ yếu là tăng do sáp nhập Công ty con và tăng vốn điều lệ ESOP.

Tổng nợ/TTS và VCSH đều giảm nhẹ so với đầu năm điều này cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty cao. Các hệ số thanh toán có xu hướng giảm nhẹ nhưng nằm trong vùng an toàn.

Đvt: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	31/12/2018	01/01/2018	THAY ĐỔI	%THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản	1,125,891	987,421	138,470	114%
2	Vốn chủ sở hữu	895,227	773,241	121,986	116%
3	Tổng nợ/Tổng TS (%)	20%	22%	-1%	94%
4	Tổng nợ/VCSH (%)	26%	28%	-2%	93%
5	Nợ DH/VCSH (%)	5%	11%	-7%	40%
6	Thanh toán ngắn hạn (lần)	0.69	0.78	(0.09)	88%
7	Thanh toán nhanh	0.67	0.76	(0.09)	88%

Chỉ số tài chính Báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng tài sản của Công ty đến 31/12/2018 đạt 1,849 tỷ đồng tăng 115% so với đầu năm, tương đương 243 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tổng tài sản chủ yếu tăng đầu tư các tài sản các khách sạn, khu vui chơi trong năm 2018.

Tổng nợ/TTS và VCSH đều giảm nhẹ so với đầu năm điều này cho thấy khả năng tự chủ tài chính của Công ty cao. Các hệ số thanh toán có xu hướng giảm nhẹ nhưng nằm trong vùng an toàn.

STT	NỘI DUNG	31/12/2018	01/01/2018	THAY ĐỔI	%THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản	1,849,713	1,606,248	243,465	115%
2	Vốn chủ sở hữu	1,041,875	994,027	47,848	105%
3	Tổng nợ/Tổng TS (%)	44%	38%	6%	115%
4	Tổng nợ/VCSH (%)	78%	62%	16%	126%
5	Nợ DH/VCSH (%)	39%	32%	8%	124%
6	Thanh toán ngắn hạn (lần)	1.45	1.67	(0.22)	87%
7	Thanh toán nhanh	1.42	1.63	(0.20)	87%

3.3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

CÔNG TÁC KINH DOANH – TIẾP THỊ

Trong năm 2018, tập trung hoạt động kinh doanh và phát triển sản phẩm chương trình cho đối tượng khách Corp, cụ thể tăng cường tiếp xúc và giới thiệu sản phẩm dịch vụ đến khách hàng Công ty tại các Trung tâm thương mại, Khu công nghiệp, các Trường học, các Sở Ban Ngành... và nguồn khách OTAs.

Đội ngũ kinh doanh luôn luôn phục vụ khách hàng với chính sách linh hoạt, thay đổi từ chương trình, giá bán cũng như cơ sở trang thiết bị phục vụ thỏa mãn nhu cầu khách hàng.

Thường xuyên quảng bá thương hiệu, hình ảnh TTC Hospitality đến gần hơn với Khách hàng trên các mạng xã hội và các bài giới thiệu ngành du lịch TTC trên các ấn phẩm trong và ngoài hệ thống.

Bên cạnh những công tác kinh doanh triển khai đồng nhất trong toàn Ngành nêu trên thì từng mảng hoạt động kinh doanh cũng đạt được những kết quả riêng được ghi nhận như sau:



Nhóm Khách sạn/ Resort

- Đã phát triển được trọn gói sản phẩm lưu trú và ăn uống (All Inclusive), tổ chức chương trình Phiên Chợ Quê, tiệc bán vé Buffet dành cho các ngày đặc biệt trong năm, bán khuyến mãi Last Minutes, Early Bird để lấp đầy công suất phòng trong giai đoạn đầu tuần và tháng thấp điểm.
- Chăm sóc các Top Account trong mùa thấp điểm và liên kết hợp tác hợp đồng chiến lược với các công ty Top Account.



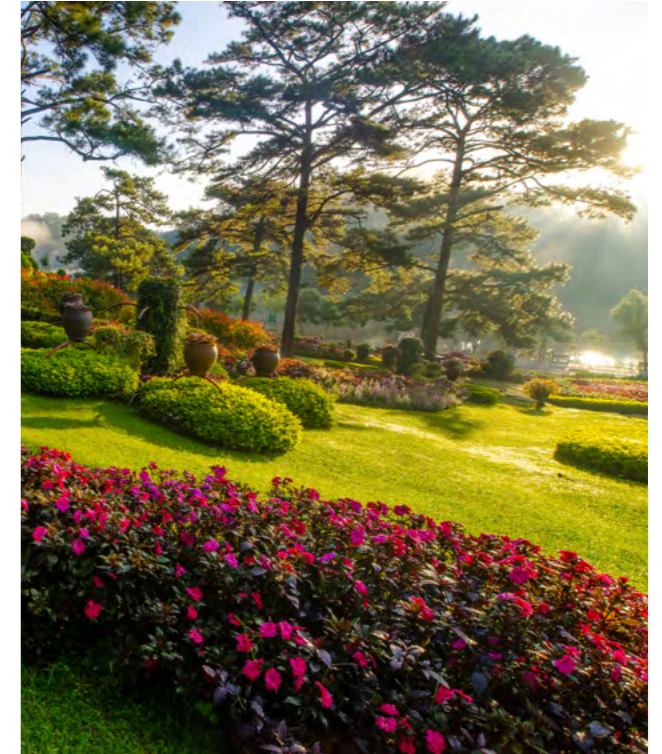
Nhóm Trung tâm Hội nghị/ Nhà hàng

- Phát triển các gói sản phẩm, dịch vụ cho khách Công ty được đón nhận như giá tốt cho gói hội nghị và ăn cùng một sảnh, hỗ trợ âm thanh, ánh sáng, màn hình Led cho các sự kiện có doanh thu cao.
- Đã khảo sát các sự kiện triển lãm cưới tại Khu vực TP. Hồ Chí Minh để cập nhật những ý tưởng và xu hướng mới cho mảng tiệc.



Nhóm Lữ hành

- Lữ hành Nội địa, Inbound tập trung vào sản phẩm du lịch liên kết các khách sạn, nhà hàng, điểm tham quan trong hệ thống với các chương trình du lịch: Bến Tre, Cần Thơ, Đà Lạt, Nha Trang, Phan Thiết, Ninh Chữ, Hội An, Đà Nẵng ...
- Lữ hành Outbound trong năm vừa qua được chú trọng phát triển hơn, đã thực hiện chương trình Tour Outbound: Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Indonesia – Singapore – Malaysia, Trung Quốc – Cổ Trấn; Triển khai các sản phẩm Tour Easy Go Combo (Free & Easy) đến các điểm đang thịnh hành như Hàn Quốc, Hồng Kông, Nhật Bản, Thái Lan, Singapore.



Nhóm Khu vui chơi

- Tại KDL Tình Yêu Mộng Mơ thực hiện triển khai chương trình trọn gói Tham quan và Buffet, Chương trình ưu đãi mùa hè... đã tạo được dấu ấn riêng. Các hạng mục cảnh quan được hoàn thành đưa vào hoạt động như Thung lũng ngàn hoa, 30 kỳ quan, Khu vườn hoa hồng, Vòng xoay chữ Love, Mô hình thú bằng cây xanh.
- Tại KDL Núi Tà Cú đã phát triển các gói sản phẩm, dịch vụ mới linh động dành cho khách hàng như Tour leo núi gồm các gói khác nhau cho khách lựa chọn, các gói Combo Buffet trưa, Buffet chay, miễn phí Buffet chiều. Đồng thời, liên kết dịch vụ tại các tuyến điểm và triển khai dịch vụ trọn gói được đẩy mạnh; Đưa công trình Solar Farm vào điểm tham quan mới và các chương trình ưu đãi cho du khách hành hương.



CÔNG TÁC MARKETING

- Ngành Du lịch TTC đã tham gia Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam 2018 (VITM), Hội chợ Du lịch Quốc tế TP. Hồ Chí Minh 2018 (ITE), Hospitality Indochina Forum, Roadshow Du lịch tại Châu Âu.
- Tài trợ Giải việt dã Ninh Thuận, Giải Dalat Ultra Trail, Giải leo núi Tà Cú, Giải Marathon Quốc tế TP. Hồ Chí Minh 2018.
- Tổ chức thành công các sự kiện tiêu biểu của Ngành: Đại hội cổ đông, Analyst Meeting, Broker Meeting, Ký kết hợp tác OCB, Hội nghị khách hàng 2018.
- Hợp tác phát triển thẻ tín dụng quốc tế OCB – TTC – JCB, Hợp tác chương trình ưu đãi thẻ với các ngân hàng hàng đầu (HSBC, Vietinbank, Sacombank, ...), Hợp tác với Grab (Grab Food, Grab for Business, Platinum member, Điểm booking Grab).
- Thương hiệu TTC ngày càng khẳng định được hình ảnh với các đối tác, khách hàng và đạt được nhiều giải thưởng uy tín như Tổ chức quốc tế Brand Finance định giá giá trị công ty đạt 26 triệu USD, Top 10 khách sạn 3 sao hàng đầu TP.HCM (TTC Tân Bình, TTC Airport), Top 10 Thương hiệu tiêu biểu Châu Á - Thái Bình Dương 2018 (Thung Lũng Tình Yêu - TTC Lâm Đồng), Top 15 khách sạn 4 sao hàng đầu Việt Nam (KS Michelia và Cần Thơ), giải The Guide Award (TTC Hospitality, Kê Gà, Ninh Thuận, Thung Lũng Tình Yêu, Tà Cú) và tham gia thành viên Hiệp hội các khu vui chơi giải trí quốc tế lớn nhất thế giới IAAPA (The International Association of Amusement Parks and Attractions). Đồng thời hoàn thiện thiết kế và vận hành Website ngành Du lịch - TTC Hospitality, Website Khu vui chơi TTC World.



CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- Xây dựng số Hotline ngành Du lịch về chất lượng dịch vụ của toàn hệ thống để Khách hàng có thể phản ánh trực tiếp các vấn đề dịch vụ và được xử lý nhanh chóng, giảm thiểu đối đa các than phiền sau khi khách hàng sử dụng xong dịch vụ tại các địa điểm kinh doanh.
- Về chuẩn hóa công cụ dụng cụ: Xây dựng các tiêu chuẩn và cách tính số lượng công cụ dụng cụ cho Bộ phận Nhà hàng, Buồng phòng và Bếp.
- Về chuẩn hóa nguyên vật liệu đầu vào: Đã phối hợp với đơn vị để xây dựng bộ tiêu chuẩn nguyên vật liệu đầu vào cho bộ phận bếp và các quy trình, quy định để kiểm soát đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu đầu vào của Bếp.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Năm 2018 ngành Du lịch tăng quy mô hoạt động qua công tác đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất tiếp tục được triển khai theo chiến lược.
- Trong năm Ngành đã đưa vào vận hành dự án khu ẩm thực Mê Kông tại Bến Tre, Khách sạn Angkor tại Siem Reap - Campuchia, Khách sạn TTC Hội An và cải tạo nâng cấp Resort Ninh Thuận, Resort Kê Gà.
- Tiếp tục cải tạo Resort Ninh Thuận giai đoạn 2, triển khai dự án Resort Mê Kông giai đoạn 2 xây dựng khu vui chơi và lưu trú, xây dựng Tòa nhà Văn phòng Bến Tre, Tầng thượng Michelia, Trung tâm Hải sản Phan Thiết, Khách sạn Dốc Lết, thiết kế TTC World và dự án Thanh Bình tại Lý Thường Kiệt.



CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

- Công tác quản lý tài sản: Thực hiện cập nhật tài sản, công cụ dụng cụ vào phần mềm Quản lý tài sản và danh mã tài sản; Tổ chức thực hiện kiểm kê, đánh giá tài sản, công cụ dụng cụ định kỳ; Cân đối và điều chuyển tài sản, công cụ dụng cụ đáp ứng nhu cầu sử dụng và tiết giảm chi phí mua sắm; Lập kế hoạch và kiểm tra công tác bảo trì, bảo dưỡng tài sản, hệ thống tại các đơn vị; Tiếp nhận quản lý và kinh doanh xe Lữ hành.
- Công tác mua hàng: Đã đàm phán và tham mưu dựa trên kế hoạch ngân sách được phê duyệt, bảo đảm công tác mua hàng được công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả; Đánh giá và đàm phán giá Nhà cung cấp dịch vụ lữ hành đảm bảo chất lượng dịch vụ; Xây dựng dữ liệu về danh mục hàng hóa, dịch vụ song song với việc tìm kiếm, cập nhật các đơn vị cung cấp uy tín, chất lượng, giá cả hợp lý làm cơ sở mua sắm cho Tổng công ty; Tổ chức mua hàng tập trung theo khu vực đối với các mặt hàng: hàng khô, hóa chất, hàng thực phẩm, văn phòng phẩm, vật dụng vệ sinh, hàng sành sứ.
- Quản lý hành chính khác: Trang bị đồng phục theo CIP của Ngành; Ban hành Quy định đánh giá 5S và tổ chức đánh giá chéo 5S theo khu vực định kỳ hàng Quý; Triển khai toàn Ngành các hoạt động định kỳ như nhạc chào buổi sáng hàng ngày, ngày tổng vệ sinh định kỳ hàng tháng; Nâng cao chất lượng nghiệp vụ và tính chuyên nghiệp trong công tác hành chính cụ thể thông qua việc ban hành các quy định, cấm nang, hướng dẫn nghiệp vụ chi tiết về mua sắm, thanh lý, bảo trì, bảo dưỡng tài sản, chăm sóc cây xanh, công tác và điều xe đi công tác, quản lý và sử dụng xe ô tô.





CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Chính sách nhân sự: Kiểm soát tốt việc thực hiện chi phí lương, phúc lợi trong hạn mức ngân sách đề ra và thực hiện tăng lương định kỳ từ tháng 9/2018 đối với các cán bộ nhân viên.
- Tuyển dụng: Trong năm 2018 toàn Ngành tuyển dụng tổng cộng 846 nhân sự trong đó chủ yếu là nhân sự lao động phổ thông cho các bộ phận trực tiếp (Quản lý cấp trung: 11 nhân sự; Quản lý sơ cấp: 58 nhân sự; Chuyên viên: 91 nhân sự; Nhân viên/công nhân: 274 nhân sự; Lao động phổ thông: 412 nhân sự).
- Đào tạo: Đã tổ chức một số khóa đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cụ thể như Đào tạo Quản lý cấp trung (Khóa Giám đốc Khách sạn, Khóa đào tạo Quản lý cấp trung của Giảng viên Phan Chánh Dương); Đào tạo Quản lý sơ cấp (Khóa Bếp Trưởng, Khóa chuyển đổi mô hình báo cáo từ Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) sang Chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS), Khóa đào tạo Trưởng bộ phận Lễ tân, Nhà hàng, Buồng phòng); Đào tạo Chuyên viên/ Nhân viên (Khóa chăm sóc Khách hàng khu vực TP.HCM, Miền Tây, Phan Thiết, Lâm Đồng, Khánh Hòa); Thông qua Chương trình TTC Talent Ngành Du lịch đã tìm kiếm được 15 tài năng Ngành Du lịch (BP Bếp, Nhà hàng, Buồng phòng) và thông qua Chương trình Món Ngon TTC đã xây dựng được Cẩm nang Món Ngon TTC toàn Ngành và phát hiện tài năng Bếp.
- Quan hệ lao động: Chuẩn hóa hệ thống cấp bậc chức vụ - chức danh Ngành Du lịch, rà soát và cập nhật Mô tả công việc toàn Ngành, phân tích công việc cán bộ nhân viên các phòng ban/ bộ phận từ đó xây dựng định biên nhân sự phù hợp; Hoàn thành rà soát và điều chỉnh Hệ thống văn bản lập quy lĩnh vực nhân sự theo mô hình Tổng Công ty về Quy chế lương, thi đua khen thưởng và xa xứ, Quy trình xét thi đua khen thưởng, nghỉ phép, tuyển dụng, Quy định chi phí dành cho người lao động, đào tạo, phí phục vụ, thuê lao động thời vụ, khoán việc.



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH

- Quản lý tốt công nợ phải thu, cân đối hợp lý công nợ phải trả hạn chế thấp nhất công nợ phải thu quá hạn - khó đòi.
- Thực hiện đúng quy trình thanh toán, nhập kho hàng hóa, hoá đơn và các quy định liên quan đến chi phí và thanh toán nhằm kiểm soát tốt chi phí phát sinh.
- Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng quy định công bố Báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và quy định kế toán Việt Nam.
- Trong năm đã tiến hành quyết toán thuế đến năm 2017 một số Đơn vị như Công ty CP Du lịch Bến Tre, Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Chi nhánh Dốc Lết - Công ty CP Du lịch Thăng Lợi, TTC Đà Lạt - Chi nhánh Công ty CP Du lịch Thành Thành Công. Riêng Khách sạn Angkor Campuchia đã quyết toán năm 2011 - 2012, thuế đang quyết toán từ năm 2013 - 2017.
- Xây dựng dữ liệu Data Center và BI Tài chính để tự động hệ thống báo cáo của Ngành (BI đã đưa vào vận hành tháng 12/2018).
- Xây dựng mã COA IFRS làm nền tảng chuyển đổi Báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS trong năm 2019.
- Đã tiến hành định giá giá trị tài sản tại các Đơn vị trong hệ thống, định giá Công ty để phục vụ công tác M&A, tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược và quản trị điều hành toàn Ngành.
- Thực hiện tăng vốn thông qua công tác M&A Công ty DL Thăng Lợi vào Công ty DL TTC và công tác phát hành cổ phiếu ưu đãi cho Cán bộ nhân viên đã được hoàn tất theo đúng tiến độ.
- Làm việc với các tổ chức tín dụng bổ sung thêm các hạn mức ngắn hạn và dài hạn trong năm 2018, điều phối dòng tiền các Đơn vị đảm bảo được tính thanh khoản của Ngành.
- Hoàn tất công tác xây dựng, theo dõi và kiểm soát tình hình thực hiện mục tiêu và kế hoạch ngân sách của các Đơn vị nhằm kịp thời tham mưu cho Ban lãnh đạo.



CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH PHÁP CHẾ

- Phối hợp với các Phòng ban, Đơn vị và Công ty thành viên tiến hành tham mưu, định hướng để đảm bảo các Văn bản lập quy được soát xét và ban hành đúng tiến độ để ra, mang tính khoa học và thực tiễn.
- Đã tư vấn, tham mưu các vấn đề pháp lý liên quan đến các dự án xây dựng, đầu tư mới cải tạo, mua bán, chuyển nhượng dự án, tài sản, mua bán và sáp nhập Công ty, hợp đồng kinh doanh, các văn bản liên quan đến việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, chia cổ tức của các Công ty và thủ tục pháp lý đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư, ... nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh đúng với quy định Pháp luật.
- Hoàn thành việc phân công, phân quyền, ủy quyền cho Ban lãnh đạo Công ty, trưởng các Đơn vị tại Tổng công ty và các Công ty F2 phù hợp với định hướng của Ban lãnh đạo và tình hình kinh doanh thực tế tại Công ty; Hỗ trợ các Đơn vị trong quá trình vận hành Bộ phân công phân quyền trong trình ký bằng File cứng và trình ký bằng E-Office.
- Trong năm đã hòa giải thành công 01 vụ tranh chấp (Vụ tranh chấp Hợp đồng mua bán tại Trung tâm thương mại dịch vụ Bình Thuận) và đang hòa giải 03 vụ tranh chấp (Vụ tranh chấp Hợp đồng thi công dự án tại Khách sạn Golf 3 Đà Lạt, Vụ tranh chấp Hợp đồng thuê Khách sạn tại Indochine Hội An và Vụ tranh chấp Hợp đồng thuê mặt bằng tại TTC Hotel Phan Thiết).



CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- **Phần mềm EOffice:** Triển khai EOffice phiên bản 3.0 với các chức năng Trình ký có tham mưu song song, bỏ qua tham mưu khi hết thời gian (Auto Pass) đã giúp giảm thời gian xử lý; Quản lý công việc: đưa vào quản lý dự án xây dựng và quản lý công việc toàn Ngành; Chức năng mới Văn Bản Lập Quy: đưa vào áp dụng giúp nhân viên dễ dàng tiếp cận Bộ Văn Bản Lập Quy của Tổng công ty, công ty.
- **Phần mềm Gihotech:** Với phân hệ quản lý Tour đã quản lý được dự toán chi phí Tour, với phân hệ kế toán (BO): đã đồng bộ danh mục Master - Đơn vị, đồng bộ dữ liệu các Đơn vị về Tổng công ty, quản lý kế hoạch ngân sách, xây dựng báo cáo doanh thu, chi phí, lợi nhuận toàn Ngành.
- **Phần mềm BI:** Hoàn tất Bộ Dashboard BI kinh doanh và BI tài chính Ngành Du lịch.
- **Phần mềm CRM:** Quản lý tập trung hơn 40 nghìn khách hàng, quản lý quy trình kinh doanh Phòng từ tương tác khách hàng đến khi chốt được đơn hàng.
- **Hạ tầng Công nghệ thông tin:** Triển khai hệ thống Wifi đáp ứng nhu cầu dịch vụ Internet khách hàng tại các Đơn vị kinh doanh và chuẩn bị hạ tầng các dự án đang triển khai để đáp ứng tiêu chuẩn để đưa vào hoạt động kinh doanh.



CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

- Chuẩn bị những tài liệu, nội dung cần thiết để cung cấp cho các nhà đầu tư (Teaser, IM, Profile,...).
- Tổ chức thành công các sự kiện quan hệ nhà đầu tư với sự tham gia của các nhà môi giới và chuyên gia phân tích chứng khoán, các sự kiện này đã giới thiệu cổ phiếu VNG đến môi trường đầu tư, thông qua đó thu hút nhiều hơn sự quan tâm đến TTC Hospitality nói chung và cổ phiếu VNG nói riêng.
- Sự hiện diện của TTC Hospitality và cổ phiếu VNG trên các phương tiện thông tin cũng đã được tăng cường thông qua các diễn giải báo cáo tài chính, các thông cáo báo chí, hay tham gia các sự kiện nhà

đầu tư. Ngoài ra, các thông tin quản trị, giao dịch cổ phiếu cũng được thường xuyên cập nhật kịp thời trên Website Công ty.

- Hoạt động tiếp xúc, tìm kiếm nhà đầu tư bước đầu cũng đã được những kết quả nhất định. Tuy vẫn chưa tìm được đối tác đầu tư cụ thể, nhưng thông qua trao đổi, tiếp xúc các nhà đầu tư, Bộ phận IR cũng đã rút kết và định hướng được đối tượng, đối tác đầu tư trong thời gian tới.

3.4. BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG VÀ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2019

DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ 2019



Kinh tế Thế giới

Theo dự báo của IMF thì nền kinh tế thế giới tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng 3,7% vào năm 2019. Báo cáo nhận định chính sách thắt chặt tiền tệ, khả năng thanh khoản sụt giảm, mức nợ và giá tài sản cao là những yếu tố có thể tạo ra làn sóng bán tháo ồ ạt trên các thị trường tài chính và kết quả là kinh tế giảm tốc mạnh hơn dự kiến.



Kinh tế Việt Nam

Tiếp đà tăng trưởng tích cực của năm 2018, nền kinh tế tiếp tục hưởng lợi từ những động lực của nền kinh tế. Nhiều ngành kinh tế lớn bước vào chu kỳ tăng trưởng nhanh như công nghiệp chế biến, chế tạo; bán buôn, bán lẻ; kinh doanh bất động sản... tạo điều kiện thuận lợi để duy trì đà tăng trưởng 6,8% trong năm 2019.

Tốc độ tăng CPI dự kiến dưới 4%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP 34%, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu khoảng 8- 10% cao hơn Quốc hội giao.

DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH NĂM 2019



Du lịch Thế giới

Trong năm 2019, Tổ chức Du lịch Thế giới dự báo tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của ngành Du lịch toàn cầu tăng ổn định ở mức 3,8%, đóng góp 10,2% mức tăng trưởng GDP toàn cầu. Giá du lịch dự kiến sẽ tăng mạnh trong năm 2019, với giá ngành khách sạn tăng 3,7%, và giá ngành hàng không tăng 2,6%, do nền kinh tế toàn cầu tiếp tục tăng trưởng và dự kiến giá dầu tăng trong thời gian tới.



Du lịch Việt Nam

Việt Nam dự báo lượng khách du lịch trong năm 2019 đạt khoảng 103 triệu lượt, tăng 8%, trong đó lượt khách quốc tế đạt 18 triệu lượt, tăng 16% và lượt khách nội địa đạt 85 triệu lượt, tăng 6%. Doanh thu Du lịch dự đoán đạt 640 nghìn tỷ đồng tăng 10%.

Thủ tướng Chính Phủ vừa phê duyệt đề án "Cơ cấu lại ngành du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn" với quyết tâm trở thành quốc gia có ngành du lịch phát triển hàng đầu Đông Nam Á. Theo đó, Đề án đặt phần đầu đến năm 2025 tổng thu từ khách du lịch đạt 45 tỷ USD, giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 27 tỷ USD, ngành du lịch đóng góp trên 10% GDP; tạo ra 6 triệu việc làm, trong đó có 2 triệu việc làm trực tiếp; nâng dần tỷ lệ lao động trực tiếp phục vụ du lịch được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ và kỹ năng đạt 70%; đón và phục vụ 30 - 32 triệu lượt khách du lịch quốc tế, trên 130 triệu lượt khách du lịch nội địa.

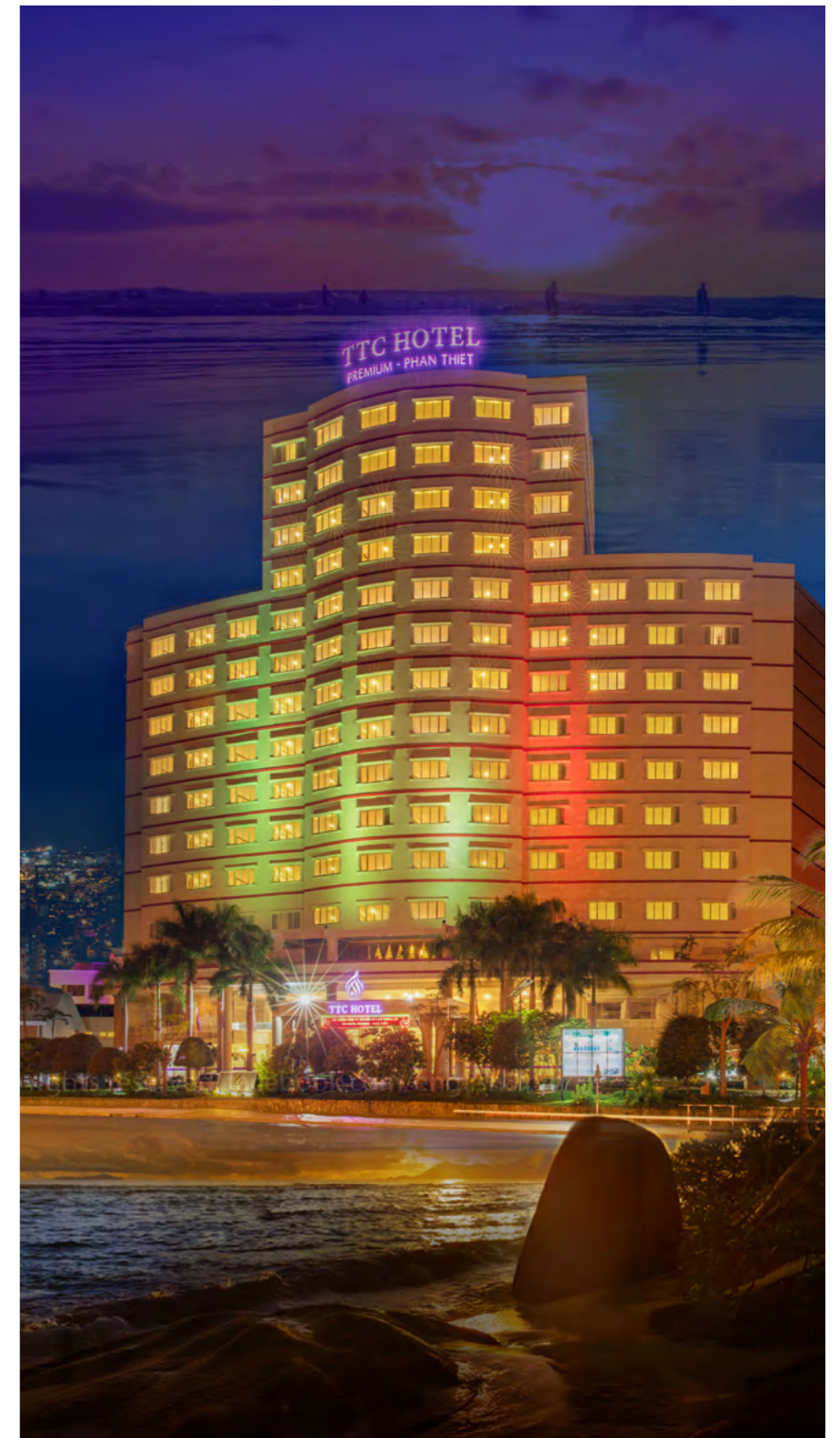
GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM NĂM 2019

Ngành du lịch sẽ tập trung khai thác các thị trường khách du lịch có khả năng chi trả cao, nghỉ dưỡng dài ngày, do đó đẩy mạnh thu hút phân khúc thị trường khách du lịch theo xu hướng phát triển những sản phẩm du lịch có giá trị gia tăng cao và tăng cường trải nghiệm của khách du lịch.

Phát triển mạnh các dòng sản phẩm du lịch chủ đạo có lợi thế về tự nhiên và văn hóa, gắn với các khu vực động lực phát triển của du lịch Việt Nam. Đồng thời, phát triển các sản phẩm du lịch mới, có tiềm năng như các sản phẩm du lịch sáng tạo, du lịch chuyên đề, du lịch chăm sóc sức khỏe, du lịch Golf, du lịch cộng đồng, du lịch sự kiện, hội nghị, hội thảo (MICE), du lịch mua sắm và du lịch ẩm thực.

Thúc đẩy phát triển các mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp du lịch ứng dụng công nghệ thông tin, du lịch thông minh, xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, hệ thống doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch chuyên nghiệp, hiện đại, có năng lực cạnh tranh cao đáp ứng yêu cầu của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế...

Cơ cấu lại doanh nghiệp du lịch theo hướng khuyến khích các doanh nghiệp du lịch quy mô lớn, có thương hiệu trong và ngoài nước phát triển thành lực lượng nòng cốt, giữ vai trò định hướng phát triển sản phẩm, thị trường du lịch, đặc biệt là các sản phẩm du lịch cao cấp, có giá trị cao; tập trung phát triển số lượng lớn các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, tăng cường tính kết nối trong chuỗi giá trị du lịch.



3.5. MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2019

Nhằm đạt được các mục tiêu trong năm 2019 Ban lãnh đạo Công ty tiến hành triển khai bám sát các mục tiêu và kế hoạch đã được phê duyệt bao gồm:

KHÍA CẠNH TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính riêng



Doanh thu thuần

356

tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế

35

tỷ đồng

Báo cáo tài chính hợp nhất



Doanh thu

988

tỷ đồng



Lợi nhuận trước thuế

42

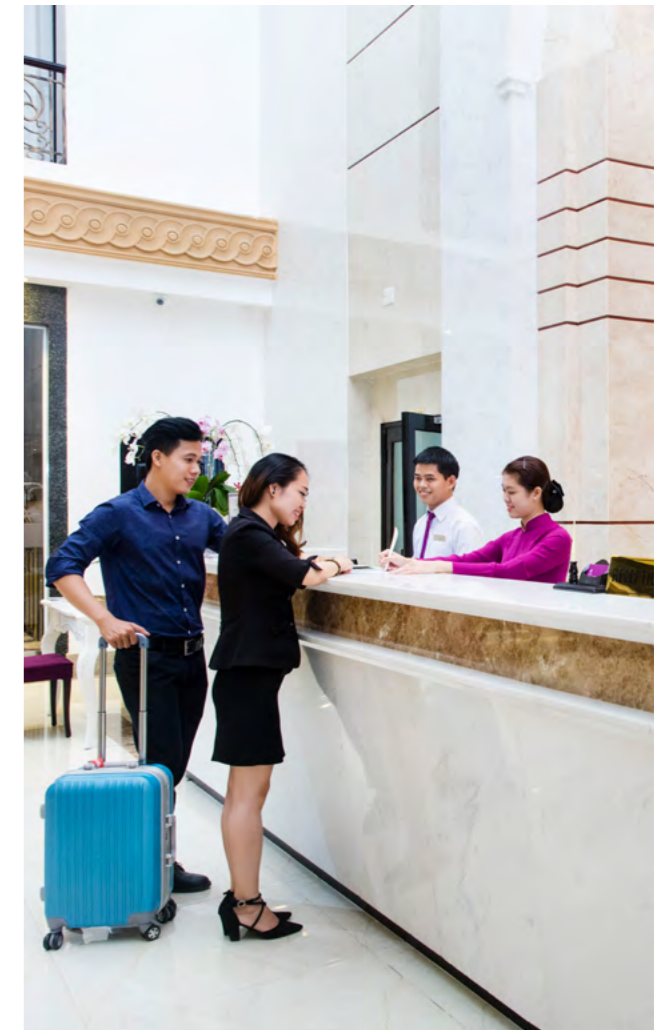
tỷ đồng



KHÍA CẠNH KHÁCH HÀNG

Già tăng sản phẩm thỏa mãn nhu cầu khách hàng và nhận diện thương hiệu du lịch TTC Hospitality.

- Nghiên cứu, phát triển gói sản phẩm – dịch vụ, chương trình khuyến mãi phục vụ khách hàng: All Inclusive các Tour nội địa, Liên kết tuyến điểm trên toàn hệ thống, Phiên chợ quê tại các đơn vị, Các gói chương trình Buffet, Các gói chương trình Cưới, Chương trình, sự kiện dịp Lễ Tết trong năm.
- Đa dạng sản phẩm mới nhằm phục vụ đa dạng đối tượng khách hàng: Phát triển các trò chơi cho khu biển, Picnic biển, sản phẩm đặc trưng theo mùa lễ hội trong năm.
- Tham gia sự kiện ngành du lịch trong và ngoài nước: Ngày hội du lịch TP. HCM, Hội chợ du lịch quốc tế Việt Nam, Giải Marathon/ Sự kiện thể dục, thể thao trong nước và Roadshow Quốc tế.
- Đạt các giải thưởng uy tín Ngành Du lịch trong nước và quốc tế: Tiếp tục tham gia Giải thưởng IAAPA, Giải thưởng The Guide Awards và các Giải thưởng Quốc tế.
- Tăng cường sản phẩm cảnh quan mới nhằm phục vụ đa dạng nhu cầu khách hàng tham quan: Tại Tình Yêu Mộng Mờ gồm Bảo tàng tượng sáp, Khu Tình Yêu Vĩnh Cửu, Mô hình tòa nhà Quốc Hội Mỹ, Thung lũng ngàn hoa, và Đường nổi Thung Lũng Tình Yêu và Đồi Mộng Mờ; Tại Núi Tà Cú gồm Công viên nước và Miếu thờ Tổ Sư Trần Hữu Đức.



KHÍA CẠNH NỘI BỘ:

Mở rộng quy mô hoạt động và đảm bảo cơ sở vật chất, hạ tầng đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Đảm bảo thực hiện các dự án đúng tiến độ, chất lượng và chi phí theo kế hoạch.
- Hoàn tất quá trình sáp nhập TTC Lâm Đồng vào DL TTC.
- Triển khai giải pháp QR Code tại KVC TYMM và Núi Tà Cú, CRM quản lý khách hàng, Quản lý tập trung phân hệ kế toán - ERP BO Gihotech.
- Chuẩn hóa CCDC toàn Ngành với 06 chủng loại: Văn phòng phẩm, Inox, Sành sứ, Vật dụng vệ sinh, Hàng vải, Trang thiết bị buồng phòng.
- Hoàn tất mua sắm và thanh lý tích sản của ngành Du lịch đảm bảo cơ sở vật chất đạt tiêu chuẩn hoạt động.

KHÍA CẠNH NGUỒN NHÂN LỰC:

Nguồn nhân lực đáp ứng đủ số lượng nhân sự có năng lực, cán bộ nhân viên đạt kết quả đánh giá hiệu quả làm việc cao và tối ưu hóa hiệu quả chi phí đầu tư đối với từng nhân sự.

- Lợi nhuận/ Nhân viên tương đương toàn thời gian: 23 triệu đồng/ người/ năm.
- Doanh thu thuần/Nhân viên tương đương toàn thời gian: 435 triệu đồng/ người/ năm.
- Tổng chi phí tiền lương và nhân sự theo kế hoạch năm: 332 tỷ đồng.

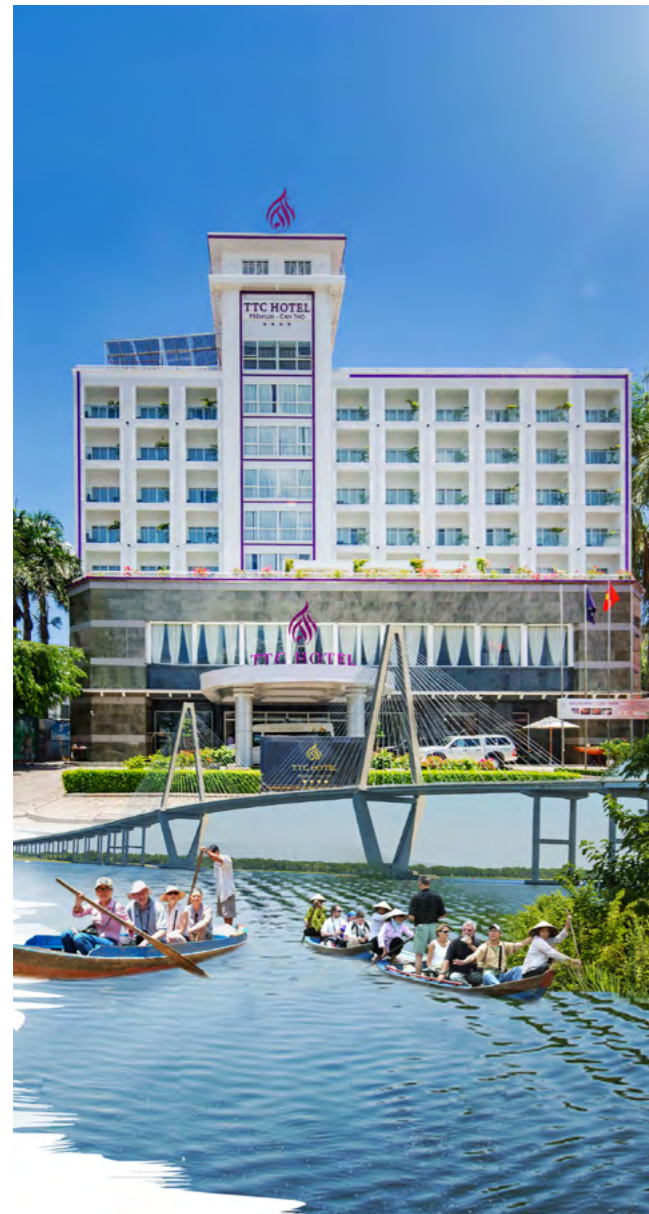
3.6. CÁC NHÓM GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM HOÀN THÀNH MỤC TIÊU CÔNG TY NĂM 2019

CÔNG TÁC KINH DOANH – TIẾP THỊ

Tiếp tục mở rộng kinh doanh thị trường khách Corp và khách lẻ, đây vẫn là mục tiêu ưu tiên phát triển thị trường nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Thường xuyên liên hệ, giữ mối quan hệ với các khách Corp như các ngân hàng, quỹ tín dụng, hệ thống siêu thị, các khu công nghiệp, các khu chế xuất, các Sở ban ngành, các Công ty đa quốc gia, các Công ty ngành nghề sử dụng nhiều lao động (cao su, thủy hải sản, may mặc, thức ăn chăn nuôi, dược) để nắm được tình hình kế hoạch nghỉ mát, tiệc, hội nghị, Event cuối năm, tiệc tri ân khách hàng,...

Triển khai thông tin đến khách hàng thông qua Sales Call, Telesales, giới thiệu trực tiếp cho khách hàng những điểm nổi bật, điểm mới hệ thống du lịch TTC mang lại cho khách hàng khác biệt với đối thủ cạnh tranh trong khu vực để thu hút khách.

Phân tích thị trường để định hướng trong phát triển sản phẩm, dịch vụ mang lại hiệu quả cao và thay thế hay loại dần các sản phẩm có dấu hiệu bão hòa, hoặc không còn hiệu quả. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, thị trường, khách hàng, nội bộ công ty để làm cơ sở cho phân tích xu hướng thị trường du lịch, cũng như các sản phẩm dịch vụ mới trên thị trường nhằm làm nguồn dữ liệu để phát triển ý tưởng sản phẩm mới phù hợp từng Đơn vị và từng thời điểm.



Nhóm Khách sạn/ Resort

- Tập trung khách Corp, khách lẻ bằng cách chạy các Package cho các thị trường này: Honeymoon, Package cho khách Việt kiều, Package phòng bao gồm Hội họp, chính sách chiết khấu cho Booker.
- Nâng tỷ trọng khách qua kênh OTAs: đẩy Ranking năm 2019 nằm trên trang đầu các kênh OTAs bằng cách tham gia các gói Flashdeal, gói Agoda..., tích cực lấy đánh giá tốt, tạo các chương trình khuyến mãi cho những giai đoạn Last Minute và Early Bird.
- Nhân rộng mô hình Phiên Chợ Quê, Phố Nướng nhằm tăng doanh thu mảng F&B, Triển khai Gói sản phẩm giá rẻ dành cho người cao tuổi các ngày trong tuần.
- Phát triển khách Corp thông qua chương trình thẻ đồng hành thương hiệu, liên kết với các đối tác như TTC Sugar, OCB, Samsung,...
- Duy trì mô hình gói All Inclusive hiện đang hoạt động có hiệu quả tại Kê Gà với đối tượng khách là khách nội địa.
- Khách TA ngoài thị trường truyền thống như Nga, Trung Quốc cần tìm thêm thị trường khác như: Angkor tập trung thị trường Việt Nam đi Tour Campuchia, Resort Ninh Thuận: tập trung thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc và khách FIT Việt Nam.



Nhóm Trung tâm Hội nghị/ Nhà hàng

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ, xây dựng đa dạng các gói tiệc cưới nhằm phục vụ nhiều phân khúc khách hàng.
- Nâng cao chất lượng món ăn và hình ảnh thông qua thiết kế và chế biến các món ăn ngon và các món mang đặc trưng riêng của TTC.
- Đầu tư, nâng cấp các hạng mục trang trí, Concept cưới mới nhằm thu hút khách hàng liên hệ đặt tiệc.



Nhóm Khu vui chơi

Tập trung đẩy mạnh doanh thu khu vui chơi thông qua kế hoạch xây dựng và xác định lại đối tượng khách hàng để triển khai áp dụng gói vé 250K tại Tỉnh Yêu Mộng Mơ và đẩy nhanh các hạng mục dự án để sớm đưa vào khai thác nhằm tăng doanh thu. Tăng cường thêm các hạng mục cảnh quan có tính tương tác để thu hút khách hàng.

- Tại Tỉnh Yêu Mộng Mơ như Bảo tàng tượng sáp, Khu Tỉnh Yêu Vĩnh Cửu, Mô hình toàn nhà Quốc Hội Mỹ, Nhà hàng Mai Anh Đào, Đường nổi Thung Lũng Tỉnh Yêu và Đồi Mộng Mơ và Shop lưu niệm.
- Tại Núi Tà Cú hoàn thành Đền thờ và tượng sáp Trần Hữu Đúc, Công viên nước, Nhà khám bệnh thuốc nam trên nhà hàng Thiên Thai, Khu nhà bán hàng lưu niệm tại nhà hàng Thiên thai Tà Cú và hoàn thiện khu vườn thuốc nam tại Tà Cú.



Nhóm Lữ hành

Lữ hành Nội địa, Inbound:

- Đàm phán với đối tác giảm giá các dịch vụ để giảm chi phí đầu vào, kiểm soát tốt chi phí, đảm bảo giá Cost khi bán Tour để hoạt động mang lại hiệu quả.
- Khai thác các sản phẩm mang tính đặc trưng của TTC Travel như gói sản phẩm chuyên về sức khỏe, Tour du thuyền Mê Kông, Tour Detox, ...

Lữ hành Outbound:

- Lữ hành tập trung phát triển theo dòng sản phẩm, theo tuyến điểm như: sản phẩm cho khách phổ thông (Campuchia, Thái Lan), sản phẩm cho khách trung cấp Tam Rừng Châu Á (Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan), và nhóm cao cấp (Bhutan, Maldives, Mỹ, Nhật và Dubai).
- Đẩy mạnh khai thác đối tượng khách Corp qua các Tour MICE, Tour công tác, Tour Leisure (dành cho nhân viên và khách hàng doanh nghiệp), Tour hội chợ và đa dạng Tour theo yêu cầu; Đối với khách lẻ tập trung vào Tour Easy Go Combo (Free and Easy), và đáp ứng Tour theo yêu cầu (hội nhóm, gia đình).



CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Gia tăng kiểm soát các hoạt động dịch vụ tại các đơn vị thông qua việc kiểm soát hàng ngày, định kỳ... tổ chức lấy ý kiến dịch vụ độc lập từ khách hàng, sử dụng khách hàng bí mật để đánh giá đột xuất các dịch vụ tại các địa điểm kinh doanh.

Nghiên cứu và đề xuất nâng cao giải pháp hoạt động tập trung như bảo trì tập trung, vệ sinh công cộng tập trung theo khu vực nhằm chuyên môn hóa, nâng cao chất lượng và duy trì chất lượng cơ sở vật chất, tài sản.

Tăng tính tương tác đánh giá, nhằm tăng thứ hạng xếp loại của các Đơn vị trên các trang mạng xã hội.

Rà soát văn bản lập quy và hoàn thiện bộ tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ.



CÔNG TÁC MARKETING

Đẩy mạnh việc truyền thông quảng bá hình ảnh trên các kênh truyền thông, tập trung về mặt hình ảnh để có điểm đánh giá cao trên các trang OTAs, Tripadvisor và các trang mạng xã hội.

Đẩy mạnh công tác truyền thông nội bộ trên EOffice, Email cán bộ nhân viên toàn ngành, LCD thang máy, Standee, Fanpage/ Website tổng công ty và các Ngành, các Công ty thành viên/ Công ty liên kết, các ấn phẩm TTC, Pano/ Biển hiệu quảng cáo/ Poster tại các đơn vị thành viên.

Tham gia định kỳ các hội chợ uy tín như ITE, VITM để gặp gỡ các đối tác và thị trường mới.

Tìm và liên kết mở văn phòng đại diện tại Châu Âu, các khu vực nói tiếng Ý, Pháp.



CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

Kiểm soát tình hình triển khai các dự án tại các Đơn vị thông qua kiểm soát các khâu trọng yếu trọng yếu từ ban đầu khi phát triển dự án như kiểm soát thiết kế, kế hoạch đầu thầu, tiến độ của dự án.

Có phương án điều động nhân sự phù hợp, lên kế hoạch tăng cường nhân sự hỗ trợ kịp thời khi các dự án đồng loạt triển khai.



CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

Công tác Quản lý tài sản: Tiếp tục cập nhật và dán mã tài sản đối với các đơn vị chưa mua bản quyền sử dụng phần mềm Quản lý tài sản; Đánh giá hiện trạng công cụ dụng cụ theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ban hành và trình thanh lý, điều chuyển đối với các công cụ dụng cụ không đạt chuẩn quy định; Định kỳ đánh giá, cập nhật giá trị còn lại của Tài sản, công cụ dụng cụ theo thực tế đảm bảo công tác tham mưu mua sắm và thanh lý tài sản hiệu quả, chính xác. Tiếp tục phát triển kinh doanh xe Lữ hành.

Công tác Quản lý mua hàng: Khảo sát và đánh giá chất lượng nhà cung cấp định kỳ đảm bảo các nhà cung cấp luôn cung cấp các sản phẩm, dịch vụ chất lượng tốt nhất với chi phí phù hợp nhất; Xây dựng và cập nhật danh mục Nhà cung cấp nhằm kiểm soát chi phí mua sắm toàn Ngành; Đàm phán Nhà cung cấp dịch vụ Bảo trì, bảo dưỡng Tài sản tập trung toàn Ngành hoặc theo từng khu vực; Tìm kiếm Nhà cung cấp tập trung công cụ dụng cụ sử dụng cho các Bộ phận dịch vụ trực tiếp theo tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ ban hành.

Công tác Quản lý hành chính khác: Cập nhật và ban hành bổ sung các quy trình, quy định liên quan đến nghiệp vụ hành chính đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc; Thực hiện công tác đào tạo, kiểm tra 5S định kỳ, đột xuất đảm bảo cán bộ nhân viên nắm bắt và tuân thủ quy định, nâng cao hình ảnh, thương hiệu của đơn vị; Lập kế hoạch và thực hiện đào tạo nghiệp vụ liên quan cho các đơn vị đảm bảo cán bộ nhân viên đều nắm vững nghiệp vụ và quy trình phối hợp, tiết giảm thời gian và chi phí, nâng cao năng suất lao động.



CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự: Gia tăng sự hài lòng của người lao động về chính sách lương, thưởng, chế độ đặc biệt đối với nhân sự lao động phổ thông có thu nhập thấp; Thành lập các Câu lạc bộ dành cho các Trưởng bộ phận Dịch vụ trực tiếp tại Các Outlet (Bộ phận Bảo vệ, Bếp, Buồng phòng, Nhà hàng, Kỹ thuật, Tiễn sảnh...) giao lưu, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm định kỳ.

Tuyển dụng: Hoàn thiện mô tả công việc, xây dựng tiêu chuẩn đầu vào, kỹ năng, kiến thức phù hợp với từng vị trí tuyển dụng, xây dựng bộ đề thi tuyển đầu vào (về kiến thức, kỹ năng) đối với các vị trí.

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực: Xây dựng đội ngũ giảng viên nội bộ, tận dụng đội ngũ giảng viên đào tạo nội bộ tăng cường công tác đào tạo tại chỗ tiết giảm chi phí đào tạo cho đơn vị; Thiết lập khung chương trình đào tạo với từng cấp bậc/ vị trí; Tìm kiếm tài năng thông qua các cuộc thi Talent ngành; Xây dựng lộ trình nghề nghiệp, Thiết lập danh sách nhân sự kế thừa để triển khai các hoạt động đào tạo đội ngũ nhân sự kế thừa; Tổ chức các hoạt động để tiếp nhận ý tưởng, sáng kiến của cán bộ nhân viên về việc cải tiến quy trình, nâng cao năng suất lao động.

Quan hệ lao động, quản lý nhân sự: Phân tích công việc để định biên nhân sự phù hợp cho từng phòng ban, bộ phận; Xây dựng bộ KPI cho các chức danh toàn Ngành nhằm giám sát chặt chẽ kết quả hoạt động của Nhân sự; Tăng cường tính kiểm tra, kiểm soát trong quy trình tác nghiệp đối với các nhân sự; Cập nhật thường xuyên và đầy đủ dữ liệu trên phần mềm Quản lý Nhân sự đảm bảo tính xác thực của dữ liệu phục vụ công tác báo cáo định kỳ, đột xuất



CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ KẾ HOẠCH

Công tác kế toán: Tiếp tục thực hiện đúng quy trình thanh toán, kiểm soát chặt chẽ giá đầu vào, nhập kho hàng hóa, hoá đơn và các quy định liên quan đến chi phí, thanh toán và đặc biệt chú trọng quản lý chặt chẽ hàng hoá - NVL, hạn chế tối đa hao hụt, thất thoát; Quản lý tốt công nợ phải thu, cân đối hợp lý công nợ phải trả hạn chế thấp nhất công nợ phải thu quá hạn-khó đòi; Phối hợp với Quản lý hệ thống thực hiện giải pháp chuyển đổi Báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS.

Công tác kế hoạch: Triển khai xây dựng mục tiêu, kế hoạch ngân sách của đơn vị và tiến hành phân biện để kế hoạch ngân sách phù hợp với thực tế, phục vụ cho công tác quản trị và điều hành; Phân tích đánh giá định kỳ hàng tháng, quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của từng đơn vị, đưa ra các giải pháp nhằm giúp đơn vị kiểm soát tốt kế hoạch đã xây dựng; Cập nhật dữ liệu lên hệ thống BI thường xuyên để báo cáo kịp thời theo quy định của công ty và tham mưu cho Ban lãnh đạo.

Công tác tài chính: Tăng cường huy động nguồn vốn cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu và các nguồn vốn tín dụng khác; Mở rộng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng để đảm bảo tính thanh khoản cho toàn Ngành; Giám sát thanh khoản cho tất cả các Đơn vị trong Ngành, không để xảy ra trường hợp mất thanh khoản và theo dõi tiến độ triển khai, kiểm soát chặt chẽ hoạt động giải ngân các dự án theo dự toán được duyệt.



CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH PHÁP CHẾ

Công tác Chính sách: Thường xuyên cập nhật rà soát những văn bản lập quy mẫu để ban hành lại tại Công ty đúng tiến độ; Đề ra kế hoạch lập quy, kế hoạch đào tạo hướng dẫn văn bản lập quy theo tháng và theo quý, yêu cầu các Đơn vị phối hợp triển khai.

Công tác Pháp chế: Thẩm định các hợp đồng liên quan đến hoạt động Công ty; Tập huấn phòng kinh doanh trong việc áp dụng hợp đồng mẫu trong chính sách kinh doanh nhằm giúp việc triển khai các hợp đồng bám sát thực tế hơn, hạn chế rủi ro trong kinh doanh; Hướng Khách hàng sử dụng mẫu hợp đồng của Công ty khi đàm phán; Rà soát các quy định luật mới để đảm bảo tính pháp lý hợp đồng; Thường xuyên rà soát đảm bảo các hoạt động kinh doanh đúng với quy định Pháp luật; Tham gia hỗ trợ các dự án ngay từ giai đoạn đầu để hạn chế những rủi ro liên quan trong quá trình thực hiện



CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

EOffice: Phân loại văn bản lập quy 17 lĩnh vực, Xây cấu trúc văn bản lập quy theo sơ đồ Tổng công ty, Cập nhật văn bản lập quy lên hệ thống EOffice, và Giám sát vận hành.

ERP Gihotech: Giám sát vận hành các chức năng và Data ghi nhận hàng ngày, thiết lập Báo cáo Quản trị hợp cộng ngành, Báo cáo Quản trị hợp nhất ngành, Cấu trúc dữ liệu IFRS, Công cụ xử lý dữ liệu VAS sang IFRS và các báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán IFRS.

Phần mềm CRM: Thực hiện khảo sát, phân tích hiện trạng - nhu cầu; Cấu hình, cài đặt hệ thống Beta; Hướng dẫn nhập liệu theo Template và Giám sát vận hành các chức năng và data ghi nhận hàng ngày.



CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Tổng hợp dữ liệu tài chính, thông tin về công ty để thống nhất trong số liệu cung cấp cho nhà đầu tư khi cần.

Xây dựng tiêu chí đối tác đầu tư, nhà đầu tư phù hợp, tiềm năng để đưa đề xuất cho đơn vị tư vấn.

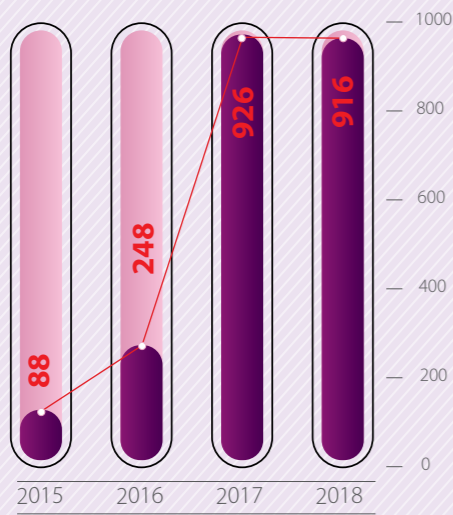
Lên kế hoạch sự kiện IR và sự kiện của Công ty trong cả năm, kế hoạch tham gia các sự kiện nhà đầu tư, sự kiện cho các công ty niêm yết trong năm.

Tìm hiểu và đăng ký tham gia dự giải thưởng uy tín cho các công ty niêm yết.

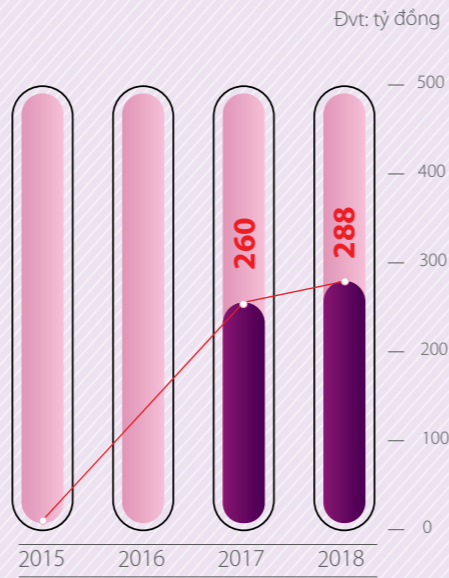
Tổ chức định kỳ thực hiện các báo cáo cung cấp cho cổ đông, nhà đầu tư, bản tin.

3.7. ĐIỂM NHẤN CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NĂM 2018

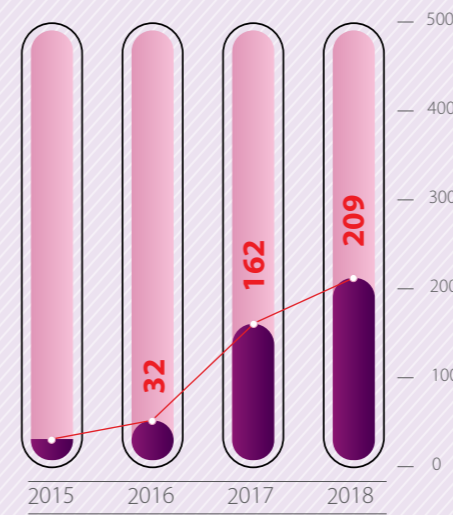
DOANH THU THUẦN



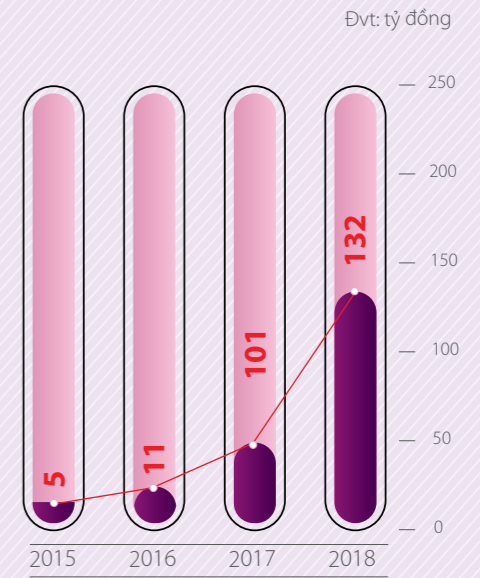
LỢI NHUẬN GỘP



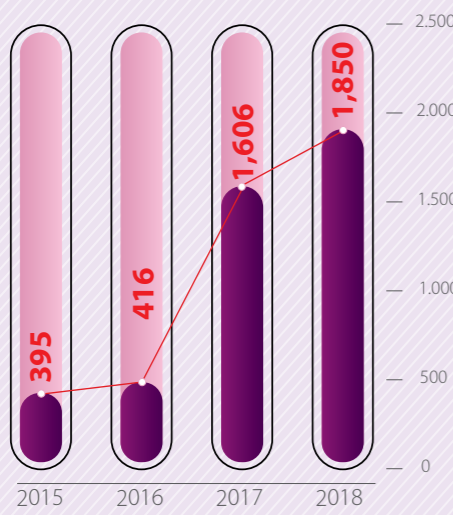
EBITDA



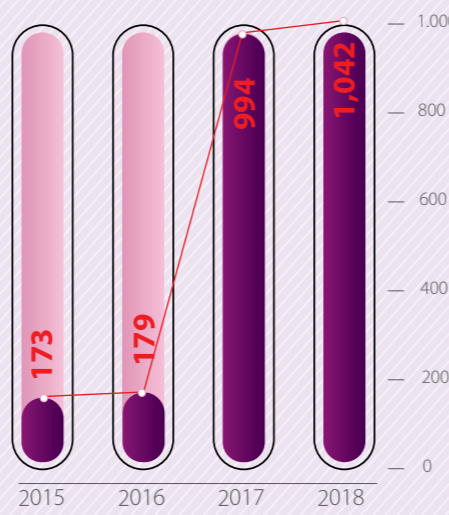
EBIT



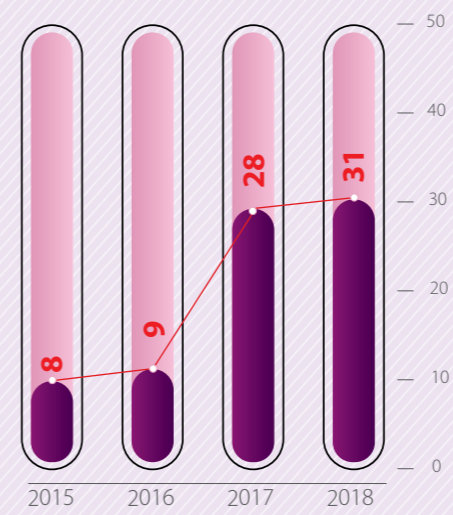
TỔNG TÀI SẢN



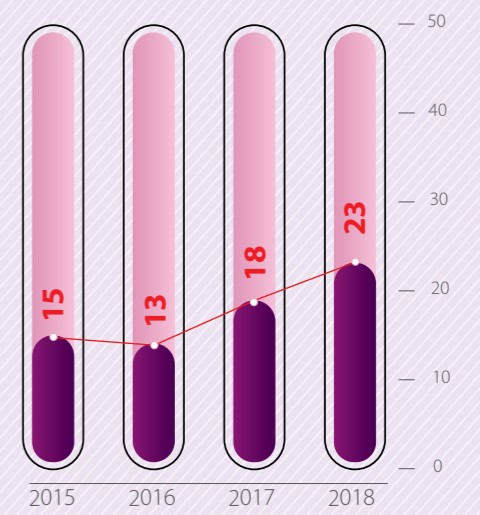
VỐN CHỦ SỞ HỮU



BIÊN LỢI NHUẬN GỘP



BIÊN EBITDA





3.8. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng và chiến lược đến năm 2020, VNG đã đẩy mạnh đầu tư vào các dự án lớn và mở rộng mạng lưới hoạt động trong năm 2019 như hoàn thành nâng cấp Resort 4* TTC Resort Ninh Thuận vào Quý 3/2018; xây dựng Giai đoạn 1 Resort 4* Mêkong Bến Tre, đã khai trương Khu ẩm thực vào Quý 2/2018; xây dựng Giai đoạn 1 Quần thể Trung tâm tình yêu, Đồi mộng mơ, Đồi Thống Nhất - những tích sản mang tầm vóc quốc gia thuộc nhóm TTC World, dự kiến hoàn thành năm 2019, đưa quần thể du lịch tại Đà Lạt thành một điểm đến có giá trị trong khu vực với tổng đầu tư khoảng 50 triệu USD.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch phát triển toàn diện trong hệ thống với những hạn mục chính như hoàn thiện quần thể du lịch tại Trung tâm Tình Yêu, xây dựng khối khách sạn 4* tại TTC Resort Premium Dốc Lết (Khánh Hòa) nhằm đáp ứng nhu cầu đang tăng mạnh tại khu vực này, phát triển chuỗi nhà hàng nướng TTC BBQ tại Cần Thơ, Bổ sung hoạt động vui chơi tại Khu Du Lịch Núi Tà Cú trở thành khu tham quan độc đáo tại Bình Thuận, đẩy mạnh và mở rộng tuyến điểm tour lữ hành Outbound. Với những kế hoạch cụ thể và bài bản sẽ là nền tảng cho thực thi chiến lược đến 2020 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 72

MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019 83



4. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4.1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU NHÂN SỰ CỦA HĐQT TRONG NĂM 2018

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 26/04/2018

1. Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
3. Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4. Bà Phan Thị Hồng Vân	Thành viên HĐQT
5. Ông Trần Mến	Thành viên HĐQT

Từ ngày 27/4/2018 đến ngày 31/12/2018

1. Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch HĐQT
2. Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên HĐQT
3. Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
4. Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên HĐQT
5. Ông Vũ Viết Bản	Thành viên HĐQT
6. Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên HĐQT

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thù lao Hội đồng quản trị

Năm 2018, HĐQT đã nhận được mức thù lao mà ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đã thông qua như sau:

STT	CHỨC DANH	SỐ LƯỢNG	THÙ LAO ĐỒNG/NGƯỜI/THÁNG	TỔNG CỘNG
01	Chủ tịch HĐQT	01	303.000.000	3.636.000.000
02	Thành viên HĐQT	05	16.000.000	960.000.000
Cộng				4.596.000.000
Thù lao HĐQT năm 2018				4.596.000.000

Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	KẾ HOẠCH 2018	THỰC HIỆN 2018	SO SÁNH TH/KH
Báo cáo riêng			
Doanh thu thuần	330	339	103%
Lợi nhuận trước thuế	15.2	41.8	275%
Báo cáo hợp nhất			
Doanh thu thuần	893	919	103%
Lợi nhuận trước thuế	77	90.4	117%

Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và các kỳ xin ý kiến cổ đông bằng văn bản trong tháng 08/2018, 11/2018:

- Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018.
- Thông qua việc Ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán BCTC năm 2018: Đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán BCTC 2018 của Công ty.
- Thông qua việc thành lập Ban kiểm toán nội bộ, đổi tên Ban kiểm toán nội bộ thành Tiểu Ban kiểm toán; Thành lập Tiểu Ban nhân sự, thù lao và khen thưởng; Thành lập Tiểu Ban chiến lược, tổ chức và quản trị.
- Thông qua Chủ trương sáp nhập và phương án hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu theo Hợp đồng sáp nhập: đã hoàn tất việc hoán đổi và sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi, chuyển đổi Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi thành Công ty TNHH Du lịch TTC do Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công sở hữu 100% vốn.
- Thông qua việc tăng vốn, ESOP: đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty trong tháng 11/2018.
- Đối với việc phát hành riêng lẻ 50.000.000 cổ phiếu: Công ty chưa tìm được đối tác phù hợp để thực hiện, khi tìm được đối tác thực hiện Công ty sẽ báo cáo ĐHĐCĐ trong kỳ họp gần nhất.
- Thông qua Bổ sung ngành nghề kinh doanh: đã thực hiện trong năm 2018.
- Thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2018: đã thực hiện việc tạm ứng 5% vốn điều lệ trong tháng 12/2018. HĐQT đã cân đối lợi nhuận và quyết định không trình tiếp ĐHĐCĐ chia cổ tức thêm trong năm 2018. Như vậy, việc tạm ứng cổ tức trong tháng 12/2018 là kỳ chia cổ tức của năm 2018.

Tổng kết các cuộc họp HĐQT và các quyết định HĐQT

Để thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đề ra, HĐQT đã triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất với sự tham gia của Ban Điều hành để bàn bạc, thống nhất các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT, hoạch định chiến lược và ban hành 38 Nghị quyết HĐQT đưa ra các quyết định, chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cho Công ty, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 vào ngày 27/4/2018 và Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua biểu quyết bằng văn bản vào ngày: (i) 28/8/2018 về việc điều chỉnh tên BKTNB và thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT và (ii) 23/11/2018 về việc tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2018.
- Giám sát chặt chẽ việc điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định của Công ty phù hợp với quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình hoạt động của Công ty.
- Giám sát các hoạt động tài chính của Công ty nhằm đảm bảo khả năng thanh khoản, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, các khoản vay được tái cơ cấu theo hướng điều chỉnh chi phí lãi vay xuống mức thấp.
- Chỉ đạo việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi các cổ phiếu tại Công ty cổ phần du lịch Thăng Lợi mà Công ty chưa sở hữu. Thực hiện các công việc liên quan đến lưu ký, niêm yết bổ sung.
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Vũ Hoàng An làm Phó Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 18/6/2018.
- Phân quyền, ủy quyền cho Ban điều hành, các trưởng đơn vị tại Công ty.



Hoạt động của Tiểu ban kiểm toán trong năm 2018:

Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tiểu Ban Kiểm toán duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế giám sát hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động của Ban Điều hành.

a. Thực hiện kiểm tra, kiểm soát:

Tiểu ban Kiểm toán gồm 03 thành viên, đã thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ được quy định cụ thể trong Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán. Cụ thể:

Tổ chức, vận hành:

Hợp Tiểu ban Kiểm toán ngay sau khi kết thúc ĐHCĐ thường niên năm 2017 tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2018 để phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của Tiểu ban Kiểm toán.

Tổ chức các phiên họp định kỳ nhằm trao đổi, thống nhất chương trình công tác kiểm soát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- Xây dựng lại Quy chế tổ chức hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán.
- Xem xét, hiệu chỉnh và tái phê duyệt kế hoạch của phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB).
- Tham gia họp giao ban định kỳ với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, qua đó:
 - + Cảnh báo tiềm ẩn rủi ro qua các ghi nhận phát sinh trong tuần, kỳ kiểm tra để Ban Điều hành có giải pháp xử lý;
 - + Tư vấn ý kiến cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc ban hành các chính sách của Công ty.

Công tác giám sát: tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động quản trị của Hội đồng Quản trị và công tác điều hành Ban Tổng Giám đốc, về:

- Xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc;
- Công tác ban hành và hoàn thiện các văn bản lập quy, nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty và giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.
- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh.

Hoạt động kiểm tra:

- Kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp, chính xác, kịp thời và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán; kiểm tra và xác nhận độ tin cậy của các thông tin quản trị, thông tin tài chính trong Báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan; soát xét báo cáo tài chính theo định kỳ thông qua các báo cáo hàng tháng và thẩm định Báo cáo tài chính cuối niên độ 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Chỉ đạo và phối hợp KTNB xây dựng chương trình hành động, chương trình kiểm soát để thực hiện kiểm tra hoạt động các đơn vị trực thuộc (chi nhánh/phòng/ban/bộ phận nghiệp vụ; các đơn vị cùng ngành có vốn đầu tư của Công ty) theo các đề cương chi tiết, cụ thể, mang tính chuyên nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định nội bộ trong hoạt động; và qua hoạt động kiểm tra, đánh giá công tác quản trị rủi ro và trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiểm soát thích hợp, nhằm ngăn ngừa rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh; đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị (phòng/ban/bộ phận).
- Thông qua hoạt động kiểm tra; trên cơ sở phân tích, nhận định và đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động; Tiểu ban Kiểm toán đã lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị/đề xuất, yêu cầu cụ thể cũng như tư vấn một số các giải pháp chỉnh sửa cho Ban Tổng Giám đốc, các cấp quản lý trung gian hoàn thiện, khắc phục các khiếm khuyết.

b. Đánh giá hoạt động kiểm soát và thành viên Tiểu Ban Kiểm Toán:

- Tự đánh giá, Tiểu Ban Kiểm Toán nhận thấy hiệu quả giám sát trong năm 2018 đã hoàn thành nhiệm vụ mà Cổ đông, Hội đồng quản trị đã tin nhiệm và giao phó.
- Qua hoạt động giám sát và kiểm tra, các thành viên Tiểu ban Kiểm toán đã có những kiến nghị và/hoặc đề xuất thiết thực cho Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai và giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị; tư vấn ý kiến đối với các Trưởng đơn vị về công tác quản lý trong lĩnh vực được phân công, phụ trách nhằm đảm bảo hoạt động của các đơn vị, bộ phận vận hành xuyên suốt.

c. Đánh giá hoạt động của ban tổng giám đốc và quan hệ phối hợp:

Hoạt động của Tổng Giám đốc (và Ban Tổng Giám đốc):

- Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc (sau đây gọi tắt là Ban TGD) đã điều hành hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, phù hợp Luật doanh nghiệp và Quy chế tổ chức & hoạt động của Công ty. Các Quyết định của Ban TGD được ban hành hợp pháp, đúng thẩm quyền và kịp thời.
- Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đã được Ban TGD tổ chức triển khai kịp thời, đúng yêu cầu. Công tác quản lý điều hành có sự năng động và cẩn trọng cần thiết.
- Báo cáo tài chính được soạn lập đúng chế độ kế toán, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật liên quan. Số liệu trên báo cáo tài chính cuối niên độ 2018 phản ánh đầy đủ giá trị tài sản hiện có của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động.
- Ban TGD đã phân công, phân nhiệm cụ thể từng thành viên. Tuy hiệu quả chưa đạt được như kỳ vọng nhưng từng thành viên Ban TGD hiểu rõ toàn bộ mảng công việc của phòng/ban/bộ phận do mình phụ trách, qua đó có những hỗ trợ hoặc chỉ đạo kịp thời nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Phối hợp hoạt động giữa Tiểu ban Kiểm toán với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

- Tiểu ban Kiểm toán đã thiết lập sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ giám sát và kiểm toán nội bộ.

- Hội đồng Quản trị và Ban TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để Tiểu ban Kiểm toán thực hiện chức năng, nhiệm vụ; được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Tiểu ban Kiểm toán đã thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban TGD về kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2018 để phối hợp thực hiện. Tiểu ban Kiểm toán đã tiến hành kiểm tra cũng như phối hợp với các bộ phận chức năng của Công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm.
- Trên cơ sở đề nghị của Ban TGD và/hoặc của Chủ tịch HĐQT; sau khi cân đối nguồn lực, Tiểu ban Kiểm toán và/hoặc KTNB đã tiến hành kiểm tra một/một số đơn vị trực thuộc (bao gồm cả các đơn vị cùng ngành có vốn đầu tư của Công ty) theo chuyên đề, nhằm đảm bảo kiểm soát kịp thời những tiềm ẩn rủi ro.

d. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ:

Xây dựng và tự đánh giá hệ thống Kiểm soát nội bộ của Hội đồng Quản trị và Ban TGD:

- Trong niên độ 2018, Hội đồng Quản trị và Ban TGD đã tích cực hoàn thiện hệ thống Văn bản lập quy (VBLQ) trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh của ngành du lịch cũng như các lĩnh vực hỗ trợ.
- Với chức năng là một phòng nghiệp vụ, phòng Chính sách-Pháp chế đã hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty hiệu chỉnh hệ thống VBLQ của từng Đơn vị trên nền tảng hệ thống VBLQ của Công ty đã ban hành.
- Về công tác triển khai, ngoài hoạt động triển khai theo ngành dọc từ các phòng nghiệp vụ; Ban TGD cũng thành lập các Nhóm chuyên đề nhằm vừa triển khai hoạt động kinh doanh, vừa triển khai các quy định liên quan.
- Tự đánh giá hệ thống Kiểm soát nội bộ: toàn bộ hệ thống VBLQ của ngành du lịch được ban hành đầy đủ và kịp thời, các giải pháp về chốt kiểm soát từng bước được rà soát và hiệu chỉnh. Tiểu ban Kiểm toán và/hoặc KTNB trong quá trình thực hiện kiểm tra, giám sát cũng đã đưa ra những ý kiến về hệ thống Kiểm soát nội bộ và có những khuyến nghị kịp thời.

Về môi trường kiểm soát:

- Đánh giá chung trong niên độ 2018, môi trường kiểm soát ngành du lịch có sự chuyển biến tích cực từ đội ngũ CBNV các cấp.
- HĐQT và Ban TGD luôn đề cao tính tuân thủ và thực hiện các chuẩn mực cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, Ban TGD cũng thường xuyên tham vấn hoặc trao đổi với Tiểu ban Kiểm toán/KTNB nhằm tăng cường thiết lập một môi trường kiểm soát hiệu quả tại từng Đơn vị trực thuộc.

Phân công – phân nhiệm và ủy quyền:

Ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, HĐQT đã thực hiện:

- Tổ chức phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT;
- Tra soát và hiệu chỉnh việc phân quyền, ủy quyền hạn mức phê duyệt theo từng cấp quản trị, điều hành và cơ chế ủy quyền trên cơ sở tham mưu của Tổng Giám đốc;

Chính sách nhân sự:

Trong niên độ 2018, HĐQT và Ban TGD đã quan tâm đến việc phát triển và củng cố đội ngũ cán bộ công nhân viên đảm bảo thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, tạo ra động lực làm việc và khả năng làm việc:

- Tổ chức bồi dưỡng các khóa tập huấn cho nhân viên mới và tập huấn nghiệp vụ cho các nhân viên trong trường hợp có những thay đổi ảnh hưởng đến việc thực hiện quy trình nghiệp vụ hoặc các yêu cầu mới về chuẩn mực nghề nghiệp.
- Tổ chức đào tạo chuyên môn, kỹ năng cho các GM.
- Tổ chức các đợt GM lưu động.
- Đánh giá nhân viên dựa trên kết quả làm việc của từng nhân viên so với các mục tiêu kỳ vọng được xây dựng cho nhân viên đó.

Quản lý rủi ro:

Công ty đã xây dựng và ban hành:

- Các quy định liên quan đến quản lý tài chính như: Quy định khung rủi ro tài chính; Quy trình quản lý công nợ; Quy trình quản lý ngân quỹ ...

- Quy định về định lượng Min-Max; định mức hàng tồn kho.
- Xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng – dịch vụ lưu trú, F&B, KVC.
- Đang tiến hành hiệu chỉnh hạn mức công nợ (theo hướng xây dựng các tiêu chí định lượng; hệ đối tác/khách hàng).
- Việc nhận diện và đánh giá rủi ro trong hoạt động lõi được thực hiện thông qua nhiều kênh bên ngoài (đối tác, khách hàng, fanpage, mạng xã hội ...) lẫn bên trong (các phòng nghiệp vụ: marketing, R&D, khối kinh doanh, QLVH ...) và trên cơ sở đó xây dựng các chính sách quản lý rủi ro trong toàn ngành được từng bước tiến hành, chưa
- Với hoạt động lõi, hiện nay Công ty đang có kế hoạch triển khai từng bước thực hiện nhận diện và đánh giá rủi ro đối với các hoạt động kinh doanh lõi và trên cơ sở đó xây dựng các chính sách quản lý rủi ro trong toàn ngành.

Đánh giá hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ:

- Tiểu ban Kiểm toán/ KTNB có chức năng, nhiệm vụ tiến hành giám sát, kiểm tra tính đầy đủ, hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Ngoài ra, định kỳ hàng năm Tổng Công ty và các Công ty thành viên thông qua tháng chấn chỉnh (thực hiện vào mùa thấp điểm) đều tiến hành tự kiểm điểm và đánh giá việc thực hiện công việc (tiến độ thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển, chỉnh sửa theo kiến nghị). Tiểu ban Kiểm toán/KTNB thực hiện đánh giá lại hoạt động tháng chấn chỉnh.
- Đánh giá chung: Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đảm bảo được ba thuộc tính: (i) tính đầy đủ; (ii) tính hiệu lực; và (iii) tính hiệu quả.

e. Kế hoạch hành động của Tiểu ban kiểm toán trong năm 2019:

Mục tiêu:

Tổ chức công tác kiểm toán nội bộ hữu hiệu và hiệu quả:

- Kịp thời phát hiện, ngăn ngừa các trường hợp vi phạm tính tuân thủ dẫn đến rủi ro gây tổn thất tài sản, uy tín của công ty.
- Đảm bảo việc thực hiện các kiến nghị khắc phục sai phạm, ngăn ngừa rủi ro.
- Nhận diện, kiến nghị kịp thời những rủi ro, bất cập trong hệ thống quản lý.
- Đảm bảo tính trung thực hợp lý của các báo cáo.

Các bất cập về chất lượng dịch vụ được ghi nhận và đề xuất hoàn thiện kịp thời, tăng cường công tác giám sát chỉnh sửa với yêu cầu chế tài cụ thể.

Đề cao vai trò, trách nhiệm của cấp quản lý trực tiếp đối với các sai phạm của nhân viên/đơn vị mình quản lý.



Giải pháp thực hiện:

Tổ chức, vận hành:

- Điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên Tiểu ban Kiểm toán;
- Tái cấu trúc tổ chức phòng KTNB theo hướng quản lý theo khu vực, nhằm tối ưu hoá nguồn lực kiểm soát và đảm bảo tính kịp thời trong hoạt động kiểm tra – giám sát.
- Tăng cường nhân lực cho phòng KTNB để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thực hiện Chiến lược phát triển 2016 – 2020.

Hoạt động kiểm toán nội bộ:

- Công tác giám sát:
 - + Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban TGD Công ty;
 - + Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
 - + Giám sát việc sử dụng vốn điều lệ đúng mục tiêu và đảm bảo tính hiệu quả.
- Hoạt động kiểm tra:
 - + Kiểm tra tính tuân thủ tại các đơn vị (chi nhánh/trung tâm/phòng/bộ phận của Công ty – bao gồm cả các đơn vị cùng ngành có vốn đầu tư của Công ty) theo kế hoạch kiểm tra kiểm soát 2019 đã xây dựng;
 - + kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo – sửa chữa, trong đó phát huy vai trò tiên kiểm, tham gia ngay từ thời điểm thành lập BQL DA với chức năng giám sát nhằm đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, tính tuân thủ quy trình, quy định của Công ty (và pháp luật) ... giúp giảm thiểu việc hoàn thiện hồ sơ khi nghiệm thu, quyết toán các hạng mục/dự án hoàn thành;
 - + soát xét BCTC hàng quý năm 2019 và thẩm tra BCTC năm 2019;
 - + ngoài các cuộc kiểm tra theo định kỳ; tăng cường kiểm tra đột xuất các dịch vụ có thu mang tính rủi ro cao, công tác quản lý ngân quỹ.
- Xây dựng bảng phân loại mức độ sai phạm do không tuân thủ, qua đó song song với yêu cầu chỉnh sửa, khuyến nghị hoàn thiện là đề xuất mức chế tài phù hợp kể cả cấp quản lý trực tiếp
- Xây dựng bản nhận xét rủi ro, theo đó (i) làm cơ sở xây dựng kế hoạch và chú trọng đến các đơn vị, nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro, hoặc có tính trọng yếu; (ii) tăng cường tần suất kiểm tra đối với đơn vị đó với đánh giá cụ thể và/hoặc đề xuất chế tài nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định và duy trì hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ; (iii) hiệu chỉnh chương trình kiểm tra, theo hướng chú trọng phân tích và đánh giá rủi ro; đánh giá năng lực tổ chức và triển khai của các cấp quản lý trung gian.

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, đặt nền móng vững chắc cho sự nghiệp phát triển của Công ty.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Tiểu Ban Kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế giám sát hoạt động của Công ty.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động của Ban Điều hành.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT



Ông **NGUYỄN THẾ VINH**
Chủ tịch HĐQT

Trong năm 2018 đã chủ trì triệu tập 39/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh hàng năm;

Định hướng, hoạch định chiến lược, mục tiêu và đề ra các giải pháp, chính sách phát triển Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017. Đồng thời chỉ đạo, giám sát Ban điều hành việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2018.

Ban hành văn bản lập quy thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo ra hành lang pháp lý phù hợp điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty.



Bà **NGUYỄN THÁI HÀ**
Phó Chủ tịch HĐQT

Trong năm 2018 đã tham gia 40/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.

Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành công việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2018.

Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phân biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019.



Ông **ĐẶNG HUYNH ANH TUẤN**
Thành viên HĐQT

Trong năm 2018 đã tham gia 40/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.

Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phân biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019.



Ông **HOÀNG MẠNH TIẾN**
Thành viên HĐQT

Trong năm 2018 đã tham gia 32/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.

Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty



Ông **VŨ VIẾT BẢN**
Thành viên HĐQT

Trong năm 2018 đã tham gia 32/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.

Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.



Ông **ĐỖ HUY HIỆP**
Thành viên HĐQT

Trong năm 2018 đã tham gia 32/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động, đầu tư, chiến lược phát triển Công ty.

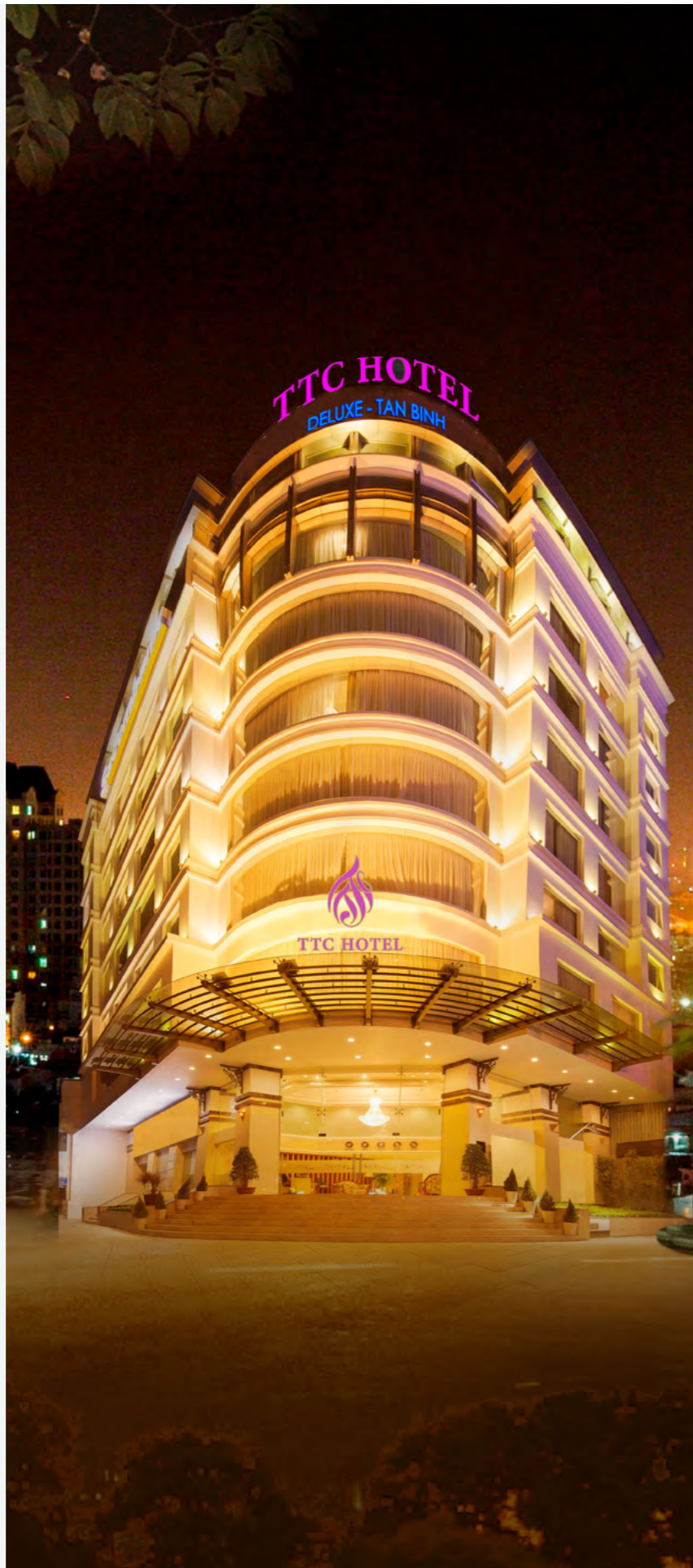
Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY:

Hội đồng quản trị theo dõi sát quá trình hoạt động của Ban điều hành để định hướng kế hoạch, phương hướng kinh doanh đúng mục tiêu đảm bảo thực hiện kế hoạch. Từ đó giúp Ban điều hành tập trung lãnh đạo các Bộ phận thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ kinh doanh được giao.

Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 do Đại Hội đồng cổ đông năm 2018 giao. Kết quả đã đạt và những mặt chưa đạt trong năm 2018 được nêu cụ thể trong báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Ban điều hành.

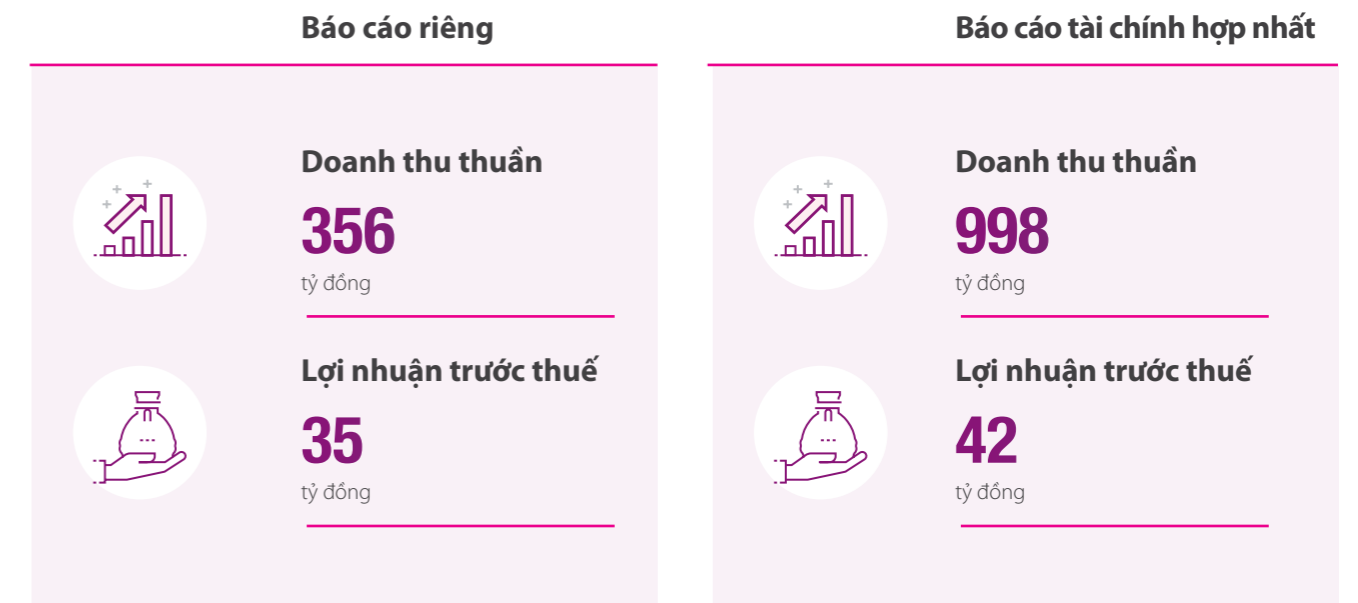
Tăng cường kiểm tra kiểm soát toàn bộ hoạt động Công ty trên cơ sở văn bản lập quy đã ban hành để kiểm tra tính tuân thủ đảm bảo hoạt động hiệu quả, hạn chế rủi ro đồng thời tăng cường công tác kiểm tra toàn bộ hoạt động của Công ty nhằm chấn chỉnh kịp thời và đưa Công ty hoạt động theo hướng chuyên nghiệp.



4.2. MỤC TIÊU VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

Với mục tiêu chiến lược phát triển ổn định và bền vững, trong năm 2019 Công ty phấn đấu kế hoạch kinh doanh như sau:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2018:



Với mục tiêu nêu trên, Hội đồng quản trị xác định tiếp tục chủ trương định hướng Công ty vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là tất cả các lĩnh vực trong ngành du lịch thông qua việc đầu tư vào các công ty trong ngành để khẳng định thương hiệu du lịch TTC Tourist.

Một số định hướng cụ thể như sau:

- Chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2019 do ĐHĐCĐ giao.
- Tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- Đẩy mạnh kinh doanh tại một số thị trường tiềm năng mới: Hàn Quốc, Nhật Bản, và duy trì sàng lọc đối với thị trường Trung Quốc. Tiếp tục tập trung kênh bán hàng OTA, gia tăng hình thức nhận diện thương hiệu TTC Hotel và TTC Travel trên mục tìm kiếm Google.
- Rà soát lại các tài sản hiện hữu và thanh toán nếu giá trị chuyển nhượng hợp lý để tập trung nguồn lực cho việc nâng cao thương hiệu của TTC Tourist.
- Khai thác tối ưu phần mềm quản lý khách sạn, lễ hành, khu vui chơi trong công tác quản lý và bán hàng.
- Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo các hoạt động của Ban Điều hành.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp và cao cấp hơn trong mắt các khách hàng.

- Tiếp tục đảm bảo doanh thu, kiểm soát tốt chi phí để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh trong năm 2019.
- Chuyên nghiệp và nâng cao hơn nữa về kỹ năng phục vụ, chăm sóc khách hàng. Nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng tốt các nhu cầu, đòi hỏi của khách hàng. Nâng cao hiệu suất làm việc của toàn thể CBNV Công ty.
- Hoàn thiện các quy trình, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của các bộ phận để tạo sự chuyên nghiệp và chuẩn hóa trong các tác nghiệp hàng ngày của CBNV theo tiêu chuẩn hệ thống khách sạn, trung tâm hội nghị, khu vui chơi, lễ hành. Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể CBNV, đồng thời xây dựng đội ngũ nhân sự kế thừa cho Công ty.
- Chú trọng hơn nữa về công tác quản trị nguồn nhân lực; quan tâm hơn nữa đến đời sống của toàn thể CBNV; xem xét điều chỉnh lương cho nhân viên vào thời điểm phù hợp trên cơ sở gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty để họ có thể yên tâm công tác và tận tâm phục vụ cho Công ty.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	86
CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	88
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	89
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	90
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	94
THUYẾT MINH BÁO CÁO TIẾP THEO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	97

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch	
Bà	Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	
Ông	Trần Mến	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Ông	Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông	Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Ông	Vũ Việt Bản	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Ông	Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Bà	Phan Thị Hồng Vân	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Bà	Phan Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	
Ông	Lê Thanh Huỳnh Cang	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 01 năm 2019)
Ông	Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2018)
Ông	Phan Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Bà	Nguyễn Thị Huệ Trinh	Giám đốc Tài chính	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm

Ông	Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Ông	Hoàng Ngọc Huệ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)
Bà	Nguyễn Trần Hằng Phương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2018)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.


Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty



Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty

Phan Thị Hồng Vân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 23 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.


Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số: 0725-2018-002-1
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019



Lê Văn Tùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số: 1479-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

31.12.2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		575.867.646.093	494.638.640.097
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	04	74,114,998,373	50,805,715,079
111	1. Chi phí tài chính		74,114,998,373	50,805,715,079
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	05	426,527,071	13,421,305,487
121	1. Chứng khoán kinh doanh		21,515	13,923,725,737
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1,008,920,250)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		426,505,556	506,500,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		473,323,648,315	402,748,098,963
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	06	54,569,832,546	44,942,127,103
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	07	40,695,380,833	25,821,947,328
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	08	322,450,000,000	303,800,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	09	60,107,226,203	29,370,976,977
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4,517,550,760)	(1,206,191,865)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		18,759,493	19,239,420
140	IV. Hàng tồn kho	11	11,539,784,648	12,519,345,866
141	1. Hàng tồn kho	31	11,539,784,648	12,519,345,866
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	16	16,462,687,686	15,144,174,702
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		5,485,799,625	6,877,003,638
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	5,693,391,880	4,097,226,167
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	33.2	5,283,496,181	4,169,944,897

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tiếp theo

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,273,845,286,406	1,111,608,875,668
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		34,933,196,486	63,517,668,886
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	08	25,009,600,000	52,850,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	09	9,923,596,486	10,667,668,886
220	II. Tài sản cố định		939,466,292,709	790,662,971,452
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	832,708,459,055	744,026,787,531
222	- Nguyên giá		1,248,298,293,576	1,113,817,887,760
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(415,589,834,521)	(369,791,100,229)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	106,757,833,654	46,636,183,921
228	- Nguyên giá		120,530,127,864	58,549,381,311
229	6. - Giá trị hao mòn lũy kế		(13,772,294,210)	(11,913,197,390)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	26,147,811,436	19,557,180,573
231	1. - Nguyên giá		40,136,506,885	31,625,075,425
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13,988,695,449)	(12,067,894,852)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	12	109,043,483,297	67,180,447,368
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		109,043,483,297	67,180,447,368
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	05	24,426,246,808	27,593,256,308
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22,022,811,909	24,352,213,569
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16,443,782,091	10,606,449,091
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	33.2	(14,040,347,192)	(7,365,406,352)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		139,828,255,669	143,097,351,081
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	87,882,493,776	83,792,537,851
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	37	723,090,801	1,446,181,602
269	3. Lợi thế thương mại	17	51,222,671,092	57,858,631,628
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,849,712,932,498	1,606,247,515,765

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tiếp theo

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		807,838,025,216	612,220,431,689
310	I. Nợ ngắn hạn		397,238,196,649	295,449,575,561
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	91,617,881,779	53,932,949,354
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	11,342,892,518	8,245,497,035
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	16,203,897,518	25,864,389,098
314	4. Phải trả người lao động		17,540,628,048	13,798,913,558
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	8,224,846,718	2,795,808,868
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	5,329,482,897	4,065,304,743
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	45,780,711,778	34,030,689,084
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	197,465,307,488	150,898,728,180
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3,732,547,905	1,817,295,641
330	II. Nợ dài hạn		410,599,828,567	316,770,856,128
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	-	1,068,006,720
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	19,505,142,068	21,522,789,896
337	3. Phải trả dài hạn khác	23	1,563,356,600	4,299,996,131
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	386,198,767,930	287,700,863,983
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	37	3,332,561,969	2,179,199,398
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,041,874,907,282	994,027,084,076

410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1,041,874,907,282	994,027,084,076
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		837,044,050,000	752,050,000,000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		837,044,050,000	752,050,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		38,493,268,364	748,636,364
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		18,567,770,000	10,382,620,000
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		82,019,640	(26,964,303)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		7,166,040,514	6,860,164,848
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		369,574,989	-
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4,914,206,056	14,561,656,543
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(18,842,347)	(7,476,391,779)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4,933,048,403	22,038,048,322
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		135,237,977,719	209,450,970,624
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,849,712,932,498	1,606,247,515,765

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Kế toán trưởng



BÙI TẤN KHẢI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ HỒNG VÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	NĂM 2018 VND	NĂM 2017 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	919,379,282,058	925,699,010,062
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	69,471,235	12,689,668
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		919,309,810,823	925,686,320,394
11	4. Giá vốn hàng bán	29	630,850,945,781	665,626,803,939
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		288,458,865,042	260,059,516,455
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	37,502,710,023	28,666,256,212
22	7. Chi phí tài chính	31	51,095,896,210	64,157,450,102
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42,459,395,992	42,086,395,082
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2,329,401,660)	487,841,945
25	9. Chi phí bán hàng	32	39,477,947,290	40,934,405,770
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	146,993,158,544	126,396,760,468
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86,065,171,362	57,724,998,272
31	12. Thu nhập khác	34	14,235,738,455	20,561,210,399
32	13. Chi phí khác	35	9,895,566,461	19,436,135,901
40	14. Lợi nhuận khác		4,340,171,994	1,125,074,498
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		90,405,343,356	58,850,072,770
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36	19,750,959,435	23,869,080,505
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	37	1,876,453,372	(754,948,478)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		68,777,930,548	35,735,940,743
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		46,785,250,903	23,905,237,784
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		21,992,679,645	11,830,702,959
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	38	609	401

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Kế toán trưởng

BÙI TẤN KHẢI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ HỒNG VÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

tiếp theo

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	NĂM 2018 VND	NĂM 2017 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		90,405,343,356	58,850,072,770
	2. Điều chỉnh cho các khoản		93,013,547,661	82,878,823,119
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		76,411,449,766	61,463,498,085
03	- Các khoản dự phòng		8,977,379,485	(28,060,423,534)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(198,309,499)	17,720,541
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(34,636,368,083)	7,371,632,945
06	- Chi phí lãi vay		42,459,395,992	42,086,395,082
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		183,418,891,016	141,728,895,889
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(53,134,164,245)	74,915,208,497
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		979,561,218	1,911,208,253
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		44,487,677,892	(28,456,745,287)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2,698,751,912)	6,357,588
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		13,923,704,222	32,265,131,859
14	- Tiền lãi vay đã trả		(42,037,472,548)	(41,765,348,239)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29,939,816,489)	(16,803,366,696)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1,533,625,599)	(863,815,029)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		113,466,003,555	162,937,526,835
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(279,505,277,799)	(90,738,965,081)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		11,502,652,761	27,366,619,542
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(104,586,105,556)	(430,975,245,544)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		113,856,500,000	212,355,461,492
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5,837,333,000)	(617,485,038,149)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	108,289,262,305
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		34,398,938,177	6,711,244,957
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(230,170,625,417)	(784,476,660,478)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

tiếp theo

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	NĂM 2018 VND	NĂM 2017 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		39,690,650,000	682,690,400,000
33	2. Tiền thu từ đi vay		518,538,207,046	341,978,217,473
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(373,473,723,791)	(360,648,132,639)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(44,939,537,598)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		139,815,595,657	664,020,484,834
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		23,110,973,795	42,481,351,191
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		50,805,715,079	8,342,084,429
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		198,309,499	(17,720,541)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	04	74,114,998,373	50,805,715,079

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Kế toán trưởng



BÙI TẤN KHẢI

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ HỒNG VÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là: 837.044.050.000 đồng; Tương đương 83.704.405 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Tổ chức tour du lịch lữ hành; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Cho thuê mặt bằng, kho bãi; Tổ chức sự kiện;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội);
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;

- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lẻ hàng nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ); - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lẻ hàng nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100.00%	100.00%	Dịch vụ lưu trú
2	Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	84.45%	84.45%	Dịch vụ lưu trú
3	Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	Tỉnh Khánh Hòa	100.00%	100.00%	Dịch vụ lưu trú
4	Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	72.01%	72.01%	Khu vui chơi, dịch vụ lưu trú
5	Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	TP. Hồ Chí Minh	74.80%	74.80%	Dịch vụ lưu trú

Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi có công ty con (F2) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 của Công ty bao gồm:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	97.56%	97.56%	Dịch vụ lưu trú

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng có các Công ty con (F2) được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

	Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	97.56%	97.56%	Dịch vụ lưu trú
--	------------------------------------	-----------------	--------	--------	-----------------

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	57.85%	80.34%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan	Hoa Kỳ	72.01%	100.00%	Thương mại, dịch vụ
3	Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Tỉnh Bình Thuận	84.97%	99.33%	Dịch vụ du lịch, lưu trú

Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn xem chi tiết tại Thuyết minh số 3

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

- Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

- Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.
- Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.
- Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.
- Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

- Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

- Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

- Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

- Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 08 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 12 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 10 năm |
| - Các tài sản khác | 04 - 15 năm |
| - Quyền sử dụng đất | 12 - 50 năm |
| - Phần mềm máy tính | 03 - 20 năm |
| - Tài sản vô hình khác | 03 năm |

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất không thời hạn.

2.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 50 năm

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.13. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16. Các khoản vay

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, dịch vụ phòng nghỉ khách sạn,...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.20. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển:
- Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.22. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.24. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (thuế suất hiện nay là 20%), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.26. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28. Thông tin bộ phận

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



3. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

3.1. Hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi

Ngày 21/09/2018, Công ty hoàn tất việc phát hành 4.513.480 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ 5.015.020 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty chưa sở hữu theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2018/TTC-TL tháng 04/2018. Sau khi hoán đổi cổ phiếu, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi chấm dứt hoạt động, công ty con mới hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	6,644,252,487	4,828,341,206
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67,348,859,369	45,798,268,646
Tiền đang chuyển	121,886,517	179,105,227
	74,114,998,373	50,805,715,079

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn	426,505,556	-	506,500,000	-
	426,505,556	-	506,500,000	-



B) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018		31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	49,00%	20,980,075,772	49,00%	23,203,956,270	49,00%	23,203,956,270
- Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	35,13%	1,042,736,137	35,13%	1,148,257,299	48,79%	1,148,257,299
		22,022,811,909		24,352,213,569		24,352,213,569

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		31/12/2018		01/01/2018	
	Tỷ lệ quyền biểu quyết VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết VND	Giá gốc VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết VND	Giá gốc VND
- Công ty Cổ phần Thương mại bia Sài Gòn Sông Tiền	22,910,000	22,910,000	-	22,910,000	-	-
- Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ	121,810,000	121,810,000	-	121,810,000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát	461,729,091	461,729,091	-	461,729,091	-	-
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận (*)	15,837,333,000	(14,040,347,192)	(14,040,347,192)	10,000,000,000	(7,365,406,352)	(7,365,406,352)
	16,443,782,091	10,606,449,091	(14,040,347,192)	10,606,449,091	(7,365,406,352)	(7,365,406,352)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận có trụ sở tại Tỉnh Bình Thuận, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ khách sạn. Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng thực hiện mua 5,67% vốn góp tại Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận với số tiền 5.837.333.000 đồng. Tại ngày 31/12/2018, tỷ lệ lợi ích gián tiếp và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận lần lượt là 11,22% và 14,07%.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	13,200,000,000	-	1,253,213,304	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Bình	5,887,116,506	-	13,200,000,000	-
Ngân hàng TMCP Bản Việt - Chi nhánh	-	-	-	-
Vô Trọng Hữu	3,966,730,222	-	14,000,000,000	-
Công ty TNHH Thương Mại Và Du Lịch Anex Việt Nam	2,373,718,000	-	2,878,347,750	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Du Lịch Lữ Gia - Chi nhánh Nha Trang	27,263,223,736	-	1,120,585,000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	1,879,044,082	(2,070,888,981)	12,489,981,049	(1,206,191,865)
	54,569,832,546	(2,070,888,981)	44,942,127,103	(1,206,191,865)
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1,879,044,082	-	1,253,213,304	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Toàn Thịnh Phát	2,687,478,839	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phạm Nguyễn	-	-	4,017,000,000	-
Công ty TNHH MTV Tư Vấn Sài Gòn Thương Tín	4,592,289,141	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Đầu tư An Phúc	2,550,000,000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát	2,691,134,359	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đặng Gia	1,220,000,000	-	4,733,773,677	-
Các khoản trả trước người bán khác	26,954,478,494	(135,635,460)	17,071,173,651	-
	40,695,380,833	(135,635,460)	25,821,947,328	-

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Bà Đặng Nhân Dung (1)	13,600,000,000	-	5,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (2)	281,650,000,000	-	285,800,000,000	-
Triệu Phi Yến (3)	13,000,000,000	-	13,000,000,000	-
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận (4)	14,200,000,000	-	-	-
	322,450,000,000	-	303,800,000,000	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (2)	13,900,000,000	-	52,850,000,000	-
Lovia Huang (5)	11,109,600,000	-	-	-
	25,009,600,000	-	52,850,000,000	-
c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan	295,550,000,000	-	338,650,000,000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay tại thời điểm 31/12/2018 như sau:

(1): Hợp đồng cho vay số 143/2018/HĐCV ngày 26/10/2018 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 06 tháng;
- Lãi suất cho vay: 11,5%;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 13.600.000.000 đồng

(2) Khoản cho vay theo các Hợp đồng bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn vay: 06 tháng - 24 tháng theo từng hợp đồng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất từ 9,5% - 11% tùy thuộc thời điểm vay;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Tổng số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 295.550.000.000 đồng.

(3) Khoản cho vay theo số 04/2017/HĐCV-DA ngày 05/10/2017 và Phụ lục số 01 ngày 18/11/2017 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất cho vay: 10,5%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 13.000.000.000 đồng.

(4) Khoản cho vay theo các Hợp đồng bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: Từ 3 đến 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 10,5%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Tín chấp
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 14.200.000.000 đồng.

(5) Khoản cho vay theo các Hợp đồng bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Lãi suất cho vay: Lãi suất trong 3 năm lần lượt là: 1%/năm, 1,25%/năm, 1,5%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 480.000 USD tương đương 11.109.600.000 đồng.

9. PHẢI THU KHÁC

			31/12/2018	01/01/2018
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu Công ty Cổ phần TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (1)	18,042,846,080	-	5,354,592,230	-
Phải thu người lao động tiến tạm ứng	20,640,199,240	-	5,205,891,994	-
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay	12,087,488,344	-	9,618,515,739	-
Ký cược, ký quỹ	1,952,891,546	-	2,120,991,546	-
Phải thu khác	7,383,800,993	(2,311,026,319)	7,070,985,468	-
	60,107,226,203	(2,311,026,319)	29,370,976,977	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	9,923,596,486	-	10,667,668,886	-
	9,923,596,486	-	10,667,668,886	-

(1) Liên quan đến khoản phải thu Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor, ngoài khoản phải thu về số tiền đã ứng để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014 tồn tại từ đầu năm, trong năm Công ty đã thanh toán hộ Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor theo Hợp đồng thỏa thuận 3 bên với các đối tác cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

10. NỢ XẤU

			31/12/2018	01/01/2018
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Tại Công ty mẹ	492,444,593	121,830,750	112,919,633	44,440,205
Tại Công ty Du lịch Bến Tre	125,795,475	36,531,475	-	-
Tại Công ty Du lịch Thăng Lợi	2,021,981,823	153,276,475	1,302,895,234	165,182,797
Tại Công ty Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	2,188,967,569	-	2,188,967,569	2,188,967,569
	4,829,189,460	311,638,700	3,604,782,436	2,398,590,571

11. HÀNG TỒN KHO

			31/12/2018	01/01/2018
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5,667,508,135	-	5,076,869,378	-
Công cụ, dụng cụ	1,875,897,263	-	2,075,007,036	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	495,650,778	-	564,411,740	-
Thành phẩm	154,216,835	-	265,807,812	-
Hàng hóa	3,346,511,637	-	4,537,249,900	-
	11,539,784,648	-	12,519,345,866	-

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm		
Phần mềm Ghihotech	-	105,000,000
Xây dựng cơ bản	-	105,000,000
Dự án đầu tư Khu du lịch Dốc Lết (1)	109,043,483,297	67,075,447,368
Dự án cải tạo sửa chữa TTC Resort Premium Ninh Thuận (2)	36,070,159,036	11,797,616,986
Dự án sáp nhập 3 Khu du lịch Dũng Anh - Đồi Mộng Mơ - Thung lũng tình yêu	16,638,386,272	1,926,243,596
Văn phòng Công ty Du lịch Bến Tre	10,020,525,211	9,878,899,756
Dự án Khu nghỉ dưỡng Mekong - Bến Tre	6,599,985,607	-
Dự án cải tạo đối Thống Nhất	5,507,782,155	-
Công trình xây dựng biệt thự tại 51 Hùng Vương, Thành phố Đà Lạt	16,078,248,014	15,314,860,287
Công trình khác	-	10,172,267,800
Hàng hóa	18,128,397,002	17,985,558,943
Hàng hóa	4,537,249,900	4,537,249,900
	109,043,483,297	67,180,447,368

(1) Dự án Dự án Khu Du lịch Dốc Lết:

- Địa điểm xây dựng: Phường Ninh Hải, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa;
- Mục đích xây dựng: Nâng cấp Khu Du lịch để kinh doanh;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Thăng lợi;
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến khoảng 383 tỷ;
- Thời gian bắt đầu xây dựng sau khi có mặt bằng, thiết kế và hoàn thành dự kiến: Bắt đầu năm 2018, dự kiến năm 2020 hoàn thành;
- Tình trạng công tình: Đến thời điểm 31/12/2018 Công trình đang thực hiện."

(2) Dự án cải tạo sửa chữa TTC Resort Premium Ninh Thuận:

- Địa điểm xây dựng: Thành phố Phan Rang - Tỉnh Ninh Thuận;
- Mục đích xây dựng: Sửa chữa cải tạo khu resort để kinh doanh;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận;
- Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến khoảng 290 tỷ;
- Thời gian bắt đầu và hoàn thành dự kiến: Bắt đầu năm 2017, và dự kiến hoàn thành năm 2020;
- Tình trạng công tình: Đến thời điểm 31/12/2018, một số hạng mục cải tạo nhà hàng Sakaya và nhà xe nhân viên đang thực hiện."

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	846,284,137,386	119,375,895,844	92,982,387,385	14,906,096,251	40,269,370,894	1,113,817,887,760
- Mua trong năm	60,818,054,545	10,041,360,149	27,753,421,667	946,357,491	1,075,299,453	100,634,493,305
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	68,033,268,782	89,020,000	2,731,946,863	-	1,983,034,282	72,837,269,927
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(11,286,667,800)	-	-	-	-	(11,286,667,800)
- Thanh lý, nhượng bán	(10,658,200,015)	(4,652,587,036)	(12,113,547,866)	-	(280,354,699)	(27,704,689,616)
Số dư cuối năm	953,190,592,898	124,853,688,957	111,354,208,049	15,852,453,742	43,047,349,930	1,248,298,293,576
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	221,355,554,071	63,868,997,453	64,327,705,860	7,478,007,997	12,760,834,848	369,791,100,229
- Khấu hao trong năm	35,916,731,261	14,383,502,848	8,000,317,550	2,308,656,641	5,007,207,736	65,616,416,036
- Tăng khác	1,068,006,720	-	-	-	-	1,068,006,720
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư	(2,481,724,892)	-	-	-	-	(2,481,724,892)
- Thanh lý, nhượng bán	(7,894,251,183)	(927,075,743)	(9,504,235,248)	-	(78,401,398)	(18,403,963,572)
Số dư cuối năm	247,964,315,977	77,325,424,558	62,823,788,162	9,786,664,638	17,689,641,186	415,589,834,521
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	624,928,583,315	55,506,898,391	28,654,681,525	7,428,088,254	27,508,536,046	744,026,787,531
Tại ngày cuối năm	705,226,276,921	47,528,264,399	48,530,419,887	6,065,789,104	25,357,708,744	832,708,459,055

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 280.622.210.711 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.517.488.229 đồng.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	54,713,184,479	3,460,281,473	375,915,359	58,549,381,311
• Mua trong năm	63,336,245,456	688,885,000	145,348,182	64,170,478,638
• Thanh lý, nhượng bán	(2,189,732,085)	-	-	(2,189,732,085)
Số dư cuối năm	115,859,697,850	4,149,166,473	521,263,541	120,530,127,864
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	10,236,664,104	1,518,871,578	157,661,708	11,913,197,390
• Khấu hao trong năm	1,761,875,074	591,844,479	119,454,500	2,473,174,053
• Thanh lý, nhượng bán	(614,077,233)	-	-	(614,077,233)
Số dư cuối năm	11,384,461,945	2,110,716,057	277,116,208	13,772,294,210
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	44,476,520,375	1,941,409,895	218,253,651	46,636,183,921
Tại ngày cuối năm	104,475,235,905	2,038,450,416	244,147,333	106,757,833,654

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 31.768.276.757 đồng. Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 837.630.000 đồng.

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	31,625,075,425	31,625,075,425
• Chuyển từ TSCĐ cố định sang Bất động sản đầu tư	11,286,667,800	11,286,667,800
• Thanh lý, nhượng bán	(2,775,236,340)	(2,775,236,340)
Số dư cuối năm	40,136,506,885	40,136,506,885
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	12,067,894,852	12,067,894,852
• Khấu hao trong năm	1,685,899,141	1,685,899,141
• Chuyển từ TSCĐ cố định sang Bất động sản đầu tư	2,481,724,892	2,481,724,892
• Thanh lý, nhượng bán	(2,246,823,436)	(2,246,823,436)
Số dư cuối năm	13,988,695,449	13,988,695,449
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	19,557,180,573	19,557,180,573
Tại ngày cuối năm	26,147,811,436	26,147,811,436

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,569,445,608	3,552,461,840
Chi phí sửa chữa, bảo trì	706,781,578	803,065,449
Các khoản khác	3,209,572,439	2,521,476,349
	5,485,799,625	6,877,003,638
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	23,436,073,732	19,188,059,572
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	7,530,302,462	3,504,458,275
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	10,285,002,171	4,916,357,728
Lợi thế thương mại hình thành khi sáp nhập chi nhánh	4,437,767,597	7,051,954,898
"Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông (1)"	3,594,407,654	4,107,894,458
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Du lịch Bình Thuận (2)	11,054,980,567	12,634,263,508
Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Du lịch Phúc Lợi (3)	1,028,452,625	1,175,374,421
Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận (4)	23,702,826,598	24,715,046,951
Các khoản khác	2,812,680,370	6,499,128,040
	87,882,493,776	83,792,537,851

(1) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông vào Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre theo Hợp đồng sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015, số tiền: 5.134.868.066 đồng, phân bổ trong thời gian 10 năm từ ngày 01/01/2016.

(2) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận vào Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi theo Hợp đồng sáp nhập ngày 02/12/2015 số tiền 15.702.829.395 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ tháng 01/2016.

(3) Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Phúc Lợi vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Thuận (sau đó đã sáp nhập vào Công ty Cổ phần du lịch Thăng Lợi) năm 2015 số tiền 1.555.642.608 VND. Giá trị lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ tháng 07/2017.

(4) Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận được xác định theo Chứng thư Thẩm định giá số 1634/2016/BC-DAVIHN ngày 30/12/2016 do Công ty TNHH Thẩm định giá Đại Việt phát hành. Theo đó, tổng giá trị tiền lợi thế tiền thuê đất tại ngày 01/12/2016 là 25.811.619.000 VND được Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian 306 tháng kể từ tháng 12/2016 theo thời hạn thuê đất.

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	66,808,255,844	18,885,949,799
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh trong năm	-	47,922,306,045
Số dư cuối năm	66,808,255,844	66,808,255,844
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	8,949,624,216	2,045,977,895
Số phân bổ trong năm	6,635,960,536	6,466,456,601
Số phân bổ trong năm do thoái vốn tại Công ty con	-	437,189,720
Số dư cuối năm	15,585,584,752	8,949,624,216
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	57,858,631,628	16,839,971,904
Số dư cuối năm	51,222,671,092	57,858,631,628



18. CÁC KHOẢN VAY

	Giá trị VND	01/01/2018 Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Trong năm Giảm VND	Giá trị VND	31/12/2018 Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn	95,078,011,789	95,078,011,789	300,420,903,182	272,181,627,603	123,317,287,368	123,317,287,368
Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công						
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	13,321,864,804	13,321,864,804	100,687,309,678	64,238,527,554	49,770,646,928	49,770,646,928
+ Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng	-	-	7,270,792,908	7,270,792,908	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	-	-	440,000,000	440,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	7,965,709,117	7,965,709,117	28,129,161,332	28,298,019,968	7,796,850,481	7,796,850,481
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre	1,327,103,262	1,327,103,262	10,730,631,150	9,427,734,412	2,630,000,000	2,630,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng						
+ Cán bộ công nhân viên	17,853,000,000	17,853,000,000	14,884,890,000	16,410,200,000	16,327,690,000	16,327,690,000
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	13,322,296,948	-	13,322,296,948	13,322,296,948
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	25,931,594,340	25,931,594,340	46,102,763,900	62,248,280,224	9,786,078,016	9,786,078,016
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi		-			-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	9,385,916,370	9,385,916,370	66,287,948,883	54,819,982,821	20,853,882,432	20,853,882,432
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	5,742,823,896	5,742,823,896	8,925,396,918	14,668,220,814	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	13,550,000,000	13,550,000,000	-	13,550,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận		-	3,639,711,465	809,868,902	2,829,842,563	2,829,842,563
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	55,820,716,391	55,820,716,391	71,241,907,292	52,914,603,563	74,148,020,120	74,148,020,120
Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công						
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	539,676,996	539,676,996	1,349,040,012	539,676,996	1,349,040,012	1,349,040,012
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	5,089,050,400	5,089,050,400	4,526,261,600	4,807,656,000	4,807,656,000	4,807,656,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	-	-	114,800,000	-	114,800,000	114,800,000
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	1,000,000,000	1,000,000,000	2,400,000,000	1,000,000,000	2,400,000,000	2,400,000,000
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre	3,882,658,588	3,882,658,588	4,679,598,328	3,882,658,588	4,679,598,328	4,679,598,328
Công ty Cổ phần Du Lịch Thanh Bình						
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lãnh Bình Thăng	2,091,223,944	2,091,223,944		2,091,223,944	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng						
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Lâm Đồng	1,176,680,000	1,176,680,000	4,752,350,000	1,176,680,000	4,752,350,000	4,752,350,000
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Lâm Đồng	9,180,000,000	9,180,000,000	15,587,000,000	9,180,000,000	15,587,000,000	15,587,000,000
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Tà Cú						
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	411,597,352	-	411,597,352	411,597,352
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	20,359,860,000	20,359,860,000	27,421,260,000	20,208,060,000	27,573,060,000	27,573,060,000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	9,000,000,000	9,000,000,000	9,000,000,000	9,000,000,000	9,000,000,000	9,000,000,000
+ Vay cá nhân	2,825,000,000	2,825,000,000	1,000,000,000	1,000,000,000	2,825,000,000	2,825,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	676,566,463	676,566,463		28,648,035	647,918,428	647,918,428
	150,898,728,180	150,898,728,180	371,662,810,474	325,096,231,166	197,465,307,488	197,465,307,488

18. CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

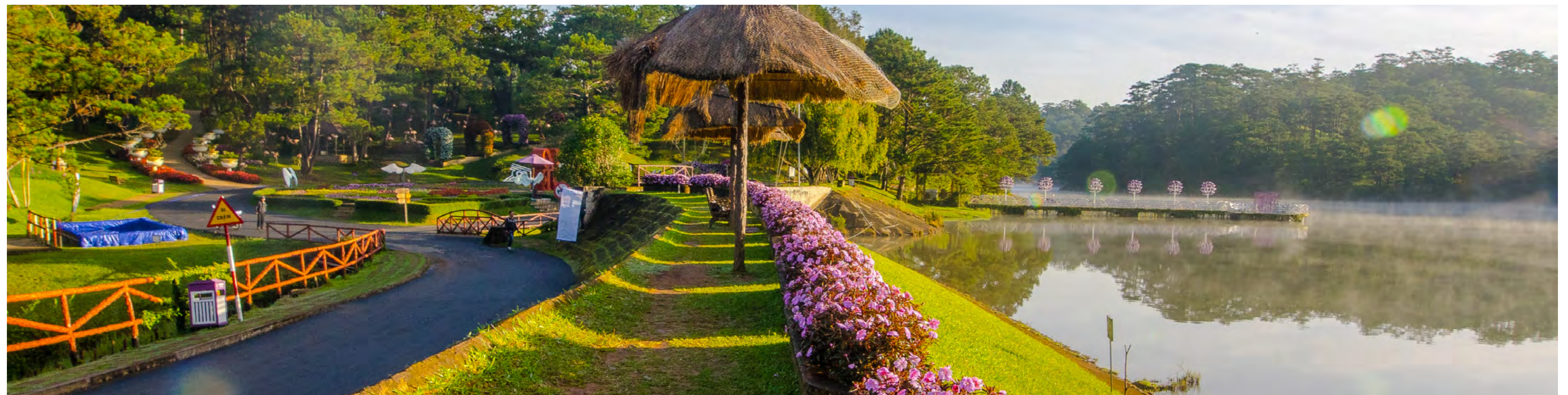
	Giá trị VND	01/01/2018	Tăng VND	Trong năm		31/12/2018
		Số có khả năng trả nợ VND		Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn	343,521,580,374	343,521,580,374	218,117,303,864	101,292,096,188	460,346,788,050	460,346,788,050
Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công						
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	2,500,385,000	2,500,385,000	5,755,200,000	2,906,571,676	5,349,013,324	5,349,013,324
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	37,929,862,999	37,929,862,999	2,400,658,315	4,807,656,000	35,522,865,314	35,522,865,314
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	19,000,000,000	19,000,000,000	9,000,000,000	27,400,000,000	600,000,000	600,000,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	-	-	574,000,000	-	574,000,000	574,000,000
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	3,739,521,197	3,739,521,197	7,954,241,148	1,000,000,000	10,693,762,345	10,693,762,345
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre	27,876,569,901	27,876,569,901	-	3,882,658,588	23,993,911,313	23,993,911,313
Công ty Cổ phần Du Lịch Thanh Bình						
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lãnh Bình Thăng	9,584,775,480	9,584,775,480		9,584,775,480	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng						
+ Bà Tạ Thị Phương Trang	-	-	15,656,873,852	10,000,000,000	5,656,873,852	5,656,873,852
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	4,716,445,000	4,716,445,000	7,442,700,000	1,176,680,000	10,982,465,000	10,982,465,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	71,114,558,650	71,114,558,650	84,802,173,002	10,325,694,444	145,591,037,208	145,591,037,208
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan						
+ Thiên Sơn Trading LLC	-	-	1,620,150,000	-	1,620,150,000	1,620,150,000
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Tà Cú						
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	-	-	1,234,298,166	-	1,234,298,166	1,234,298,166
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	87,963,458,318	87,963,458,318	52,242,452,207	20,208,060,000	119,997,850,525	119,997,850,525
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	64,849,851,009	64,849,851,009	-	9,000,000,000	55,849,851,009	55,849,851,009
+ Vay cá nhân	3,825,000,000	3,825,000,000	-	1,000,000,000	2,825,000,000	2,825,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	10,421,152,820	10,421,152,820	29,434,557,174	-	39,855,709,994	39,855,709,994
	343,521,580,374	343,521,580,374	218,117,303,864	101,292,096,188	460,346,788,050	460,346,788,050
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(55,820,716,391)	(55,820,716,391)	(71,241,907,292)	(52,914,603,563)	(74,148,020,120)	(74,148,020,120)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	287,700,863,983	287,700,863,983			386,198,767,930	386,198,767,930

18. CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công					
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	VND	Điều chỉnh	Tài sản (1)	49,770,646,928	13,321,864,804
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre					
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	VND	Điều chỉnh	Tài sản (2)	7,796,850,481	7,965,709,117
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre	VND	Điều chỉnh	Tài sản (3)	2,630,000,000	1,327,103,262
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng					
+ Cán bộ công nhân viên	VND	10.0%	Tín chấp	16,327,690,000	17,853,000,000
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	Điều chỉnh	Tín chấp	13,322,296,948	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	VND	Điều chỉnh	Tài sản (4)	9,786,078,016	25,931,594,340
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi					
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	VND	Điều chỉnh	Tài sản (5)	20,853,882,432	9,385,916,370
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	VND	Điều chỉnh	Tài sản (6)	-	5,742,823,896
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	11.0%	Tín chấp	-	13,550,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận					
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	VND	Điều chỉnh	Tài sản (11)	2,829,842,563	-
				123,317,287,368	95,078,011,789



18. CÁC KHOẢN VAY (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công						
+ Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	VND	Điều chỉnh	2025	Tài sản (1)	35,522,865,314	37,929,862,999
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	VND	Điều chỉnh	2023	Tài sản (7)	5,349,013,324	2,500,385,000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	10.5%	2020	Tín chấp	600,000,000	19,000,000,000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	VND	Điều chỉnh	2023	Tài sản (8)	574,000,000	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre						
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	VND	Điều chỉnh	2031	Tài sản (2)	10,693,762,345	3,739,521,197
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre	VND	Điều chỉnh	2025	Tài sản (3)	23,993,911,313	27,876,569,901
Công ty Cổ phần Du Lịch Thanh Bình						
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh - Chi nhánh Lãnh Bình Thăng	VND	9.5%	2022	Tài sản	-	9,584,775,480
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng						
+ Tạ Thị Phương Trang	VND	9.0%	2020	Tín chấp	5,656,873,852	-
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng	VND	Điều chỉnh	2021	Tài sản (9)	10,982,465,000	4,716,445,000
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Lâm Đồng	VND	Điều chỉnh	2030	Tài sản (4)	145,591,037,208	71,114,558,650
Công ty Cổ phần Du Lịch Núi Tà Cú						
Ngân hàng Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	VND	Điều chỉnh	2021	Tài sản (10)	1,234,298,166	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan						
+ Thien Son Trading LLC	USD	Điều chỉnh	2021	Tín chấp	1,620,150,000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi						
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	VND	Điều chỉnh	2024	Tài sản (5)	119,997,850,525	87,963,458,318
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận	VND	Điều chỉnh	2025	Tài sản (6)	55,849,851,009	64,849,851,009
+ Vay cá nhân	VND	8.5%	2019	Tín chấp	2,825,000,000	3,825,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận						
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	VND	Điều chỉnh	2022	Tài sản (11)	39,855,709,994	10,421,152,820
					460,346,788,050	343,521,580,374
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(74,148,020,120)	(55,820,716,391)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					386,198,767,930	287,700,863,983

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng

(1) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa phát hành; Tỷ lệ đảm bảo 60%; Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú : bao gồm 3 bất động sản theo các GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BL 324358, số vào sổ cấp GCN: CT 04034 do TUQ Chủ tịch Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/12/2013, BL 324359 số vào sổ cấp GCN: CT 04033 do TUQ Chủ tịch Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/12/2013, CK 818473 số vào sổ cấp GCN: CT 13634 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/10/2017, tỷ lệ đảm bảo 55%.

(2) Khoản vay được đảm bảo bằng Tài sản, Công cụ dụng cụ của Công ty Cổ phần Du Lịch Bến Tre (trừ Công trình Nhà hàng Nổi, Palace); Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác chi tiết theo Biên bản Định giá ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 01/2018/670915/HĐBĐ ngày 25/05/2018 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/670915/HĐBĐ ngày 25/05/2018 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(3) Khoản vay được đảm bảo bằng Thửa đất số 37 tờ bản đồ số 02, Phường 2, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

(4) Khoản vay được đảm bảo bằng Bất động sản tọa lạc tại đường Nguyễn Chí Thanh - Phường 01 - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 130688 do Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp theo uỷ quyền ngày 12/04/2012; Bất động sản tọa lạc tại Lò B3 - Khuôn 507 - Tiểu khu 144B - Phường 08 - Thành phố Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Y 360935 do UBND Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 08/03/2004 và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 686722477200171 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp theo uỷ quyền ngày 24/09/2008; Toàn bộ công trình xây dựng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải gắn liền với khu du lịch Thung Lũng Tình Yêu - Phường 8 - Đà Lạt theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AP 824244 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 19/11/2009, các hợp đồng, quyết định thuê đất, các giấy tờ khác liên quan; 20 chiếc xe bốn bánh chạy trong khu du lịch; Bất động sản tọa lạc tại Khối Trường Lệ, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 609441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/08/2018; Bất động sản tọa lạc tại Khối Trường Lệ, phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 382385 do UBND thành phố Hội An cấp ngày 10/11/2014; Bất động sản tọa lạc tại phường Cẩm Châu, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 398530 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/11/2014; Công trình xây dựng trên thửa đất số 1514, 1792, C2-02; Tờ bản đồ số 50, 00 bao gồm Khối khách sạn liên kết có bao gồm nội thất, vật tư khách sạn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 609441 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 15/08/2017, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 382385 do UBND thành phố Hội An cấp ngày 10/11/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 398530 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp ngày 28/11/2014.

(5) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản là toàn bộ tài sản thuộc "Khu du lịch Dốc Lết - Giai đoạn 1" tại Thửa 1, tờ bản đồ số 253/2012/TĐ.BĐ, tổ dân phố 9 Đông Cát, Phường Ninh Hải, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và bất động sản Khách sạn Michelia tọa lạc tại Thửa số 8, Tờ bản đồ số 15, số 04 Pasteur, phường Xương Huân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

(6) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Trung tâm Kinh doanh Thương mại Dịch vụ Bình Thuận và Công trình TTC Palace Bình Thuận của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi.

(7) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Toyota biển kiểm soát: 51G-238.77; 2 xe Tracomeco Universe biển kiểm soát 51B-403.38, 51B-400.41 và Xe Toyota Inova biển kiểm soát 51G-639.08.

(8) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Toyota Corolla Altis 2.0V Sport 5 chỗ, theo hợp đồng mua bán xe ô tô qua tín dụng ngân hàng số 1983/HĐMB/TECS ngày 28/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn.

"(9) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Lô đất 557 - KQH Trại Cá, đường Hàn Thuyên, Phường 5, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BA 010756 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 26/08/2010; Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 53DN-TC/2018/HĐBĐ/NHCT620 và Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 12121601 ký ngày 12/12/2016; Giấy phép xây dựng số 71/GPXD ngày 02/07/2015 do UBND Thành phố Đà Lạt cấp; Động sản bao gồm: Máy phát điện G-Power, đường dây trung thế 22kV và trạm biến áp 1x400kVA cung cấp điện cho trung tâm giặt ủi, hệ thống máy bơm nhiệt Megasun, thang máy tải hàng kèm người, máy giặt vắt công nghiệp, máy sấy công nghiệp, máy sấy và máy ủi từ khách sạn Ngọc Lan được cải tạo, hệ thống xử lý nước thải; Hợp đồng thế chấp Tài sản số 63DN-TC/2018/HĐBĐ/NHCT và Các Hợp đồng Bảo Đảm được xác lập sau thời điểm ký kết Hợp đồng có quy định hoặc dẫn chiếu nghĩa vụ được bảo đảm cả nghĩa vụ phát sinh."

(10) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản bảo là Quyền Khai thác khu du lịch Núi Tà Cú.

(11) Khoản vay được đảm bảo bằng Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 514796, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 03584 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 08/01/2018 theo hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 0043/2017/VCB.NTH ký ngày 15/05/2017 và hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 0043/2017/VCB.NTH.BS01 ký ngày 07/03/2018, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất bổ sung số 0043/2017/VCB.NTH/BS02 ký ngày 23/08/2018 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Ninh Thuận và Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận.



19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	31/12/2018 Giá trị VND	01/01/2018 Số có khả năng trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	2,661,883,925	2,661,883,925	1,013,913,500	1,013,913,500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	13,676,616,301	13,676,616,301	8,338,191,063	8,338,191,063
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	26,000,000,000	26,000,000,000	26,000,000,000	26,000,000,000
Công ty TNHH Bìa và Nước giải khát Việt Nam	3,000,838,449	3,000,838,449	3,392,261,677	3,392,261,677
Phải trả nhà cung cấp khác	46,278,543,104	46,278,543,104	15,188,583,114	15,188,583,114
Số dư cuối năm	91,617,881,779	91,617,881,779	53,932,949,354	53,932,949,354
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	13,676,616,301	13,676,616,301	8,338,191,063	8,338,191,063

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công	-	2,029,726,000
Agoda Pte „Ltd.	2,009,428,642	-
Ông Phú Huệ Hà	2,000,000,000	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	7,333,463,876	6,215,771,035
	11,342,892,518	8,245,497,035



21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng	502,411,654	54,454,650,744	4,762,771,371	54,133,683,043	3,345,178	4,584,672,596
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5,100,592	1,624,981,171	117,758,946	1,626,001,558	5,100,592	116,738,559
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,659,336,914	19,750,959,435	14,715,593,404	29,939,816,489	5,258,752,908	6,126,152,344
- Thuế thu nhập cá nhân	-	5,926,268,233	939,522,801	4,514,628,005	2,411,164	2,353,574,193
- Thuế tài nguyên	-	9,866,800	6,189,280	11,770,080	-	4,286,000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3,095,737	12,961,310,436	4,999,510,133	15,098,914,943	10,053,839	2,868,863,728
- Các loại thuế khác	-	968,795,760	23,496,489	842,682,151	-	149,610,098
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	308,197,446	299,546,674	611,576,620	3,832,500	-
	4,169,944,897	96,005,030,025	25,864,389,098	106,779,072,889	5,283,496,181	16,203,897,518

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	1,011,872,875	589,949,431
Trích trước chi phí tư vấn	-	782,849,294
Trích trước chi phí hoa hồng	634,870,421	337,000,000
Trích trước chi phí đồng phục 2018	3,998,500,914	-
Chi phí phải trả khác	2,579,602,508	1,086,010,143
	8,224,846,718	2,795,808,868
b) Dài hạn		
Chi phí trích trước giá vốn cho thuê tài sản	-	1,068,006,720
	-	1,068,006,720

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1,038,839,545	699,859,214
Bảo hiểm xã hội	184,446,732	348,339,607
Bảo hiểm y tế	108,002,832	94,481,949
Bảo hiểm thất nghiệp	42,820,923	40,610,470
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,201,698,216	4,733,613,970
Cổ tức, lợi nhuận phải trả tại Công ty mẹ	12,298,252,366	8,132,524,541
Cổ tức, lợi nhuận phải trả tại các Công ty con	9,813,959,623	1,596,000,000
Các khoản phải trả phải nộp khác	15,092,691,541	18,385,259,333
• Phải trả Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam tiến chi hộ	4,008,603,410	4,008,603,410
• Phải trả nguồn phí phục vụ	2,346,797,934	6,576,345,068
• Phải trả khác	8,737,290,197	7,800,310,855
	45,780,711,778	34,030,689,084
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1,563,356,600	4,299,996,131
	1,563,356,600	4,299,996,131
b) Dài hạn	281,630,138	2,978,422,913

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)

24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng, văn phòng	3,091,852,604	2,366,896,745
Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn	1,992,963,637	1,578,882,697
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	200,727,272	109,090,908
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	43,939,384	10,434,393
	5,329,482,897	4,065,304,743
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê mặt bằng văn phòng	19,505,142,068	21,522,789,896
	19,505,142,068	21,522,789,896



25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	130,000,000,000	910,000,000	-	-	-	6,719,655,738	10,100,273,319	31,742,942,952	179,472,872,009
Tăng vốn trong năm trước	622,050,000,000	-	-	10,382,620,000	-	-	-	60,642,600,000	693,075,220,000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	23,905,237,784	11,830,702,959	35,735,940,743
Điều chỉnh lợi ích do thay đổi cơ cấu vốn góp tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	(9,904,807,753)	(9,595,904,177)	(19,500,711,930)
Tăng do hợp nhất bổ sung thêm công ty con trong năm	-	-	-	-	-	-	-	116,543,362,105	116,543,362,105
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	140,509,110	(9,940,970,589)	(3,011,674,889)	(12,812,136,368)
Giảm khác	-	(161,363,636)	(26,964,303)	-	-	-	401,923,782	1,298,941,674	1,512,537,517
Số dư cuối năm trước	752,050,000,000	748,636,364	(26,964,303)	10,382,620,000	-	6,860,164,848	14,561,656,543	209,450,970,624	994,027,084,076
Số dư đầu năm nay	752,050,000,000	748,636,364	(26,964,303)	10,382,620,000	-	6,860,164,848	14,561,656,543	209,450,970,624	994,027,084,076
Phát hành cổ phiếu hoán đổi (1)	45,134,800,000	37,913,232,000	-	-	-	-	-	-	83,048,032,000
Phát hành cổ phiếu cho người lao động - ESOP (2)	39,859,250,000	-	-	-	-	-	-	-	39,859,250,000
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(168,600,000)	-	-	-	-	-	-	(168,600,000)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	46,785,250,903	21,992,679,645	68,777,930,548
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ (3)	-	-	-	-	-	-	(42,797,601,116)	-	(42,797,601,116)
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	8,185,150,000	369,574,989	305,875,666	(10,890,952,497)	(16,113,991,048)	(18,144,342,890)
Điều chỉnh ảnh hưởng nghiệp vụ hoán đổi cổ phiếu đến lợi ích giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát (1)	-	-	-	-	-	-	(2,913,988,874)	(80,134,043,126)	(83,048,032,000)
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá	-	-	108,983,943	-	-	-	-	42,361,624	151,345,567
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	169,841,097	-	169,841,097
Số dư cuối năm nay	837,044,050,000	38,493,268,364	82,019,640	18,567,770,000	369,574,989	7,166,040,514	4,914,206,056	135,237,977,719	1,041,874,907,282

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(1) Ngày 21/09/2018, Công ty hoàn tất việc phát hành 4.513.480 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ 5.015.020 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi mà Công ty chưa sở hữu theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2018/TTC-TL tháng 04/2018. Sau khi hoán đổi cổ phiếu, Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi chấm dứt hoạt động, công ty con mới hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV 100% vốn thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

Giá trị hợp lý của cổ phiếu phát hành để hoán đổi được Công ty xác định theo giá đóng cửa ngày 21/09/2018 của Cổ phiếu VNG - Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công trên Sàn giao dịch chứng khoán HOSE (18.400 đồng/cổ phiếu).

(2) Ngày 30/11/2018, Công ty hoàn tất việc phát hành 3.985.925 cổ phiếu cho Cán bộ nhân viên năm 2018 (gọi tắt là Chương trình ESOP 2018), trong đó giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu.

(3) Công ty thực hiện phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018, số tiền 945.398.616 đồng và thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/11/2018, với tỷ lệ cổ tức 5% vốn điều lệ bằng tiền mặt, ngày đăng ký cuối cùng hưởng cổ tức là 18/12/2018.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	295,324,250,000	35.28%	244,274,250,000	32.48%
Ông Vũ Quốc Vương	52,067,200,000	6.22%	-	0.00%
Cổ đông khác	489,652,600,000	58.50%	507,775,750,000	67.52%
	837,044,050,000	100.00%	752,050,000,000	100.00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	752,050,000,000	130,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	84,994,050,000	622,050,000,000
- Vốn góp cuối năm	837,044,050,000	752,050,000,000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	8,132,524,541	8,132,524,541
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	41,852,202,500	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	41,852,202,500	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	37,686,474,675	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	37,686,474,675	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	12,298,252,366	8,132,524,541

d) Cổ phiếu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,704,405	75,205,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83,704,405	75,205,000
- Cổ phiếu phổ thông	83,704,405	75,205,000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,704,405	75,205,000
- Cổ phiếu phổ thông	83,704,405	75,205,000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10,000	10,000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7,166,040,514	6,860,164,848
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	369,574,989	-
	7,535,615,503	6,860,164,848

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản cho thuê ngoài****Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng**

(Hợp đồng thuê mặt bằng số 01/2012/HĐTMB ngày 04/04/2012 giữa Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng, thời hạn cho thuê từ 10/05/2010 đến 10/05/2060 với tổng giá trị hợp đồng là 23.011.352.082 đồng.

b) Tài sản thuê ngoài

Để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công và Công ty con của Công ty đã ký các hợp đồng thuê đất với thời gian thuê dài hạn, trả tiền thuê đất hàng năm với UBND tại các tỉnh, thành phố: Lâm Đồng, Bến Tre, Thành phố Hồ Chí Minh, Ninh Thuận, Bình Thuận, Quảng Nam, Cần Thơ, Khánh Hòa. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2018	01/01/2018
Đô la Mỹ	USD	400,510.78	396,169.40
Euro	EUR	200.00	-

d) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Huỳnh Bá Phụng	235,000,559	235,000,559
Ngô Đình Long	207,057,168	207,057,168
Phạm Quốc Liêm	443,241,898	443,241,898
Các đối tượng khác	1,127,113,538	1,127,113,538

27. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	60,957,029,942	158,304,603,241
Doanh thu cung cấp dịch vụ	808,184,286,454	668,087,955,490
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	50,000,000,000	95,394,497,312
Doanh thu khác	237,965,662	3,911,954,019
	919,379,282,058	925,699,010,062
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 43)	5,793,077,585	12,251,080,292

28. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chiết khấu thương mại	68,872,515	12,689,668
Hàng bán bị trả lại	598,720	-
	69,471,235	12,689,668

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52,772,047,036	141,688,791,339
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	574,925,732,152	456,688,221,798
Giá vốn chuyển nhượng Bất động sản	3,079,315,119	65,426,103,464
Giá vốn hoạt động khác	73,851,474	1,823,687,338
	630,850,945,781	665,626,803,939

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	36,590,727,501	15,590,630,843
Lãi bán các khoản đầu tư, chứng khoán kinh doanh	260,646,964	11,696,315,992
Cổ tức, lợi nhuận được chia	277,183,281	739,129,853
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53,291,076	150,530,230
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	198,309,499	377,500
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	115,531,756	468,529,938
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7,019,946	20,741,856
	37,502,710,023	28,666,256,212

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	42,459,395,992	42,086,395,082
Chiết khấu thanh toán, lãi trả chậm	2,516,939,498	697,908,727
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính, chứng khoán kinh doanh	440,394,128	35,937,969,926
Lỗ chênh lệch tỷ giá	12,976,355	39,534,352
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	18,098,041
Lỗ do sáp nhập Công ty con	-	10,846,362,007
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5,575,892,348	(25,474,437,070)
Chi phí tài chính khác	90,297,889	5,619,037
	51,095,896,210	64,157,450,102

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,315,286,005	1,438,600,450
Chi phí nhân công	19,486,446,372	21,787,958,730
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,112,730,941	477,662,700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,575,233,337	10,214,578,321
Chi phí khác bằng tiền	5,988,250,635	7,015,605,569
	39,477,947,290	40,934,405,770

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,858,112,800	5,850,811,758
Chi phí nhân công	75,517,668,002	62,439,436,238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7,948,540,604	5,957,370,192
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	3,311,358,895	435,354,378
Thuế, phí, và lệ phí	1,769,337,389	568,831,700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23,943,702,926	18,855,852,023
Chi phí khác bằng tiền	26,008,477,392	25,822,647,579
Lợi thế thương mại	6,635,960,536	6,466,456,600
	146,993,158,544	126,396,760,468

34. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3,168,818,988	11,165,919,582
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	7,926,339,280	3,571,059,875
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	176,703,703	593,650,649
Tiền phạt, bồi thường thu được	523,339,195	726,852,363
Thu từ xử lý công nợ	228,065,247	1,641,133,715
Thu nhập khác	2,212,472,042	2,862,594,215
	14,235,738,455	20,561,210,399

35. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3,070,960,027	267,139,227
Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ	31,722,224	2,539,463,741
Chi phí sửa chữa Ngọc Lan Đình chưa phân bổ hết giá trị vào chi phí	-	2,229,776,398
Tiền vi phạm hợp đồng	472,144,491	4,840,909,082
Các khoản bị phạt thuế, phạt hành chính	1,023,905,466	982,167,195
Giá trị còn lại và chi phí từ chuyển nhượng bất động sản đầu tư	3,283,353,096	4,790,270,118
Chi phí khác	2,013,481,157	3,786,410,140
	9,895,566,461	19,436,135,901

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	-	6,473,454,113
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	19,750,959,435	17,395,626,392
	19,750,959,435	23,869,080,505

37. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	723,090,801	1,446,181,602
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	723,090,801	982,167,195

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	3,314,536,321	2,179,199,398
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3,314,536,321	2,179,199,398

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	805,395,360	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	723,090,801	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	347,967,211	(754,948,478)
	1,876,453,372	(754,948,478)

38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	46,785,250,903	23,905,237,784
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	46,785,250,903	23,905,237,784
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	76,792,466	59,653,750
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	609	401

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149,505,850,725	135,561,784,960
Chi phí nhân công	206,360,423,440	173,337,083,479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76,411,449,766	61,463,498,085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286,998,377,465	283,559,901,692
Chi phí khác bằng tiền	38,883,229,169	38,177,130,174
	758,159,330,565	692,099,398,390

39. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	149,505,850,725	135,561,784,960
Chi phí nhân công	206,360,423,440	173,337,083,479
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76,411,449,766	61,463,498,085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286,998,377,465	283,559,901,692
Chi phí khác bằng tiền	38,883,229,169	38,177,130,174
	758,159,330,565	692,099,398,390

40. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	74,114,998,373	-	50,805,715,079	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124,600,655,235	(4,381,915,300)	84,980,772,966	(1,206,191,865)
Các khoản cho vay	347,886,105,556	-	357,156,500,000	-
Đầu tư ngắn hạn	21,515	-	13,923,725,737	(1,008,920,250)
Số dư cuối năm	546,601,780,679	(4,381,915,300)	506,866,713,782	(2,215,112,115)

Giá trị kế toán

Giá trị kế toán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	583,664,075,418	438,599,592,163
Phải trả người bán, phải trả khác	138,961,950,157	92,263,634,569
Chi phí phải trả	8,224,846,718	3,863,815,588
	730,850,872,293	534,727,042,320

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư ngắn hạn	21,515	-	-	21,515
	21,515	-	-	21,515
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư ngắn hạn	12,914,805,487	-	-	12,914,805,487
Số dư cuối năm	12,914,805,487	-	-	12,914,805,487

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro về lãi suất:

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	74,114,998,373	-	-	74,114,998,373
Phải thu khách hàng, phải thu khác	110,295,143,449	9,923,596,486	-	120,218,739,935
Các khoản cho vay	322,876,505,556	25,009,600,000	-	347,886,105,556
	507,286,647,378	34,933,196,486	-	542,219,843,864
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	50,805,715,079	-	-	50,805,715,079
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73,106,912,215	10,667,668,886	-	83,774,581,101
Các khoản cho vay	304,306,500,000	52,850,000,000	-	357,156,500,000
	507,286,647,378	34,933,196,486	-	542,219,843,864

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	197,465,307,488	386,198,767,930	-	583,664,075,418
Phải trả người bán, phải trả khác	137,398,593,557	1,563,356,600	-	138,961,950,157
Chi phí phải trả	8,224,846,718	-	-	8,224,846,718
	343,088,747,763	387,762,124,530	-	730,850,872,293
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	150,898,728,180	287,700,863,983	-	287,700,863,983
Phải trả người bán, phải trả khác	87,963,638,438	4,299,996,131	-	4,299,996,131
Chi phí phải trả	2,795,808,868	1,068,006,720	-	1,068,006,720
	241,658,175,486	293,068,866,834	-	534,727,042,320

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

41. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	518,538,207,046	341,978,217,473
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	373,473,723,791	38,177,130,174

42. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5,793,077,585	12,251,080,292
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	5,793,077,585	12,251,080,292
Mua hàng hoá dịch vụ	9,186,571,159	17,351,248,348
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	9,186,571,159	17,351,248,348
Lãi cho vay	33,679,887,177	8,669,732,633
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	33,679,887,177	8,669,732,633

Số dư tại ngày kết thúc năm

Mối quan hệ	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng	1,879,044,082	1,253,213,304
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1,879,044,082	1,253,213,304
Phải thu về cho vay	295,550,000,000	338,650,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	295,550,000,000	338,650,000,000
Phải trả cho người bán ngắn hạn	13,676,616,301	8,338,191,063
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	13,676,616,301	8,338,191,063
Phải trả khác ngắn hạn	281,630,138	2,978,422,913
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	281,630,138	2,978,422,913

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	7,807,920,889	1,360,023,475

44. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu: 
 NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Kế toán trưởng: 
 BÙI TẤN KHẢI

Tổng Giám đốc: 
 PHAN THỊ HỒNG VÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	142
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	145
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	146
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	149



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		130,837,137,504	99,111,839,259
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	12,986,210,124	7,973,596,798
111	1. Tiền		12,986,210,124	7,973,596,798
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	-	12,914,783,972
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	13,923,704,222
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(1,008,920,250)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		114,175,950,681	75,413,274,664
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	25,238,271,039	56,505,699,111
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4,280,892,456	2,680,124,075
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	13,600,000,000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	71,408,641,536	16,277,171,413
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(370,613,843)	(68,479,428)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		18,759,493	18,759,493
140	IV. Hàng tồn kho	10	1,612,950,946	981,123,750
141	1. Hàng tồn kho		1,612,950,946	981,123,750
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2,062,025,753	1,829,060,075
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	708,423,812	1,177,285,675
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		246,419,803	627,769,043
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1,107,182,138	24,005,357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

tiếp theo

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		995,054,042,880	888,308,874,547
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		19,894,250,000	35,000,000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	07	19,859,250,000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	08	35,000,000	35,000,000
220	II. Tài sản cố định		149,990,805,087	142,737,450,270
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	118,733,485,960	110,433,845,936
222	- Nguyên giá		174,406,447,649	159,381,185,397
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55,672,961,689)	(48,947,339,461)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	31,257,319,127	32,303,604,334
228	- Nguyên giá		39,678,781,267	39,533,433,085
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8,421,462,140)	(7,229,828,751)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		132,736,364	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		132,736,364	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	04	820,724,689,150	739,921,410,547
251	1. Đầu tư vào công ty con		799,765,487,932	716,717,455,932
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		24,772,623,054	24,772,623,054
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3,813,421,836)	(1,568,668,439)
260	V. Tài sản dài hạn khác		4,311,562,279	5,615,013,730
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4,311,562,279	5,615,013,730
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1,125,891,180,384	987,420,713,806

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tiếp theo

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		230,664,288,479	214,179,438,176
310	I. Nợ ngắn hạn		190,272,135,853	127,045,087,573
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	42,962,441,649	50,581,907,413
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	4,777,830,020	2,280,033,904
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	3,183,946,853	6,036,632,249
314	4. Phải trả người lao động		6,165,718,475	3,853,435,497
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3,114,609,529	1,371,069,905
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	1,922,054,546	1,496,286,786
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	34,921,089,902	31,125,129,619
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	92,997,202,940	30,300,592,200
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		227,241,939	-
330	II. Nợ dài hạn		40,392,152,626	87,134,350,603
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	917,770,000	917,770,000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	39,474,382,626	86,216,580,603
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		895,226,891,905	773,241,275,630
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	895,226,891,905	773,241,275,630
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		837,044,050,000	752,050,000,000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		837,044,050,000	752,050,000,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		38,493,268,364	748,636,364
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6,719,655,738	6,719,655,738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12,969,917,803	13,722,983,528
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		12,947,425,426	7,420,326,084
421b	LNST chưa phân phối năm nay		22,492,377	6,302,657,444
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1,125,891,180,384	987,420,713,806

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG


BÙI TẤN KHẢI


PHAN THỊ HỒNG VÂN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	339,335,388,406	339,283,804,609
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		339,335,388,406	339,283,804,609
11	4. Giá vốn hàng bán	24	241,659,261,735	282,819,303,907
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		97,676,126,672	56,464,500,702
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	51,884,203,860	20,880,464,379
22	7. Chi phí tài chính	26	14,924,747,191	11,236,777,198
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		13,240,503,997	10,761,382,648
25	8. Chi phí bán hàng	27	29,605,607,188	18,171,069,285
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	64,038,673,010	30,450,745,250
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		40,991,303,143	17,486,373,348
31	11. Thu nhập khác	29	922,619,300	771,882,831
32	12. Chi phí khác	30	39,227,566	5,482,144,622
40	13. Lợi nhuận khác		883,391,734	(4,710,261,791)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		41,874,694,877	12,776,111,557
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	6,473,454,113
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		41,874,694,877	6,302,657,444

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG


BÙI TẤN KHẢI


PHAN THỊ HỒNG VÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	NĂM 2018 VND	NĂM 2017 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		41,874,694,877	12,776,111,557
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(27,080,778,431)	(2,267,218,339)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10,037,771,085	7,691,259,653
03	- Các khoản dự phòng các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1,537,967,562	436,405,497
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	18,098,041
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(51,897,021,075)	(21,174,364,178)
06	- Chi phí lãi vay		13,240,503,997	10,761,382,648
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14,793,916,446	10,508,893,218
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(17,649,467,076)	(42,363,540,676)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(631,827,196)	60,570,292
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(308,146,593)	10,033,574,404
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1,772,313,314	(2,358,159,042)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		13,923,704,222	36,702,295,778
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13,098,240,342)	(10,870,460,084)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4,801,882,338)	(5,421,601,707)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(548,316,163)	(161,363,636)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(6,547,945,726)	(3,869,791,453)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(20,429,070,874)	(16,265,829,494)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3,323,373,722	502,320,145
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(33,459,250,000)	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(651,224,713,670)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	29,151,008,744
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		44,166,918,116	5,807,517,130
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6,398,029,036)	(632,029,697,145)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		39,690,650,000	622,050,000,000
33	2. Tiền thu từ đi vay		180,227,960,901	190,802,490,530
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(164,273,548,138)	(174,679,967,450)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(37,686,474,675)	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

năm 2018

Tiếp theo

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	NĂM 2018 VND	NĂM 2017 VND
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		17,958,588,088	638,172,523,080
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5,012,613,326	2,273,034,482
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7,973,596,798	5,718,660,357
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(18,098,041)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	12,986,210,124	7,973,596,798

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Kế toán trưởng



BÙI TẤN KHẢI

Tổng Giám đốc



PHAN THỊ HỒNG VÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2018

1. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN:

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 17/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY TẠI:

Số 253 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

LĨNH VỰC KINH DOANH:

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ; - Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; Tổ chức tour du lịch lữ hành; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở). Cho thuê mặt bằng, kho bãi; Tổ chức sự kiện;
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư. Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).



VỐN ĐIỀU LỆ

837.044.050.000

tỷ đồng



TƯƠNG ĐƯƠNG

83.704.405

cổ phần



MỆNH GIÁ MỘT CỔ PHẦN

10.000

ngàn đồng



- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ); - Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ và khách sạn golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại khách sạn golf Cần Thơ); Cho thuê văn phòng; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô; dịch vụ cắt tóc, làm đầu; Kinh doanh nhà; Đầu tư kinh doanh công trình đô thị; Tư vấn đầu tư; Xây dựng nhà ở; Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, hạ tầng kỹ thuật (đường cống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường, điện dân dụng, điện chiếu sáng); Đào tạo, xuất khẩu lao động (chỉ được hoạt động khi có giấy phép của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội).
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tài sản ngắn hạn nhỏ hơn Nợ ngắn hạn là: 59,4 tỷ đồng. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá về luồng tiền tăng trưởng trong thời gian tới thông qua việc sáp nhập Công ty con, mở rộng sản xuất kinh doanh; sự tài trợ của các cổ đông để đảm bảo cho các khoản thanh toán đến hạn cũng như khả năng gia hạn các khoản nợ với các bên liên quan và tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Công ty tiếp tục hoạt động liên tục là phù hợp.
- Trong năm 2018, Công ty đã ghi nhận 45 tỷ đồng Doanh thu từ hoạt động tư vấn liên quan đến quản trị, bán hàng cho các Công ty con. Điều này dẫn đến doanh thu năm 2018 của Công ty không biến động lớn so với năm 2017, mặc dù năm 2017 Công ty phát sinh doanh thu lớn từ chuyển nhượng dự án. Đồng thời, trong năm 2018, các nhân viên quản lý, nhân viên kinh doanh của các Công ty con thực hiện ký Hợp đồng lao động tập trung tại Công ty mẹ; các chi phí quảng cáo, marketing thực hiện tập trung tại Công ty mẹ, điều này dẫn đến chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng năm 2018 tăng lần lượt 110,25% và 62,93% so với năm 2017.
- Trong năm 2018, Công ty được các Công ty con chia cổ tức với số tiền 51 tỷ đồng. Kết hợp ảnh hưởng của các yếu tố đã nêu trên, lợi nhuận sau thuế năm 2018 của Công ty tăng gấp 6,8 lần so với năm 2017.

CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

TÊN CÔNG TY	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Cần Thơ	Số 02, Đường Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành; Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng	Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 1, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam	Số 87 Đường Cửa Đại, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn; kinh doanh dịch vụ ăn uống; Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận – Trung tâm lữ hành	Số 01 Từ Văn Tư, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre – Trung tâm lữ hành	Số 500B4, đại lộ Đồng Khởi, Phường Phú Khương, Thành phố Bến Tre, Bến Tre	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang – Trung tâm lữ hành	Số 08 Đường 30/4, Phường 1, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch thành Thành Công – Trung tâm lữ hành	Số 512 Lý thường kiệt, Phường 7, Quận Tân Bình, Tp Hồ Chí Minh	Kinh doanh lữ hành
Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch thành Thành Công – TTC Travel Đà Lạt	Số 42, Đường Nguyễn Chí Thanh, Đà Lạt, Lâm Đồng	Kinh doanh lữ hành

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty: xem chi tiết tại *Thuyết minh số 04*.

2. Chế độ và chính sách kế toán áp dụng tại công ty

2.1. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;

phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

2.6. TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết

Được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.8. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	08 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 10 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm máy tính	03 năm
Tài sản cố định vô hình khác	03 năm

2.11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày

kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12. THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.15. CÁC KHOẢN VAY

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả

khác, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê phòng nghỉ, khách sạn.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển:

- Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20. DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng

2.22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.24. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	634,376,133	495,576,740
Tiền đang chuyển	12,268,898,192	7,443,416,249
	82,935,799	34,603,809
	12,986,210,124	7,973,596,798

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư cổ phiếu	-	-	13,923,704,222	(1,008,920,250)
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa - Mã chứng khoán: SBT (*)	-	-	13,923,704,222	(1,008,920,250)
	-	-	13,923,704,222	(1,008,920,250)

(*) Tại ngày 01/01/2018, khoản dự phòng của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn HOSE.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty con	799,765,487,932	-	716,717,455,932	-
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	13,081,152,262	-	13,081,152,262	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	77,168,581,670	-	77,168,581,670	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	268,800,283,000	-	268,800,283,000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (*)	363,295,516,000	-	280,247,484,000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	77,419,955,000	-	77,419,955,000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24,772,623,054	(3,813,421,836)	24,772,623,054	(1,568,668,439)
	24,772,623,054	(3,813,421,836)	24,772,623,054	(1,568,668,439)
	824,538,110,986	(3,813,421,836)	741,490,078,986	(1,568,668,439)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Ngày 21/09/2018, Công ty hoàn tất việc phát hành 4.513.480 cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ 5.015.020 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi mà Công ty chưa sở hữu theo Hợp đồng sáp nhập số 01/2018/TTC-TL tháng 04/2018. Sau khi hoán đổi cổ phiếu, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV, Công ty con 100% vốn thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công. Tại ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi chưa hoàn tất việc chuyển Giấy đăng ký kinh doanh từ Công ty Cổ phần sang Công ty TNHH MTV.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100.00%	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	84.45%	biểu quyết	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Tỉnh Lâm Đồng	72.01%	84.45%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	TP Hồ Chí Minh	74.80%	72.01%	Dịch vụ Khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	TP. Nha Trang	100.00%	74.80%	Dịch vụ Khách sạn

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2018 như sau:

"Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vina-golf Angkor	Vương quốc Campuchia	49,00%	49,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, liên doanh, liên kết trong năm: Xem Thuyết minh 36.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	1,704,231,504	-	1,408,483,216	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	330,691,233	-	24,291,649,017	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	-	-	8,311,415,107	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	1,745,505,948	-	4,043,301,000	-
Công ty TNHH Thương Mại và Du Lịch Anex Việt Nam	3,683,125,222	-	2,878,347,750	-
Công Ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Du Lịch Lữ Gia - Chi Nhánh Nha Trang	2,373,718,000	-	1,120,585,000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	15,400,999,132	(112,919,633)	14,451,918,021	(68,479,428)
	25,238,271,039	(112,919,633)	56,505,699,111	(68,479,428)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tổng Công ty Hàng không Vietnam Airlines - CTCP	-	-	1,107,754,789	-
Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Đặng Gia	1,220,000,000	-	-	-
Các khoản trả trước người bán khác	3,060,892,456	(135,635,460)	1,572,369,286	-
	4,280,892,456	(135,635,460)	2,680,124,075	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Bà Đặng Nhân Dung (1)	13,600,000,000	-	-	-
	13,600,000,000	-	-	-
b) Dài hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi (2)	19,859,250,000	-	-	-
	19,859,250,000	-	-	-

(1) Hợp đồng cho vay số 143/2018/HĐCV ngày 26/10/2018 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh;
- Thời hạn vay: 06 tháng;
- Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Không có Tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 13.600.000.000 đồng.

(2) Hợp đồng cho vay số 152B/2018/HĐCV ngày 04/12/2018 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn đầu tư dự án Dốc Lết;
- Thời hạn vay: 05 năm;
- Lãi suất cho vay: 10,3%/năm;
- Phương thức bảo đảm: Không có Tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2018 là 19.859.250.000 đồng.

8. PHẢI THU KHÁC

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (1)	18,042,846,080	-	5,354,592,230	-
Dự thu lãi cho vay	145,707,045	-	-	-
Phải thu người lao động tiền tạm ứng	17,313,201,760	-	1,069,529,581	-
Ký cược, ký quỹ	1,514,460,546	-	1,520,060,546	-
Phải thu tiền cổ tức Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	4,104,000,000	-
Phải thu tiền cổ tức Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	11,370,230,800	-	-	-
Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi tiền góp vốn	20,000,000,000	-	-	-
Phải thu khác	3,022,195,305	(122,058,750)	4,228,989,056	-
	71,408,641,536	(122,058,750)	16,277,171,413	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	35,000,000	-	35,000,000	-
	35,000,000	-	35,000,000	-

(1) Liên quan đến khoản phải thu Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor: Ngoài khoản phải thu về số tiền đã ứng để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014 tồn tại từ đầu năm, Công ty đã thanh toán thay Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor theo Hợp đồng thỏa thuận 3 bên với các đối tác cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

9. NỢ XẤU

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Công Ty Thương mại Đông Doanh	238,699,500	119,349,750	238,699,500	238,699,500
Các đối tượng khác	253,745,093	2,481,000	112,919,633	44,440,205
	492,444,593	121,830,750	351,619,133	283,139,705

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	808,940,446	-	745,520,880	-
Công cụ, dụng cụ	146,892,608	-	146,892,608	-
Hàng hóa	657,117,892	-	88,710,262	-
	1,612,950,946	-	981,123,750	-

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	38,892,426,817	296,000,000	345,006,268	39,533,433,085
Mua trong năm	-	-	145,348,182	145,348,182
Số dư cuối năm	38,892,426,817	296,000,000	490,354,450	39,678,781,267
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6,967,659,479	118,416,667	143,752,605	7,229,828,751
Khấu hao trong năm	995,057,676	78,666,669	117,909,044	1,191,633,389
Số dư cuối năm	7,962,717,155	197,083,336	261,661,649	8,421,462,140
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	31,924,767,338	177,583,333	201,253,663	32,303,604,334
Tại ngày cuối năm	30,929,709,662	98,916,664	228,692,801	31,257,319,127

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 30.929.709.662 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 65.000.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	362,088,814	872,849,272
Chi phí sửa chữa, bảo trì	61,046,222	4,288,575
Chi phí phần mềm máy tính	79,884,500	15,290,689
Các khoản khác	205,404,276	284,857,139
	708,423,812	1,177,285,675
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3,339,002,838	5,006,831,416
Chi phí thuê đất	79,999,488	-
Chi phí phần mềm máy tính	18,897,090	25,100,837
Chi phí làm phim quảng cáo	141,111,107	295,050,503
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	577,837,109	249,069,419
Các khoản khác	154,714,647	38,961,555
	4,311,562,279	5,615,013,730



14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		TRONG NĂM		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	24,671,864,804	24,671,864,804	158,798,102,586	102,244,260,462	81,225,706,928	81,225,706,928
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	13,321,864,804	13,321,864,804	100,687,309,678	64,238,527,554	49,770,646,928	49,770,646,928
Công ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng	-	-	7,270,792,908	7,270,792,908	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	-	-	440,000,000	440,000,000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	12,400,000,000	10,044,940,000	2,355,060,000	2,355,060,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	9,350,000,000	9,350,000,000	2,700,000,000	9,350,000,000	2,700,000,000	2,700,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch núi Tà Cú	2,000,000,000	2,000,000,000	12,300,000,000	300,000,000	14,000,000,000	14,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	-	-	23,000,000,000	10,600,000,000	12,400,000,000	12,400,000,000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	5,628,727,396	5,628,727,396	11,490,101,612	5,347,332,996	11,771,496,012	11,771,496,012
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	539,676,996	539,676,996	1,349,040,012	539,676,996	1,349,040,012	1,349,040,012
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đăklăk	5,089,050,400	5,089,050,400	4,526,261,600	4,807,656,000	4,807,656,000	4,807,656,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	-	-	114,800,000	-	114,800,000	114,800,000
Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	-	-	5,500,000,000	-	5,500,000,000	5,500,000,000
	30,300,592,200	30,300,592,200	170,288,204,198	107,591,593,458	92,997,202,940	92,997,202,940
b) Vay dài hạn	91,845,307,999	91,845,307,999	21,429,858,315	62,029,287,676	51,245,878,638	51,245,878,638
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh	2,500,385,000	2,500,385,000	5,755,200,000	2,906,571,676	5,349,013,324	5,349,013,324
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đăklăk	37,929,862,999	37,929,862,999	2,400,658,315	4,807,656,000	35,522,865,314	35,522,865,314
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	19,000,000,000	19,000,000,000	9,000,000,000	27,400,000,000	600,000,000	600,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	19,315,060,000	19,315,060,000	-	19,315,060,000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	7,600,000,000	7,600,000,000	-	7,600,000,000	-	-
Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	5,500,000,000	5,500,000,000	3,700,000,000	-	9,200,000,000	9,200,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	-	-	574,000,000	-	574,000,000	574,000,000
	91,845,307,999	91,845,307,999	21,429,858,315	62,029,287,676	51,245,878,638	51,245,878,638
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(5,628,727,396)	(5,628,727,396)	(11,490,101,612)	(5,347,332,996)	(11,771,496,012)	(11,771,496,012)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	86,216,580,603	86,216,580,603			39,474,382,626	39,474,382,626

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2017	01/01/2017
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk (1)	VND	Điều chỉnh	Tài sản	49,770,646,928	13,321,864,804
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	VND	10.0%	Tín chấp	2,355,060,000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	VND	9.5%	Tín chấp	2,700,000,000	9,350,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	VND	9.5%	Tín chấp	14,000,000,000	2,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	VND	10.0%	Tín chấp	12,400,000,000	-
				81,225,706,928	24,671,864,804

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư đến 31/12/2018 như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018	01/01/2018	01/01/2018
				VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk (1)	VND	Điều chỉnh	10/2025	Tài sản	35,522,865,314	37,929,862,999
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh (2)	VND	Điều chỉnh	06/2023	Tài sản	5,349,013,324	2,500,385,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	VND	10.5%	01/2020	Tín chấp	600,000,000	19,000,000,000
Công ty Cổ Phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	VND	8.5%	12/2020	Tín chấp	9,200,000,000	5,500,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	VND	8.5%	10/2019	Tín chấp	-	19,315,060,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	VND	9.0%	08/2019	Tín chấp	-	7,600,000,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (3)	VND	Điều chỉnh	12/2023	Tài sản	574,000,000	-
					51,245,878,638	91,845,307,999
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(11,771,496,012)	(5,628,727,396)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					39,474,382,626	86,216,580,603

(1) Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là Cổ phiếu tự do chuyển nhượng do Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa phát hành; Tỷ lệ đảm bảo 60%; Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú : bao gồm 3 bất động sản theo các GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BL 324358, số vào sổ cấp GCN: CT 04034 do TUQ Chủ tịch Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/12/2013, BL 324359 số vào sổ cấp GCN: CT 04033 do TUQ Chủ tịch Giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 10/12/2013, CK 818473 số vào sổ cấp GCN: CT 13634 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/10/2017, tỷ lệ đảm bảo 55%.

(2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Toyota biển kiểm soát: 51G-238.77; 2 xe Tracomco Universe biển kiểm soát 51B-403.38, 51B-400.41 và Xe Toyota Inova biển kiểm soát 51G-639.08.

(3) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình được đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là xe Toyota Corolla Altis 2.0V Sport 5 chỗ theo hợp đồng mua bán xe ô tô qua tín dụng ngân hàng số 1983/HĐMB/TESC ngày 28/11/2018 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công và Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	1,629,471,601	1,629,471,601
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	2,661,883,925	2,661,883,925	1,013,913,500	1,013,913,500
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	14,522,474,419	14,522,474,419	35,396,289,244	35,396,289,244
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	3,768,194,222	3,768,194,222	1,232,079,610	1,232,079,610
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	10,164,679,642	10,164,679,642	2,554,092,574	2,554,092,574
Phải trả các đối tượng khác	11,845,209,441	11,845,209,441	8,756,060,884	8,756,060,884
	42,962,441,649	42,962,441,649	50,581,907,413	50,581,907,413

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	743,225,325	-
Agoda Pte.,Ltd.	1,102,368,717	-
Các khoản người mua trả tiền trước khác	2,932,235,978	2,280,033,904
	4,777,830,020	2,280,033,904

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
- Thuế giá trị gia tăng	24,005,357	1,801,609,658	9,986,008,675	10,020,164,104	1,949,086	1,745,397,958
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	43,688,484	681,402,597	664,905,219	-	60,185,862
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3,696,649,286	-	4,801,882,338	1,105,233,052	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	494,684,821	3,115,138,582	2,247,102,554	-	1,362,720,849
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	139,401,600	139,401,600	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	98,421,566	82,779,382	-	15,642,184
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	-	-	-
	24,005,357	6,036,632,249	14,020,373,020	17,956,235,197	1,107,182,138	3,183,946,853

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trích trước chi phí lãi vay	142,263,655	-
Trích trước chi phí tư vấn	-	782,849,294
Trích trước chi phí hoa hồng	634,870,421	337,000,000
Trích trước chi phí đồng phục 2018	756,794,216	-
Chi phí phải trả khác	1,580,681,237	251,220,611
	3,114,609,529	1,371,069,905

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	9,194,660	9,194,660
Kinh phí công đoàn	392,893,319	335,347,861
Bảo hiểm y tế	53,131,875	40,961,820
Bảo hiểm thất nghiệp	24,649,851	18,060,750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3,176,099,598	2,770,000,000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	12,298,252,366	8,132,524,541
Các khoản phải trả phải nộp khác	18,966,868,233	19,819,039,987
<i>Phải trả Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt tiến chi hộ</i>	<i>229,020,412</i>	<i>229,020,412</i>
<i>Phải trả Công ty TNHH Thành Thành Công Đà Lạt giá trị còn lại tài sản bàn giao từ công ty con 100% vốn cho công ty mẹ</i>	<i>11,690,384,304</i>	<i>11,690,384,304</i>
<i>Phải trả Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam tiến chi hộ</i>	<i>4,008,603,410</i>	<i>4,008,603,410</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>3,038,860,107</i>	<i>3,891,031,861</i>
	34,921,089,902	31,125,129,619
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	917,770,000	917,770,000
	917,770,000	917,770,000

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn	1,922,054,546	1,496,286,786
	1,922,054,546	1,496,286,786

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	244,274,250,000	32.48%
Ông Vũ Quốc Vương	-	0.00%
Cổ đông khác	507,775,750,000	67.52%
	752,050,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>752,050,000,000</i>	<i>130,000,000,000</i>
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	<i>84,994,050,000</i>	<i>622,050,000,000</i>
<i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>837,044,050,000</i>	<i>752,050,000,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận		
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>8,132,524,541</i>	<i>8,132,524,541</i>
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>41,852,202,500</i>	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>41,852,202,500</i>	-
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>37,686,474,675</i>	-
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>37,686,474,675</i>	-
Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	12,298,252,366	8,132,524,541

	31/12/2018	01/01/2018
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83,704,405	75,205,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83,704,405	75,205,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83,704,405</i>	<i>75,205,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83,704,405	75,205,000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>83,704,405</i>	<i>75,205,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10,000	10,000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2018	01/01/2018
Quỹ đầu tư phát triển	6,719,655,738	6,719,655,738
	6,719,655,738	6,719,655,738

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký Hợp đồng thuê đất với UBND tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng số 183/HĐ-ND ngày 03/12/1992 và các Phụ lục điều chỉnh để thuê nhà số 4, Nguyễn Thị Minh Khai, phường 1, Thành phố Đà Lạt diện tích sử dụng là 974 m², diện tích lô đất là 600 m² vào mục đích kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Thời gian thuê đến hết ngày 20/09/2019. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

		31/12/2018	01/01/2018
Đô la Mỹ	USD	10,993.61	11,145.80

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Huỳnh Bá Phụng	235,000,559	235,000,559
Ngô Đình Long	207,057,168	207,057,168
Nhà máy Điện Hậu Giang	89,430,165	89,430,165
Trần Ngọc Nam	86,575,232	86,575,232
Các đối tượng khác	718,708,212	718,708,212
	1,336,771,336	1,336,771,336

23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1,991,857,062	484,390,500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	292,343,531,344	307,254,395,927
Doanh thu khác	45,000,000,000	31,545,018,182
	339,335,388,406	339,283,804,609

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1,991,857,062	484,038,500
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	239,667,404,673	231,709,265,407
Giá vốn khác	-	50,626,000,000
	241,659,261,735	282,819,303,907

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	490,879,207	347,517,130
Lãi bán các khoản chứng khoán kinh doanh	260,646,964	10,954,828,744
Cổ tức, lợi nhuận được chia	51,087,976,754	9,564,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	40,385,617	13,924,185
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4,315,318	194,320
	51,884,203,860	20,880,464,379

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	13,240,503,997	10,761,382,648
Lỗ do thanh lý chứng khoán kinh doanh	440,394,128	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8,015,919	19,187,440
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	18,098,041
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1,235,833,147	438,109,069
	14,924,747,191	11,236,777,198

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	364,188,819	174,976,587
Chi phí nhân công	18,521,119,226	12,450,877,746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95,379,267	205,289,899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,321,338,248	3,413,503,268
Chi phí khác bằng tiền	2,303,581,628	1,926,421,785
	29,605,607,188	18,171,069,285

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	604,647,463	527,342,608
Chi phí nhân công	34,546,816,877	18,472,727,728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,240,127,213	1,655,518,169
Chi phí dự phòng	302,134,415	68,479,428
Thuế, phí, và lệ phí	151,448,872	70,863,562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,235,170,500	4,885,450,683
Chi phí khác bằng tiền	12,958,327,670	4,770,363,072
	64,038,673,010	30,450,745,250

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	318,165,114	308,018,304
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	840,909	336,331,968
Tiền phạt thu được	5,628,000	-
Thu nhập từ voucher dịch vụ khách sạn đã hết hạn	358,490,335	-
Thu nhập khác	239,494,942	127,532,559
	922,619,300	771,882,831

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý công cụ dụng cụ	-	748,904,858
Các khoản bị phạt	1,853,565	353,204,148
Phạt vi phạm hợp đồng	1,800,000	3,600,000,000
Chi phí khác	35,574,001	780,035,616
	39,227,566	5,482,144,622

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	41,874,694,877	31,857,093,375
Các khoản điều chỉnh tăng	1,450,921,138	1,032,764,149
- Chi phí không hợp lệ	1,450,921,138	1,032,764,149
Các khoản điều chỉnh giảm	(51,087,976,754)	(9,564,000,000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(51,087,976,754)	(9,564,000,000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(7,762,360,739)	23,325,857,524
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	4,665,171,505
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	186,710,833
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	3,696,649,286	2,409,885,600
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4,801,882,338)	(3,565,118,652)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm từ hoạt động kinh doanh chính	(1,105,233,052)	3,696,649,286
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	-	(19,080,981,818)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	28,122,394,858
Chi phí không hợp lệ	-	28,122,394,858
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	9,041,413,040
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	1,808,282,608
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong năm của HĐKD bất động sản	-	(1,856,483,055)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD bất động sản	-	(48,200,447)
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	6,473,454,113
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	(1,105,233,052)	3,648,448,839

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20,852,399,526	16,967,135,694
Chi phí nhân công	72,187,119,163	42,665,169,524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10,037,771,085	7,691,259,653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210,033,033,479	199,307,637,426
Chi phí khác bằng tiền	19,899,227,203	10,121,481,708
	333,009,550,456	276,752,684,005

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

GIÁ TRỊ SỐ KẾ TOÁN	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,986,210,124	-	7,973,596,798	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96,681,912,575	(234,978,383)	72,817,870,524	(68,479,428)
Các khoản cho vay	33,459,250,000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	13,923,704,222	(1,008,920,250)
	143,127,372,699	(234,978,383)	94,715,171,544	(1,077,399,678)

GIÁ TRỊ SỐ KẾ TOÁN	31/12/2018		01/01/2018	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	132,471,585,566		116,517,172,803	
Phải trả người bán, phải trả khác	78,801,301,551		82,624,807,032	
Chi phí phải trả	3,114,609,529		1,371,069,905	
	214,387,496,646		200,513,049,740	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2018				
Đầu tư ngắn hạn	12,914,783,972	-	-	12,914,783,972
	12,914,783,972	-	-	12,914,783,972

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,986,210,124	-	-	12,986,210,124
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96,411,934,192	35,000,000	-	96,446,934,192
Các khoản cho vay	13,600,000,000	19,859,250,000	-	33,459,250,000
	122,998,144,316	19,894,250,000	-	142,892,394,316
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,973,596,798	-	-	7,973,596,798
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72,714,391,096	35,000,000	-	72,749,391,096
	80,687,987,894	35,000,000	-	80,722,987,894

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	92,997,202,940	39,474,382,626	-	132,471,585,566
Phải trả người bán, phải trả khác	77,883,531,551	917,770,000	-	78,801,301,551
Chi phí phải trả	3,114,609,529	-	-	3,114,609,529
	173,995,344,020	40,392,152,626	-	214,387,496,646
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	30,300,592,200	86,216,580,603	-	116,517,172,803
Phải trả người bán, phải trả khác	81,707,037,032	917,770,000	-	82,624,807,032
Chi phí phải trả	1,371,069,905	-	-	1,371,069,905
	113,378,699,137	87,134,350,603	-	200,513,049,740

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	180,227,960,901	190,802,490,530
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	164,273,548,138	174,679,967,450

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

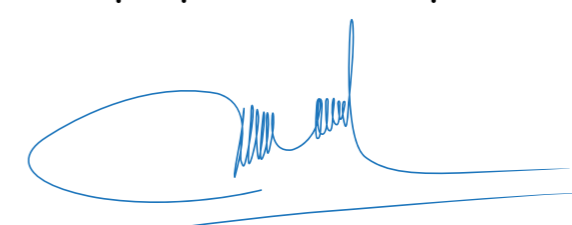
NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Kế toán trưởng

BÙI TẤN KHẢI

Tổng Giám đốc

PHAN THỊ HỒNG VÂN

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGUYỄN THẾ VINH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

253 Hoàng Văn Thụ, P. 2,
Quận Tân Bình, TP.HCM

Tel: (+84) 28 3971 6571
Email: info@ttctourist.vn

Hotline: **1900 55 88 55**